



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CHUYỂN ĐỔI VÀ TĂNG TRƯỞNG



CMC

CHUYỂN ĐỔI VÀ TĂNG TRƯỞNG

01

DNP NĂM 2021 VÀ THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Tâm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	08
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
Điểm nhấn 2021	12

02

GIỚI THIỆU DNP

Thông tin khái quát	20
Lịch sử hình thành và phát triển	22
Lĩnh vực kinh doanh	24
Địa bàn kinh doanh	28
Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị	30
Hội đồng quản trị	38
Ban giám đốc	40
Định hướng phát triển	42
Các nhân tố rủi ro	52



03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2021 và dự báo kinh tế vĩ mô 2022	64
Kết quả hoạt động kinh doanh 2021	66
Kết quả hoạt động từng mảng sản xuất kinh doanh	68
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	76
Tình hình tài chính	82
Những cải tiến về cơ cấu quản lý, chính sách	88
Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022	90
Các giải pháp thực hiện	92



04

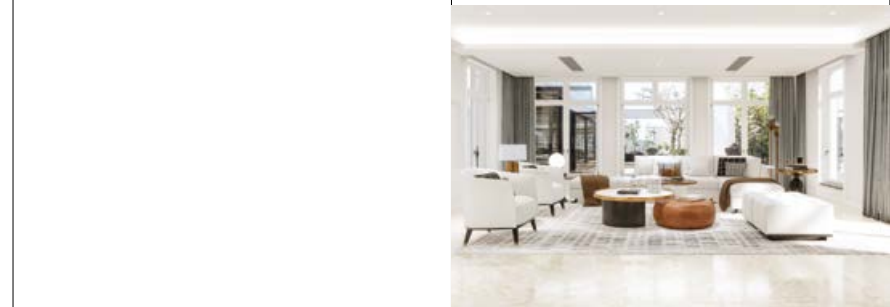
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị chung của DNP	98
Báo cáo của HĐQT về hoạt động công ty năm 2021	98
Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022	101
Thành viên và cơ cấu HĐQT	102
Các tiểu ban thuộc HĐQT	103
Hoạt động của HĐQT	103
Hoạt động của HĐQT độc lập	102
Đào tạo về quản trị công ty	104
Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	106
Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ	106
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT năm 2021	106
Cơ cấu cổ đông	107
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	107
Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	108
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	109
Thông tin cổ phiếu	110
Quan hệ cổ đông	111

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững	114
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	116
Chính sách liên quan người lao động, chiến lược phát triển nguồn nhân lực	134



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021

Thông tin chung	138
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	140
Báo cáo kiểm toán độc lập	141
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	142
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	146
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	148



Cảm hứng sống Nhật
cho ngôi nhà bạn

inochi

www.inochi.vn

inochi

*Inochi Sài Gòn

01

DNP NĂM 2021 VÀ THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Tâm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	08
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
Điểm nhấn 2021	12

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

DNP sẽ phát triển thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nước sạch và môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp, vật liệu xây dựng cho hoàn thiện công trình. DNP luôn khát vọng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt.

Sứ mệnh

DNP đặc biệt cam kết tham gia giải quyết những thách thức về nguồn nước và môi trường thông qua đội ngũ nhân lực năng động, tài năng, công nghệ tiên tiến, giải pháp đột phá và toàn diện.

Giá trị cốt lõi



**NHÌN XA
NGHĨ LỚN**
(SEE AHEAD)

DNP luôn nhạy bén và tinh tường khi đưa ra các giải pháp mang tính đột phá nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội đồng thời giải quyết những thách thức về nguồn nước và môi trường nhờ có tầm nhìn chiến lược và khả năng dự đoán xu hướng phát triển của tương lai – “Vì một Việt Nam phát triển bền vững”.



**GIA TĂNG
GIÁ TRỊ**
(ADD VALUE)

DNP luôn tạo ra giá trị gia tăng vượt trội cho khách hàng và đối tác thông qua các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhờ vào sự am hiểu thị trường và khả năng nhạy bén nắm bắt nhu cầu của khách hàng – “Khi giá trị gia tăng là cốt lõi của mỗi sản phẩm DNP”.



**KIẾN TẠO
TƯƠNG LAI**
(BUILD FUTURE)

DNP luôn nỗ lực góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt và nâng tầm thương hiệu Việt nhờ lợi thế cạnh tranh vượt trội về nguồn nhân lực và công nghệ tiên tiến, không ngừng đổi mới, sáng tạo – “Vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng”.

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị



**Kính thưa Quý Nhà đầu tư, Quý Khách hàng,
Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Nhân viên công ty**

Năm 2021 – một năm đầy biến động, xáo trộn lớn bởi đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Tình hình dịch bệnh trong nước đã có diễn biến phức tạp, đặc biệt với các đợt bùng phát tại TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh phía Nam với các đợt giãn cách tương tự như không có hồi kết. Các nền kinh tế trên toàn thế giới đã phải trải qua một thời kỳ khó khăn chưa từng có, phải đương đầu để chống chọi và giải quyết những hậu quả nặng nề do đại dịch gây ra. Kinh tế Việt Nam cũng vậy, ghi nhận tăng trưởng năm 2021 chỉ ở mức 2,6%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Tuy nhiên, không chấp nhận lùi bước, đội ngũ Ban Điều hành và nhân viên của DNP, với sự đồng hành của HĐQT, đã linh hoạt, kiên cường nỗ lực vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội vượt qua đại dịch một cách an toàn, ghi nhận một số tiến bộ quan trọng tại các khu vực mũi nhọn kinh doanh, xây nền tảng phát triển DNP dài hạn. Tổng thể, DNP đạt 6.237 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 23 tỷ đồng. Vượt lên khó khăn, giai đoạn 10 năm (2012-2021), DNP có sự tăng trưởng thần kỳ với CAGR 45%/năm. Từ một doanh nghiệp sản xuất có doanh thu 306 tỷ đồng năm 2012, DNP đã phát triển thành 1 công ty đầu tư đạt quy mô trên 6 nghìn tỷ doanh thu, mở rộng qua 4 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Năm 2021, DNP lấy phương châm biến thách thức thành cơ hội, thời cơ để tái cấu trúc và tập trung cho các mũi nhọn chiến lược, tiếp tục cải tổ mạnh mẽ để trở thành một tổ chức tinh gọn, tốc độ cao và hiệu quả. Theo đó, DNP đã chính thức mua cổ phần chi phối của CTCP CMC – thương hiệu gạch ốp lát hàng đầu Việt Nam với hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong ngành. Dấu mốc này giúp Công ty tiếp tục kiện toàn chuỗi vật liệu xây dựng cận hoàn thiện, đưa vật liệu xây dựng trở thành lĩnh vực quan trọng

“

Yếu tố quan trọng nhất của DNP để đạt tới những thành công kể trên và sắp tới chính là con người – tài sản lớn nhất của Công ty. Chính sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, nhân viên là nhân tố đưa doanh nghiệp vượt qua đại dịch. Ban lãnh đạo trân trọng tinh thần làm việc quên ngày đêm, sự hy sinh không nhỏ của các anh chị em công nhân tại những nhà máy 3 tại chỗ trong các đợt giãn cách dài ngày. Chúng tôi cảm ơn sự nỗ lực của toàn thể những con người trong đại gia đình DNP, thành công chung dù nhỏ hay lớn của Công ty đều có được nhờ vào sự nỗ lực đó.

”

nhất trong chiến lược phát triển dài hạn. Bên cạnh đó, Inochi - dự án thương hiệu đồ gia dụng Make in Vietnam được đón nhận mạnh mẽ tại thị trường trong nước, và bước đầu xuất khẩu ra quốc tế, ghi nhận tăng trưởng hơn 100% so với năm 2020. Các lĩnh vực khác gồm nước sạch DNP Water, vật tư ngành nước, sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định.

Năm 2021, dịch bệnh bùng phát nghiêm trọng tại các tỉnh phía Nam, khu vực DNP đặt hạ tầng sản xuất và cũng là thị trường chính, nên chắc chắn đã ảnh hưởng ít nhiều tới chuỗi cung ứng và điều kiện thị trường của Công ty. Nhưng điều quan trọng hơn, DNP đã bảo vệ thành công đội ngũ nhân viên của mình an toàn trước bệnh dịch với các chiến dịch tiêm vaccin sớm và triệt để nhất. Song song đó, Công ty có những chiến dịch cùng đồng hành các tỉnh chống dịch, thực hiện kinh doanh có trách nhiệm.

Năm 2022 đang đến với những rủi ro của đại dịch vẫn còn nghiêm trọng, tình hình chính trị thế giới bất ổn do cuộc chiến tranh giữa Nga - Ucraina, giá và nguồn cung các vật liệu đầu vào tăng phi mã, bất định, rất khó lường. Hoạt động kinh doanh của DNP tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn. Tuy vậy, với tinh thần DNP, sự chuẩn bị từ chiến lược, sức mạnh đoàn kết, ý chí và quyết tâm cao, tôi tin tưởng rằng DNP sẽ tiếp tục vượt qua khó khăn và ghi nhận kết quả tích cực hơn cho sự kiện kỷ niệm 10 năm tái cấu trúc chiến lược (2012-2022).

Yếu tố quan trọng nhất của DNP để đạt tới những thành công kể trên và sắp tới chính là con người – tài sản lớn nhất của Công ty. Chính sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, nhân viên là nhân tố đưa doanh nghiệp vượt qua đại dịch. Ban lãnh đạo trân trọng tinh thần làm việc quên

ngày đêm, sự hy sinh không nhỏ của các anh chị em công nhân tại những nhà máy 3 tại chỗ trong các đợt giãn cách dài ngày. Chúng tôi cảm ơn sự nỗ lực của toàn thể những con người trong đại gia đình DNP, thành công chung dù nhỏ hay lớn của Công ty đều có được nhờ vào sự nỗ lực đó.

Nhân dịp này, tôi trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Quý đối tác đã đồng hành, tin tưởng và ủng hộ chúng tôi. Trên hành trình sắp tới, mong rằng chúng ta vẫn sẽ luôn đồng hành với những thành quả đáng tự hào hơn nữa để đưa con thuyền DNP ra khơi và vươn đến những tầm cao mới.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vũ Đình Độ

Điểm nhấn 2021

SỐ 1
Nhà đầu tư tư nhân ngành nước số 1 Việt Nam

SỐ 1
VTTB ngành nước

TOP 5
Thương hiệu gạch Việt Nam

Thương hiệu gia dụng cao cấp

TOP 4
Bao bì mềm

TOP 5
Bao bì cứng

14.040
tỷ đồng

Tổng tài sản

3.293
tỷ đồng

Vốn hóa thị trường (*)

6.237
tỷ đồng

Tổng doanh thu thuần

42,7%

Tăng trưởng gộp bình quân doanh thu thuần 2017 - 2021 (CAGR)

35,9%

Tăng trưởng gộp bình quân lợi nhuận gộp 2017 - 2021 (CAGR)

4.219
người

Tổng số nhân viên

1 triệu
m³/ngày đêm

Tổng công suất thiết kế nước sạch

26 triệu
m²/năm

Công suất gạch ốp lát và ngói

5.000
tấn/tháng

Công suất ống và phụ kiện nhựa

500
SKU

Tổng số mã sản phẩm gia dụng

1.800
tấn/tháng

Công suất bao bì mềm

2.000
tấn/tháng

Công suất bao bì cứng

Địa bàn hoạt động

Nước sạch và Môi trường
Cung cấp nước tại **11** tỉnh thành, thoát nước và vệ sinh môi trường tại **5** tỉnh thành.

Ống nhựa và Vật tư thiết bị ngành nước
63/63 tỉnh thành cả nước.

Gạch, ngói ốp lát
Sản phẩm được phân phối tại **63/63** tỉnh thành trên cả nước.

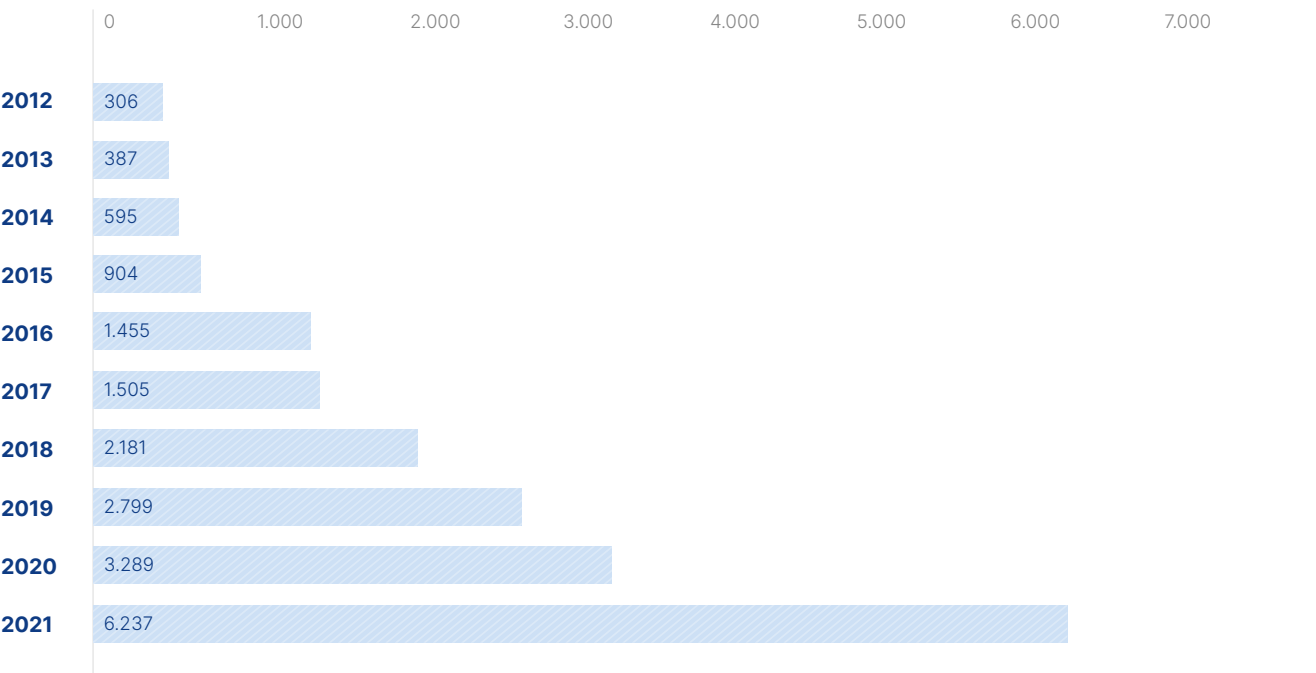
Sản phẩm gia dụng
Phân phối hiện đại và truyền thống tại **59/63** tỉnh thành cả nước, 34 showroom tại các đô thị loại 1 và 2.

Bao bì
Bao bì mềm xuất khẩu đi các thị trường châu Âu, Úc, Mỹ...Bao bì cứng cho các doanh nghiệp.

(*) Tại ngày 31/03/2022

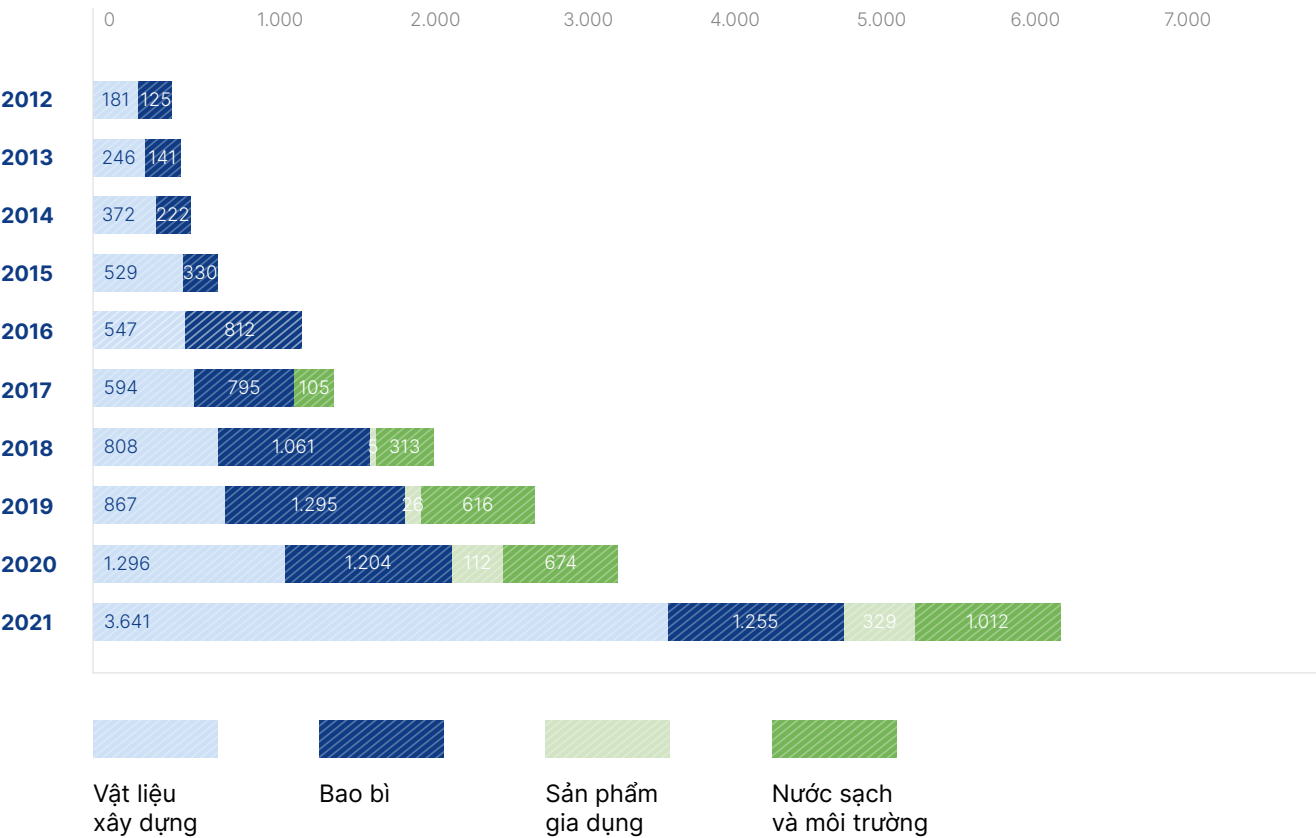
Tăng trưởng doanh thu thuần hàng năm

Đơn vị: Tỷ đồng



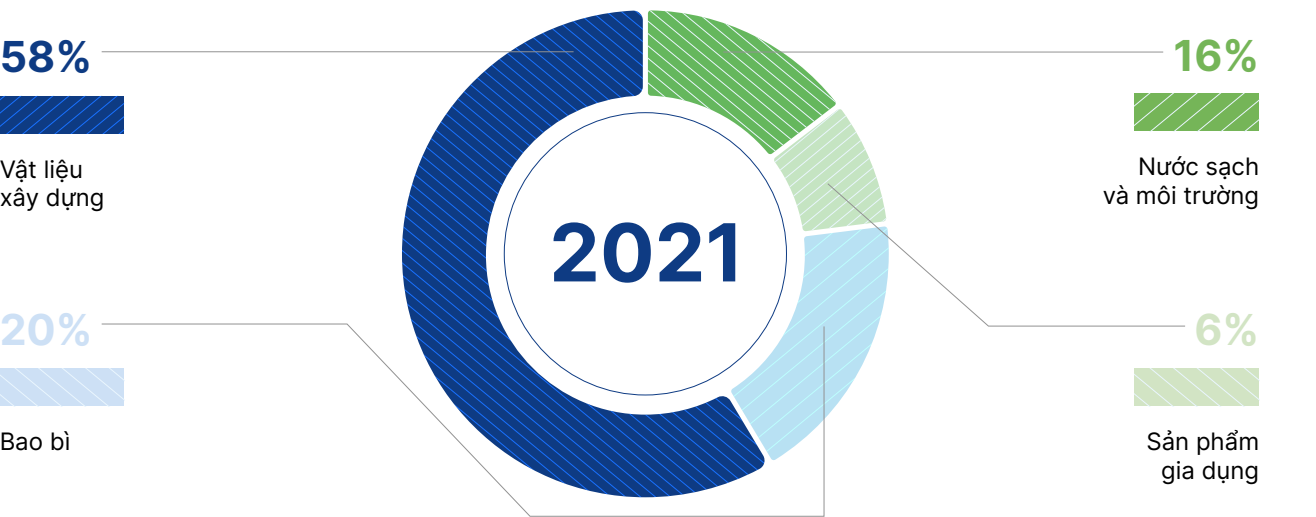
Cơ cấu doanh thu thuần theo ngành

Đơn vị: Tỷ đồng



Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm năm 2021

Đơn vị: %

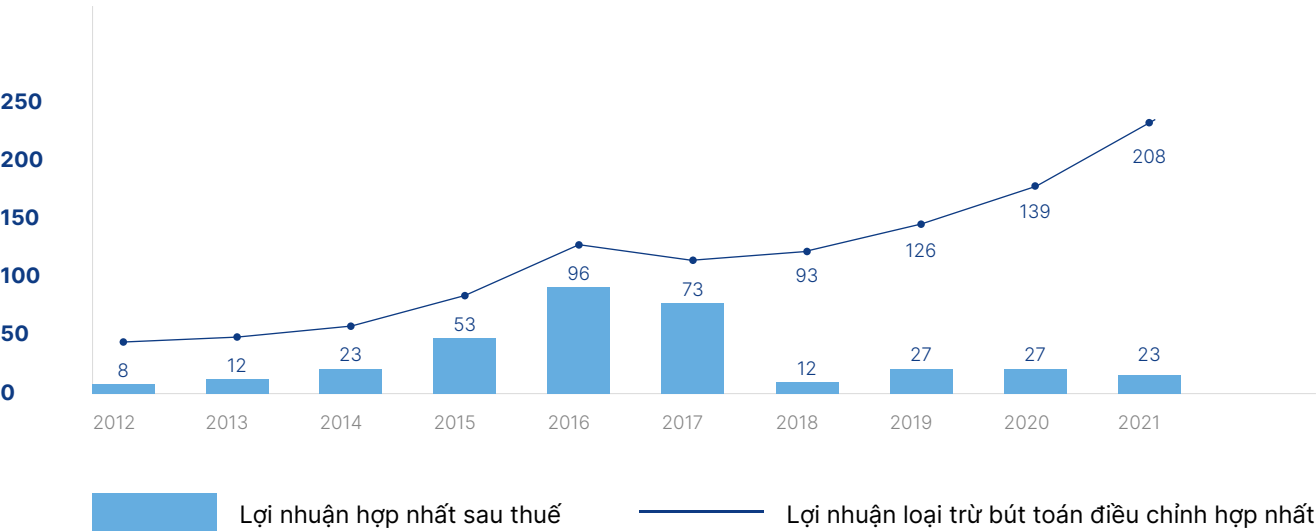


Lợi nhuận thực hiện qua các năm:

Nếu loại bỏ ảnh hưởng bút toán hợp nhất kế toán thì lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2019 là 126 tỷ đồng, năm 2020 là 139 tỷ đồng và năm 2021 là 208 tỷ đồng.

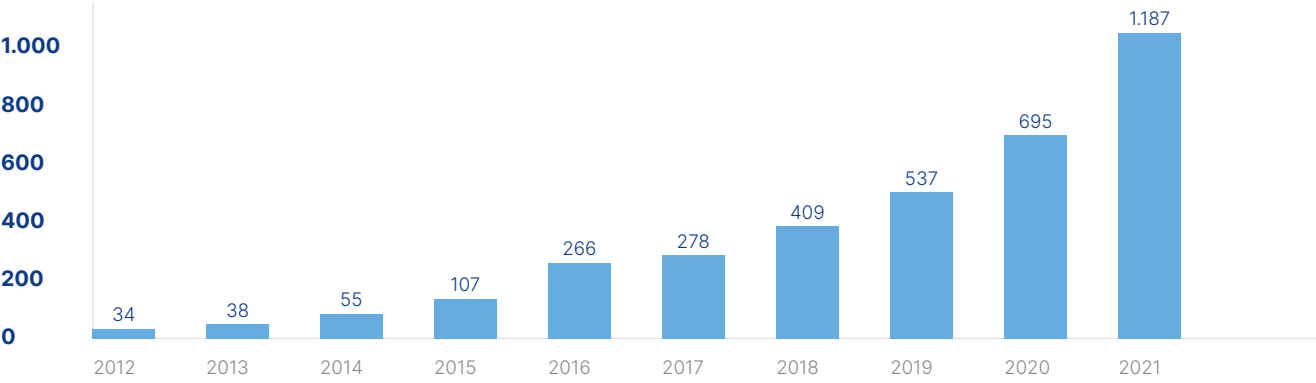
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế

Đơn vị: Tỷ đồng



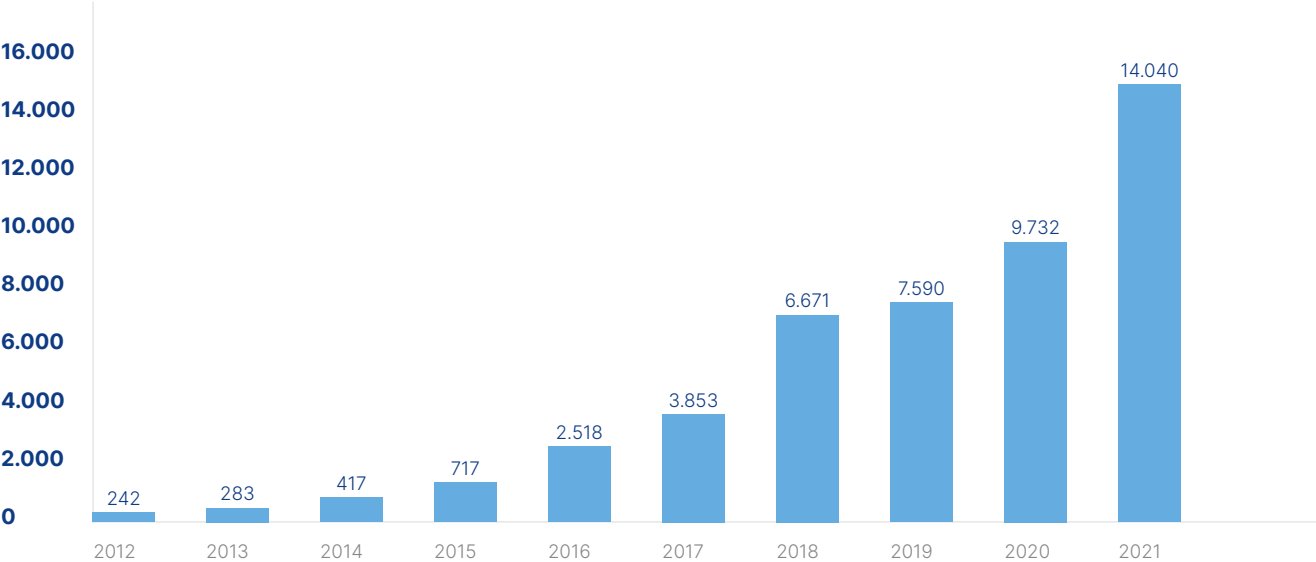
EBITDA thực hiện qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



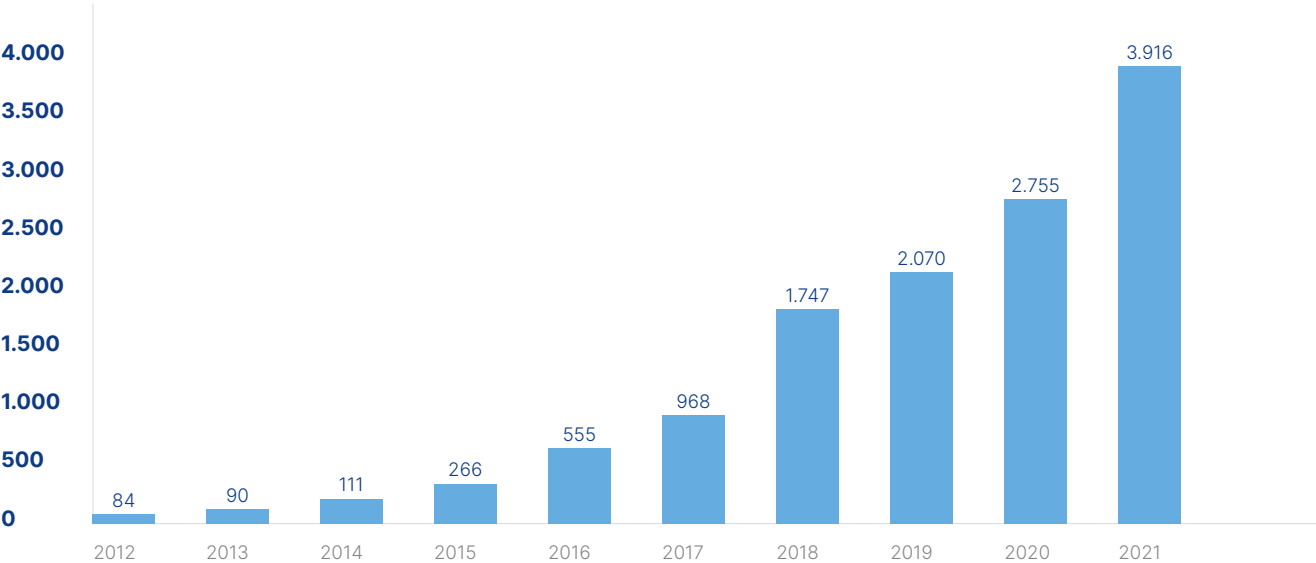
Quy mô tổng tài sản qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



Quy mô vốn chủ sở hữu qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng





02

GIỚI THIỆU DNP

Thông tin khái quát	20
Lịch sử hình thành và phát triển	22
Lĩnh vực kinh doanh	24
Địa bàn kinh doanh	28
Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị	30
Hội đồng quản trị	38
Ban giám đốc	40
Định hướng phát triển	42
Các nhân tố rủi ro	52

Giới thiệu Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai

Thông tin khái quát

DNP là Công ty đầu tư tập trung chính vào lĩnh vực nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì các loại.

DNP Water và các đơn vị thành viên sở hữu và vận hành các nhà máy cấp thoát nước có công suất trên 1 triệu m³/ngày đêm, đang đề xuất và thực hiện các giải pháp cấp nước cho các vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như Sapa, Phú Quốc, Đồng bằng sông Cửu Long.

CMC - một thành viên mới của DNP sở hữu công suất gạch ốp lát cao cấp và ngói các loại 26 triệu m²/năm, được đánh giá là cái nôi của ngành, đơn vị tiên phong đổi mới sáng tạo, chất lượng sản phẩm cao cấp và là đơn vị có hiệu quả cao nhất trong ngành.

Nhựa Đồng Nai, DNP Hawaco, và Tân Phú Việt Nam sở hữu và vận hành công suất ống nhựa và phụ kiện có tổng công suất trên 5.000 tấn/tháng, nhà cung cấp số 1 Việt Nam về các loại thiết bị vật tư và giải pháp cơ điện cho ngành cấp thoát nước và xây dựng dân dụng, công suất bao bì các loại trên 3.000 tấn/tháng; INOCHI - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Tân Phú Việt Nam được phân phối rộng khắp trên thị trường cả nước, và được đánh giá cao về tiêu chuẩn, cạnh tranh với các thương hiệu quốc tế.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:

Ông VŨ ĐÌNH ĐỘ

Tên giao dịch:

CTCP Nhựa Đồng Nai

Mã chứng khoán:

DNP (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)

Vốn điều lệ:

1.189 tỷ đồng
(tại ngày 31/12/2021)

Vốn chủ sở hữu:

3.916 tỷ đồng
(tại ngày 31/12/2021)

Trụ sở chính:

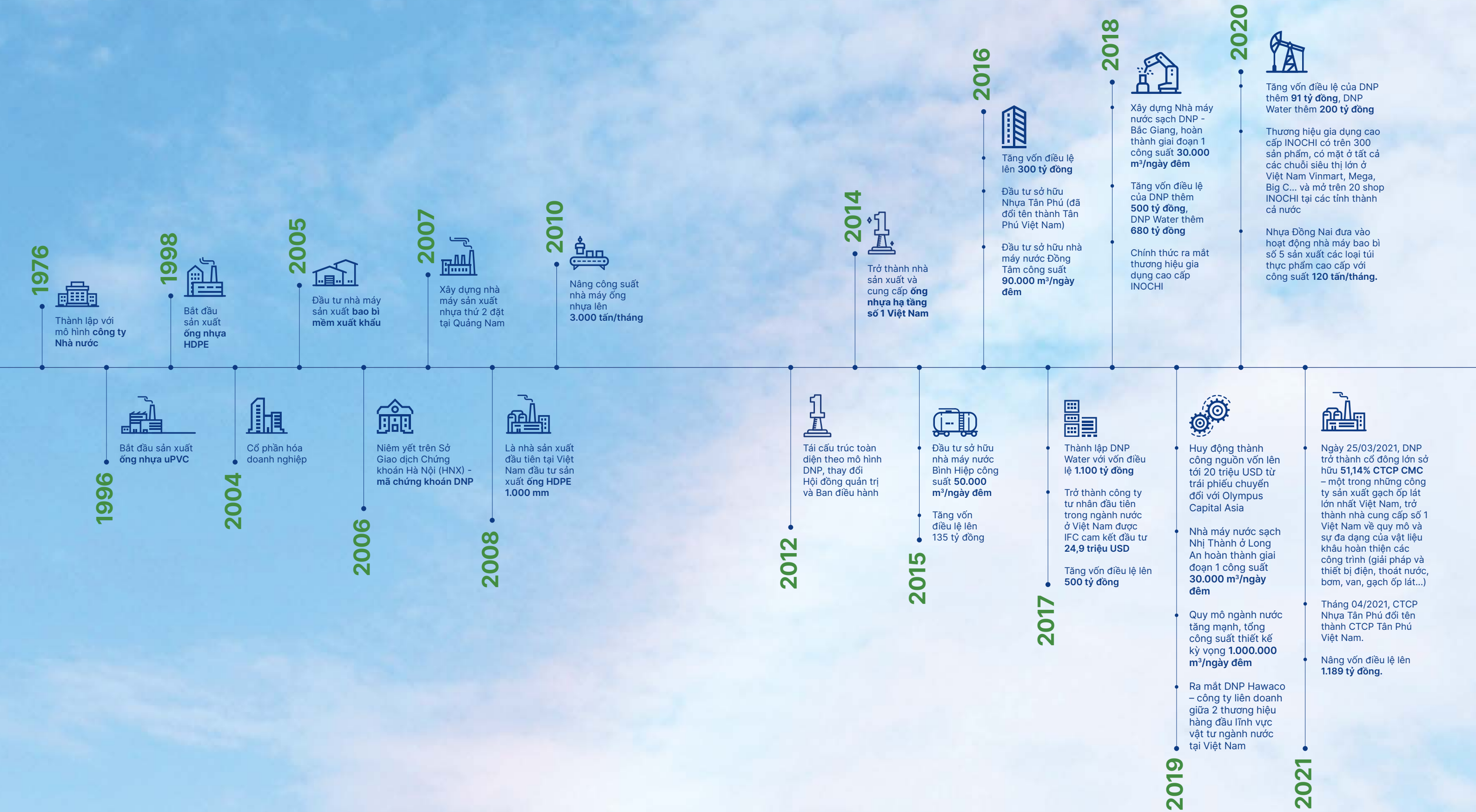
Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



*DNP Bắc Giang

Lịch sử hình thành và phát triển

Các mốc sự kiện quan trọng



Lĩnh vực kinh doanh

NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng
- Đầu tư tăng công suất và hiệu quả của các nhà máy nước hiện hữu
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị
- Tiên phong phát triển các giải pháp cấp nước tại nông thôn, biển đảo và những khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu



VẬT LIỆU XÂY DỰNG

5.000 tấn ống/tháng

470 tỷ năm 2021

26 triệu m² gạch

Ống nhựa và phụ kiện Nhựa Đồng Nai
Sản xuất và cung cấp ống nhựa và phụ kiện HDPE, uPVC, PPR... cho hạ tầng cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng, tưới tiêu nông nghiệp và thủy lợi

Công suất mảng ống nhựa và phụ kiện đạt 5.000 tấn ống/tháng, Nhựa Đồng Nai được thị trường ghi nhận là số 1 thị phần Việt Nam mảng hạ tầng cấp thoát nước.

Vật tư thiết bị ngành nước DNP Hawaco
Cung ứng vật tư thiết bị ngành nước (đồng hồ đo nước, bơm, van, hóa chất...); nội địa hoá sản xuất (tấm lạng Lamela, module xử lý...), tích hợp giải pháp (SCADA, điện điều khiển...), tự động hoá, chuyển đổi số, công nghệ xử lý nước cho hạ tầng (nước sạch, nước thải, thủy lợi) và xây dựng dân dụng, toà nhà;

DNP Hawaco được đánh giá là nhà cung cấp vật tư thiết bị ngành nước số 1 với quy mô doanh số 470 tỷ vào 2021.

Gạch ốp lát CMC
Sản xuất, cung cấp gạch ốp tường, gạch lát sàn, gạch trang trí và ngói trang men cao cấp cho các công trình xây dựng từ dân dụng tới công nghiệp và thương mại.

Sở hữu 02 nhà máy với công suất đạt trên 26 triệu m² gạch, ngói mỗi năm; CMC được đánh giá là một trong những thương hiệu sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng với hơn 16 dòng kích thước, 10 định dạng bề mặt và hơn 2.000 mẫu thiết kế; cùng với chất lượng vượt trội và là một trong những thương hiệu được ưa thích nhất tại Việt Nam.



Lĩnh vực kinh doanh

SẢN PHẨM GIA DỤNG CAO CẤP

INOCHI là thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp của Tân Phú Việt Nam (mã chứng khoán: TPP), được phát triển dựa trên nền tảng kỹ thuật công nghệ của TPP.

Tiên phong phát triển, sản xuất các sản phẩm gia dụng mang thương hiệu INOCHI tiêu chuẩn Nhật Bản, chất lượng cao, giàu tiện ích, thân thiện và an toàn với người sử dụng.

Mặc dù sản phẩm mới được tung ra từ 2019, nhưng INOCHI có tốc độ tăng trưởng ấn tượng về doanh số từ 29 tỷ năm 2019 lên 329 tỷ năm 2021. Kênh phân phối đa dạng từ hệ thống siêu thị (MT) và kênh truyền thống (GT) với độ phủ cao và tiếp tục mở rộng mạnh mẽ. Được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, mẫu mã, tiện ích.

Năm 2021 đã mở rộng thêm kênh Shop và 14 Showroom tại 8 tỉnh thành phố lớn của Việt Nam như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang, Đồng Nai, Hải Phòng và Bình Dương.

Kênh doanh nghiệp bán các sản phẩm Promotion đã góp phần đẩy mạnh doanh số INOCHI tăng trưởng 293,4% so với năm 2020.

Đẩy mạnh truyền thông, marketing, bán hàng qua kênh online và các trang thương mại điện tử tăng nhận diện INOCHI trên toàn thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam.

BAO BÌ

1.800
tấn/tháng

Bao bì mềm - Nhựa Đồng Nai (dự kiến sẽ tái cơ cấu và chuyển về Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam trong năm 2022)

- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: starseal, T-shirt shopping bags, sandwich, drawstring... đạt tiêu chuẩn châu Âu
- Các sản phẩm bao bì cao cấp mới ra mắt: túi ziplock, túi slider đựng thực phẩm...
- Xuất khẩu đến các thị trường: châu Âu (Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ...), Úc, Mỹ
- Tổng công suất: 1.800 tấn/tháng

Bao bì cứng Tân Phú Việt Nam

- Sản xuất bao bì cứng, cho các ngành thiết yếu:
- Kỹ thuật Công nghiệp: Vỏ ắc quy, thùng sơn
- Hóa mỹ phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET
- Bảo vệ thực vật: Chai 3 lớp, chai PET, can, thùng
- Thực phẩm và đồ uống: Chai HDPE, PP, chai PET
- Dược phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET

Khuôn mẫu: Chế tạo khuôn mẫu phục vụ cho sản xuất ngành nhựa
Trong năm 2021, doanh số của mảng bao bì cứng duy trì tăng trưởng ổn định 107,5% so với năm 2020.

107,5%
tăng trưởng so với 2020



Địa bàn kinh doanh

ỐNG NHỰA VÀ VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH NƯỚC

Khắp các tỉnh thành Việt Nam
và xuất khẩu (châu Âu, Úc)

BAO BÌ

Bao bì mềm xuất khẩu đi
các thị trường châu Âu, Úc, Mỹ...
Bao bì cứng gia công cho
các doanh nghiệp

SẢN PHẨM GIA DỤNG

Kênh phân phối hiện đại
và truyền thống ở tất cả
63 tỉnh thành cả nước

NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG

Cấp nước tại 11 tỉnh thành,
thoát nước và vệ sinh
môi trường tại 5 tỉnh thành

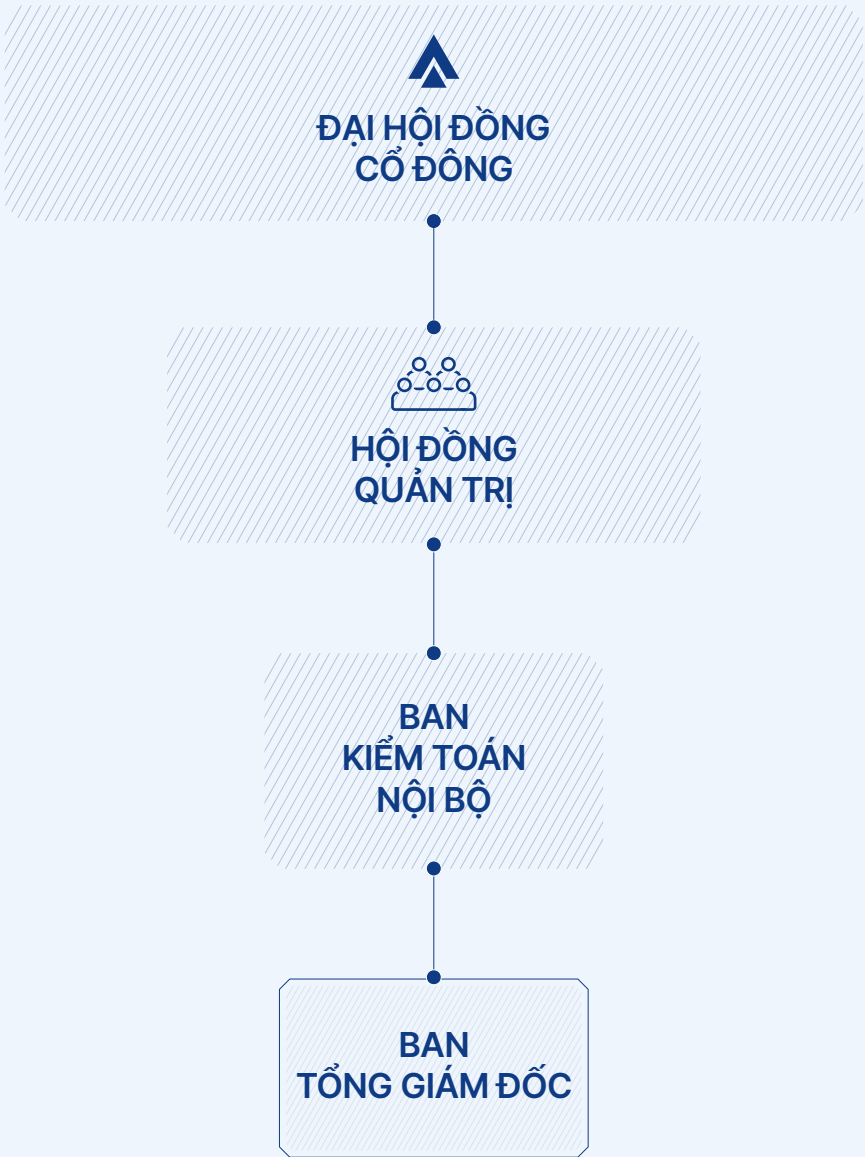
GẠCH ỐP LÁT VÀ NGÓI CÁC LOẠI

Kênh phân phối ở tất cả
63 tỉnh thành cả nước

Cơ cấu tổ chức,
mô hình quản trị

DNP hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP là công ty holding thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ. Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

Mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và có Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn có Ban cố vấn gồm các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực quản trị và vận hành, tài chính, truyền thông... tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực thi các chiến lược kinh doanh.



Nền tảng tổ chức

KHỐI QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ở các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S)

- **Khối Sản xuất:** Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch tại các đơn vị thành viên.
- **Khối Kinh doanh:** Các đội kinh doanh được tổ chức theo mảng kinh doanh, nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối...cho các sản phẩm ống và vật tư ngành nước cho các công trình hạ tầng và dân dụng, vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng, bao bì mềm...
- **Khối Phát triển:** Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh và giải pháp mới.

KHỐI HOLDING

- **Khối Ngân hàng đầu tư (IB):** Nghiên cứu phát triển, cấu trúc vốn, huy động vốn tăng trưởng quy mô và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình hoạt động và phát triển.
- **Khối Nguồn vốn và quản trị tài chính (TAF):** Quản trị dòng tiền, đầu tư tập trung, quản trị kế toán, thuế và quản trị hiệu quả hoạt động, rủi ro tài chính.
- **Khối Marketing và Truyền thông:** Hoạch định và điều phối thực thi chiến lược phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, truyền thông, tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh và hiệu quả kinh doanh của DNP.
- **Khối Chuyển đổi tổ chức (HRD):** Xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp & linh hoạt.
- **Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số:** Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP.
- **Các khối nghiệp vụ hỗ trợ:** Kế toán, Hành chính, Mua hàng... hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP và các đơn vị thành viên.



Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	45.000.000.000	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	300.000.000.000	51,01	51,01
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các công ty/ dự án nước sạch	1.980.194.360.000	68,24	68,24
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Tiền Giang	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước	475.000.000	99,996	68,22
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	Ấp 7, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	250.000.000.000	87,82	58,68
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	376.922.000.000	99,997	68,24
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước Sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đinh Công Tráng, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.199.990.000	86,36	58,94
8	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	100.000.000.000	89,38	55,57
9	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.729.270.000	57,26	39,07

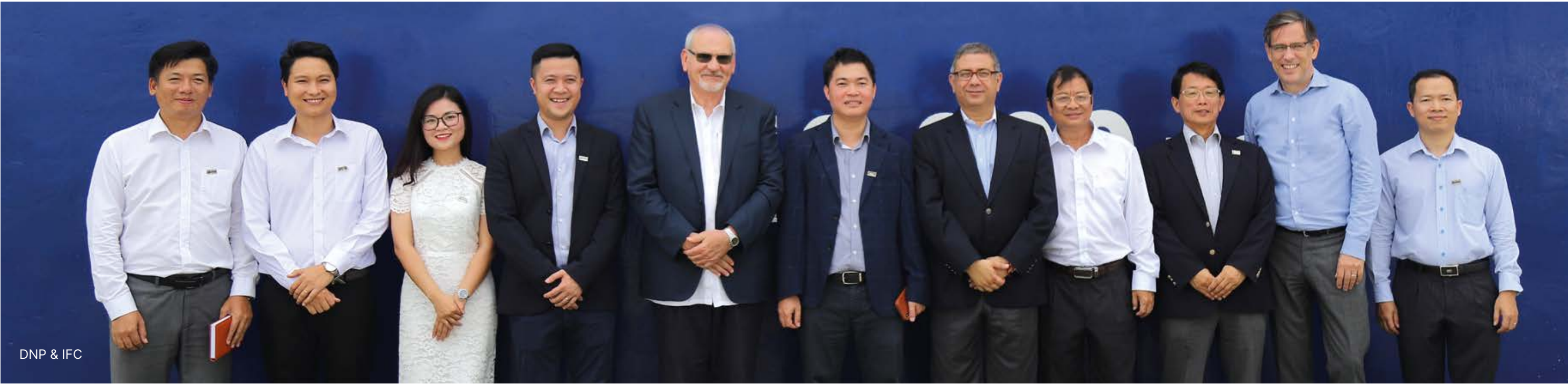
STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
10	Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	389.229.900.000	52,68	35,95
11	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489, đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	105.768.270.000	59,47	38,26
12	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	Số 44/6D, Khu phố 3, Thị Trấn Tâm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	6.885.000.000	96,06	65,56
13	Công Ty Cổ Phần DNP Hawaco	Số 25 phố Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	50.000.000.000	50,00	49,67
14	Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	Số 366C, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	117.733.160.000	48,86	28,8
15	Công ty Cổ phần Đô Thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	41.394.300.000	51,51	35,15
16	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Số 27, Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	8.150.000.000	80,00	39,73
17	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	Tầng 18, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12.500.000.000	80,00	39,73

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
18	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	132.038.580.000	84,19	57,45
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	38.233.000.000	84,15	57,43
20	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	366.908.870.000	51,14	51,14
21	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15.000.000.000	99,93	52,23
22	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	Số 243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	500.000.000	100	35,15
23	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, Tổ dân phố 18, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	500.000.000	100	35,15
24	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Số 7, Hẻm 194/70/4 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp vật tư, thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	10.000.000.000	70	34,76
25	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	700.100.000.000	99,99	51,13

Các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	STH19.25 Đường số 13 KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Phước Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và cung cấp nước sạch	13.475.000.000	45	45
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và cung cấp nước sạch	122.000.000.000	37,15	25,35
3	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	2A đường Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Sản xuất và cung cấp nước sạch	280.000.000.000	47,61	32,49
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Số 204 Quang Trung, phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Sản xuất và cung cấp nước sạch	155.349.000.000	24,27	16,56

5	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và cung cấp nước sạch	2.999.367.971	25,01	9,77
6	Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và cung cấp nước sạch	10.000.000.000	25	9,77
7	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Số 81 đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch	172.302.040.000	25	17,06
8	Công ty Cổ phần Công trình đô thị Thủ Thừa	Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	Sản xuất và cung cấp nước sạch, dịch vụ công ích	9.062.164.261	48,25	32,93
9	Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Số 70 Nguyễn Trọng Ký, Phường Cam Lợi, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ Công ích	46.000.000.000	20,33	11,68
10	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	0	43,42	22,15



Hội đồng quản trị



ÔNG VŨ ĐÌNH ĐỘ
Chủ tịch HĐQT

Ông Độ có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các lĩnh vực đầu tư, vận hành và quản trị doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, kế toán - kiểm toán. Trước đây, ông có gần 3 năm làm kiểm toán viên tại KPMG Việt Nam và 1 năm làm việc tại KPMG Singapore. Từ năm 2007 đến năm 2011, ông trải qua các vị trí cấp cao về phân tích, đầu tư, thị trường vốn, M&A và công cụ phái sinh tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Chứng khoán VNDirect và CTCP Chứng khoán Maritime Bank.

Ông gia nhập DNP từ năm 2012 với vai trò Giám đốc điều hành (COO) và trở thành TGD và Chủ tịch HĐQT từ 2014.



ÔNG NGÔ ĐỨC VŨ
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ có bằng Thạc sĩ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCPEAP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, TGD CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, TGD CTCP Nhựa Đồng Nai. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP.



ÔNG NGUYỄN VĂN HIẾU
Thành viên HĐQT DNP, Tổng Giám đốc

Ông Hiếu tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2004, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán quốc tế và 5 năm làm Giám đốc tài chính Tập đoàn T&C Holding.

Ông gia nhập DNP từ năm 2012, đảm nhận các vị trí quan trọng trong quá trình tái cấu trúc của DNP như Giám đốc kinh doanh (2013), Phó TGD điều hành (2015). Năm 2017, ông được bầu vào HĐQT DNP và giữ vai trò TGD CTCP Nhựa Đồng Nai.



BÀ PHAN THÙY GIANG
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sĩ chuyên ngành tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng. Gia nhập DNP từ năm 2017, bà đã từng đảm nhiệm các vị trí trong Ban kiểm soát của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An, Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk và gần đây nhất là Công ty Cổ phần CMC... Trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng giám đốc, bà Phan Thùy Giang đảm nhiệm vai trò là giám đốc khối Ngân hàng đầu tư tại DNP và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các dự án lớn cũng như những thành quả trong lĩnh vực tài chính, đầu tư của công ty cho đến ngày hôm nay.



ÔNG HỒ ANH DŨNG
Thành viên HĐQT

Ông Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán với hơn 10 năm làm việc tại các đơn vị như CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Tập đoàn FPT, CTCP Chứng khoán MBS. Về chuyên môn, ông tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và hoàn thành chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay ngoài vị trí thành viên HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tham gia từ tháng 5.2019), ông còn là TGD CTCP Chứng khoán Quốc Gia, và thành viên HĐQT CTCP SAM Holdings.



ÔNG LÊ VĂN MINH
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Minh tốt nghiệp Đại học Luật (ngành kinh tế luật) và Đại học Kinh tế (ngành kế toán và quản trị kinh doanh - ngoại thương). Với hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán - kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính tại Công ty CP Tập đoàn Khải Toàn, Thời Trang Việt, TNHH Yujin Vina, TNHH Masterbatch Việt Nam, TGD CTCP ECI Sài Gòn và Giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Ông Minh đang đảm nhiệm vai trò thành viên HĐQT độc lập và là Trưởng Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai từ tháng 5.2019.



ÔNG AKHIL JAIN
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Akhil Jain có bằng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Từ năm 2010 - 2015, ông lần lượt làm việc tại quỹ đầu tư tư nhân Argonaut và Quản lý mảng đầu tư của Navis Capital Partner. Hiện tại, ông Akhil Jain đang là Giám đốc tại Quỹ đầu tư Olympus Capital Asia. Tháng 7.2021, ông được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập DNP.

Ban Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN VĂN HIẾU
Tổng Giám đốc

Xem mục Hội đồng quản trị (trang 38)



Bà PHAN THÙY GIANG
Phó Tổng Giám đốc

Xem mục Hội đồng quản trị (trang 39)



Ông TRỊNH KIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Kiên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Trước khi gia nhập DNP ông Kiên đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng VPBank. Năm 2013, Ông Kiên gia nhập DNP và lần lượt được bầu, bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng tại DNP như thành viên Ban Kiểm soát (2015), Người được ủy quyền Công bố thông tin (2015 - 2019) và được bầu giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc DNP vào tháng 4 năm 2021.



Ông TRẦN HỮU CHUYỀN
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Chuyên – thành viên đã gắn bó với Công ty trong hơn 30 năm hình thành và phát triển. Ông Chuyên từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Công ty từ những năm 2003 đến nay. Tháng 4.2017, ông Chuyên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.



Ông Trần Thái Sơn
Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Ông Trần Thái Sơn tốt nghiệp đại học kinh tế quốc dân năm 2012, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và 1 năm kinh nghiệm làm kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Ông tham gia DNP từ năm 2016, đảm nhận các vị trí kiểm soát tài chính, phó phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc tài chính của Công ty.



Định hướng phát triển

TẦM NHÌN 2022 - 2026

16.800 tỷ đồng
doanh thu năm 2026

2 triệu m³
Công suất nước sạch

Top 3
về mảng sản xuất bao bì

DNP trở thành công ty hơn 16.800 tỷ doanh thu vào năm 2026, dựa trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

- Ngành nước sạch và môi trường: Công suất nước sạch đạt 2 triệu m³/ngày đêm, đạt doanh thu khoảng 3.600 tỷ đồng năm 2026.
- Vật liệu xây dựng: Top 3 Việt Nam về gạch ốp lát và ngói tráng men cao cấp, đạt doanh thu khoảng 5.000 tỷ đồng vào năm 2026.
- Top 3 Việt Nam về ống nhựa và phụ kiện. Số 1 Việt Nam về cung cấp vật tư thiết bị công nghệ, giải pháp xử lý nước. Đạt quy mô 2.900 tỷ doanh số vào năm 2026.
- Xây dựng INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, top 2 Việt Nam, cạnh tranh vượt trội với các thương hiệu quốc tế, được yêu thích ở Việt Nam với đa vật liệu như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, khác đạt quy mô ~2.300 tỷ doanh số vào năm 2026.
- Top 3 Việt Nam mảng sản xuất bao bì, đạt quy mô ~3.000 tỷ doanh số năm 2026.

CHIẾN LƯỢC THỰC HIỆN

- Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến, hiệu quả.
- Triển khai chuyển đổi số trên toàn hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch, đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hợp tác với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao kinh nghiệm công nghệ và quản trị đã thành công, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.
- Xây dựng phát triển thị trường mới cho các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP.
- Tập hợp sức mạnh tập thể của tất cả các đơn vị thành viên dưới mái nhà chung DNP để tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội.

CHIẾN LƯỢC NGÀNH NƯỚC

100%
tiêu chuẩn tại các khu vực

Triển vọng ngành nước gắn liền với tăng trưởng kinh tế, quá trình đô thị hóa và sự phát triển của các ngành công nghiệp. Theo đó, nhu cầu tăng trưởng công suất nước sạch vẫn rất cao. Không nằm ngoài xu hướng phát triển của ngành, DNP có chiến lược trở thành công ty hàng đầu về đầu tư và giải pháp trong ngành nước Việt Nam. Cụ thể, chiến lược của Công ty với ngành nước trong những năm tới như sau:

- Tích cực tăng quy mô thông qua việc phát triển các dự án cấp nước mới tại những địa bàn có nhu cầu sử dụng nước cao phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động công nghiệp, dịch vụ - du lịch, nâng công suất các nhà máy hiện hữu, tham gia đối tác chiến lược trong các công ty cấp nước có nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước. Hướng tới mục tiêu tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch đạt tiêu chuẩn đến mức 100% tại các khu vực DNP Water hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên thông qua chương trình chuyển đổi số triệt để ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động, từ xây dựng hệ thống đến áp dụng các mô hình quản trị dựa vào quá trình số hóa nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn sản xuất và đảm bảo chất lượng nước cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải thiện công tác quản lý mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn và phát triển tệp khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đầu nối; thực hiện các dự án nhằm giảm thất thoát nước, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước và chất lượng nước cấp tới người tiêu dùng.



Định hướng phát triển

CHIẾN LƯỢC NGÀNH NƯỚC

- Phát triển nguồn nhân lực nội tại thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp, xây dựng những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Dưới sự lãnh đạo của đội ngũ quản lý có năng lực cao, có nhiều thành tựu trong các lĩnh vực cốt lõi; đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kiến thức và kinh nghiệm, kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị ... của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, DNP Water phát huy các nguồn lực hướng tới mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.
- Nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, DNP Water luôn dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực cho các dự án nhằm nâng cao chất lượng sống, hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững như dự án lắp trụ ống nước sạch tại vò miễn phí, thực hiện các giải pháp cấp nước tưới tiêu và sinh hoạt, xả nước cứu lúa, xây dựng các trạm phát nước sạch miễn phí tại vùng bị ảnh hưởng hạn mặn và hỗ trợ người dân tại các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, hạn mặn.



CHIẾN LƯỢC NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

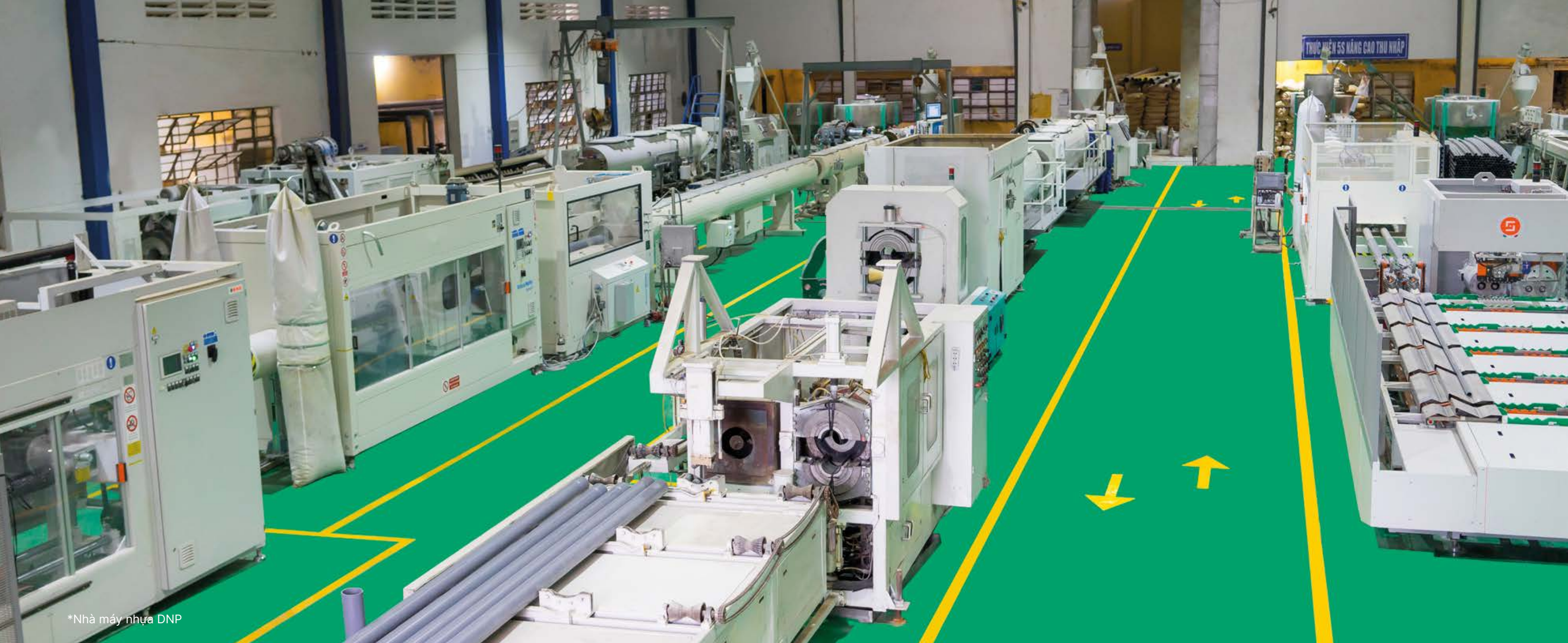
DNP tập trung phát triển vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện. Đây là mảng kinh doanh có nhu cầu lớn vì tốc độ đô thị hoá và thị trường xây dựng Việt Nam được đánh giá có dư địa tăng trưởng cao, trên 10%/năm, trong 10 - 20 năm tới. Công ty thực hiện chiến lược tái cơ cấu nền tảng sản xuất kinh doanh và chuyển đổi mô hình sang giai đoạn tăng trưởng nhanh, đồng thời củng cố nền tảng phát triển dài hạn một cách bền vững.

Gạch ốp lát và ngói tráng men

Ra đời từ năm 1958, CMC là một trong những thương hiệu khơi mở và đặt những nền móng đầu tiên cho ngành gạch ốp lát Việt Nam. Dựa trên nền tảng vững chắc đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực, liên tục đổi mới nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng đột phá với mức doanh thu 5.000 tỷ đồng trong năm 2026, thông qua 03 định hướng chiến lược:

- Đầu tư mạnh mẽ vào con người, thúc đẩy các hoạt động đào tạo và phát triển văn hoá doanh nghiệp nhằm xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, có tính trách nhiệm cao đồng thời gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của Công ty. Thực hiện lộ trình tinh gọn bộ máy, triển khai các dự án số hoá, hướng tới sự linh hoạt của tổ chức với định hướng tạo ra kết quả.
- Tiếp tục mở rộng dây chuyền sản xuất đưa công suất đạt mức 55 triệu m² vào năm 2025. Thúc đẩy hoạt động Kaizen, không ngừng ứng dụng công nghệ nhằm tăng chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ hao hụt thông qua đó tối ưu chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.
- Thực hiện quá trình dịch chuyển trọng tâm hoạt động từ định hướng sản xuất sang định hướng khách hàng. Cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, liên tục tổ chức các hoạt động mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng với mục tiêu trở thành thương hiệu được yêu thích nhất trong ngành sản xuất và cung cấp gạch ốp lát và ngói tráng men cao cấp.





*Nhà máy nhựa DNP

**CHIẾN LƯỢC NGÀNH
VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

XÂY DỰNG NHÀ Ở TĂNG TRƯỞNG
/ 6,7 %/năm

XÂY DỰNG HẠ TẦNG NƯỚC TĂNG TRƯỞNG
/ 7,3 %/năm

Ống nhựa, phụ kiện và vật tư thiết bị cho hệ sinh thái cấp thoát nước

Màng nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng là một trong những động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2021 - 2022, xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước được dự báo sẽ tăng trưởng lần lượt 6,7% và 7,3% mỗi năm. Mạng kinh doanh ống nhựa hạ tầng và vật tư ngành nước được dự báo tiếp tục tăng trưởng theo nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng cấp thoát nước tại các địa phương, khu công nghiệp...với xu hướng FDI tăng và dịch chuyển nhiều nhà máy sản xuất vào Việt Nam. Mạng ống nhựa và phụ kiện dân dụng còn dư địa phát triển lớn. Theo Báo cáo tiềm năng đô thị hóa toàn cầu của Liên Hợp Quốc năm 2020, tính đến năm 2021, tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam đạt khoảng 38%, thấp hơn so với các nước Đông Nam Á (50%) và châu Á (51%). Tốc độ đô thị hóa thấp hơn mức trung bình trong khu vực cho thấy tiềm năng lớn cho sự phát triển trong tương lai. Dân số Việt Nam được dự báo sẽ tăng từ 96 triệu người trong năm 2019 lên 120 triệu vào năm 2050 với tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 57%. Tầng lớp trung lưu hiện chiếm 13% dân số và được dự đoán sẽ lên mức 26% vào năm 2026. Theo đó, nhu cầu nhà ở đô thị, đặc biệt là chung cư, và các công trình xây dựng khác như văn phòng, trung tâm mua sắm... sẽ phát triển mạnh, tạo tổng cầu lớn và liên tục tăng trưởng đối với các sản phẩm ống nhựa dân dụng và phụ kiện.

Ống nhựa và phụ kiện

DNP tiếp tục củng cố vị thế số 1 mảng ống nhựa hạ tầng, trên cơ sở sở hữu tập khách hàng hạ tầng cấp thoát nước chất lượng cao. Kết hợp tăng trưởng tự nhiên và mở rộng thị trường ra các tỉnh miền Bắc.

Đồng thời phát triển phân khúc ống nhựa và phụ kiện cho toà nhà, khu dân cư gắn liền với xu hướng đô thị hoá. Gia tăng thị phần ở các dự án cao tầng, công trình dân dụng, phát triển mạnh mẽ chuỗi sản phẩm ống nhựa và phụ kiện thông minh, tiện ích, đa dạng nhất Việt Nam. Trên thị trường kênh bán lẻ, trên cơ sở hệ thống phân phối đã xây dựng tại hơn 33/33 tỉnh thành khu vực miền Nam, công ty tiếp tục phát triển các hoạt động marketing quảng bá định vị thương hiệu, tăng nhanh độ phủ và chất lượng kênh phân phối.

Vật tư thiết bị ngành nước

Công ty xác định chiến lược trở thành nhà cung cấp số 1 tuyệt đối về giải pháp và vật tư thiết bị ngành nước. Làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng ngành thoát nước, thủy lợi, mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước. Từng bước chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước, tiến đến chuyển đổi số.



*Cửa hàng Inochi

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM GIA DỤNG CAO CẤP

Xu hướng ngày càng rõ nét trên thị trường sản phẩm gia dụng trong những năm gần đây là sự dịch chuyển nhu cầu sang các sản phẩm gia dụng cao cấp hơn, chất liệu an toàn, mẫu mã đẹp và tiện lợi. Nếu trước đây thị trường phân khúc rõ là các tập đoàn nước ngoài lớn ở phân khúc cao cấp, các công ty Việt Nam ở phân khúc trung cấp và bình dân, thì hiện tại nhiều doanh nghiệp Việt đã đầu tư hơn về phát triển sản phẩm và năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng, mẫu mã... để tham gia vào phân khúc cao hơn. Trong đó, Tân Phú Việt Nam có thể nói là doanh nghiệp tiên phong với thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp INOCHI phát triển nhanh và mạnh từ 2018, đến nay đã có đầy sản phẩm trên 300 SKU gồm các nhóm tiện ích gia dụng đa dạng. Song song với việc phát triển sản phẩm, thị trường gia dụng đòi hỏi các doanh nghiệp tham gia sâu rộng vào các kênh phân phối để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng, thích ứng tốt với xu hướng thương mại mới với phát triển mạnh mẽ của phân phối đa kênh (các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, mua sắm online tăng từ 16% năm 2012 lên 29% năm 2025 trong các kênh phân phối; các kênh truyền thống giảm từ 74% xuống 57% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất).

Chiến lược kinh doanh mảng sản phẩm gia dụng của công ty là tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu INOCHI vào top 2 thương hiệu gia dụng hàng đầu ở Việt Nam, tăng cường năng lực thiết kế và quảng bá sản phẩm, phát triển kênh phân phối đa kênh và phủ rộng, thâm nhập sâu các kênh phân phối truyền thống, hiện đại, mở rộng shop INOCHI đến các tỉnh thành lớn trên cả nước.

CHIẾN LƯỢC NGÀNH BAO BÌ

Ngành Bao bì Việt Nam có quy mô lớn và rất đa dạng, từ đơn lớp đến đa lớp, nhiều loại vật liệu (PET, non-PET), tính chất bao bì cứng & mềm. Quy mô ngành bao bì của Việt Nam ước đạt 33 tỷ USD.

Bao bì mềm

Duy trì sản lượng cao mảng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 1.800 tấn/tháng. Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm (zipper, slider), màng bọc thực phẩm, sản phẩm sử dụng nhiều lần. Chiếm lĩnh số 1 thị trường bao bì mềm tại các kênh siêu thị.

Bao bì cứng

Theo BMI, tăng trưởng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình Việt Nam được dự báo ở mức trung bình khoảng 7,1% giai đoạn 2020 – 2022. Trong đó tăng trưởng chi tiêu cho hai mảng thực phẩm và đồ uống không còn lần lượt ở mức 11,8% và 12%. Với khách hàng chính mảng bao bì cứng của công ty là đóng gói sản phẩm cho các doanh nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng nhanh như Vinamilk, Nestle, Pepsi, Lavie, Sabeco,... xu hướng tăng trưởng tiêu dùng tại thị trường Việt Nam tạo dư địa phát triển lớn cho doanh thu cho mảng kinh doanh này.

Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng được tăng trưởng cơ học của ngành, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn.

Các mục tiêu Phát triển bền vững

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty. Cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên; cũng như chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội.



Các nhân tố rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày luôn tiềm ẩn những rủi ro. Quản trị rủi ro là một trong những ưu tiên hàng đầu của HĐQT và Ban điều hành DNP trong quá trình thực hiện định hướng phát triển của công ty. Ban lãnh đạo luôn theo sát tình hình vĩ mô và thị trường để nhận diện các rủi ro và đề xuất, thực thi nhiều biện pháp để nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này đến việc đạt được mục tiêu phát triển của công ty.

Điểm mạnh

- Có vị thế lớn, là đơn vị tư nhân dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp: top 1 ngành nước sạch & môi trường; đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực ống nhựa hạ tầng tại Việt Nam;
- Thành công xây dựng thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp hàng đầu của người Việt;
- Cộng hưởng hệ sinh thái DNP – CMC tạo ra giá trị gia tăng, cung cấp sản phẩm đa dạng cho nhà đầu tư phát triển bất động sản;
- Tài sản: hệ thống 25 đơn vị thành viên và liên kết trong lĩnh vực nước sạch & môi trường với tổng công suất thiết kế đạt 1 triệu m³/ ngày đêm;
- Văn hóa Ban lãnh đạo: tốc độ và quyết liệt;
- Kinh nghiệm & năng lực vận hành – tài chính, thương hiệu lớn sẵn có.

Cơ hội

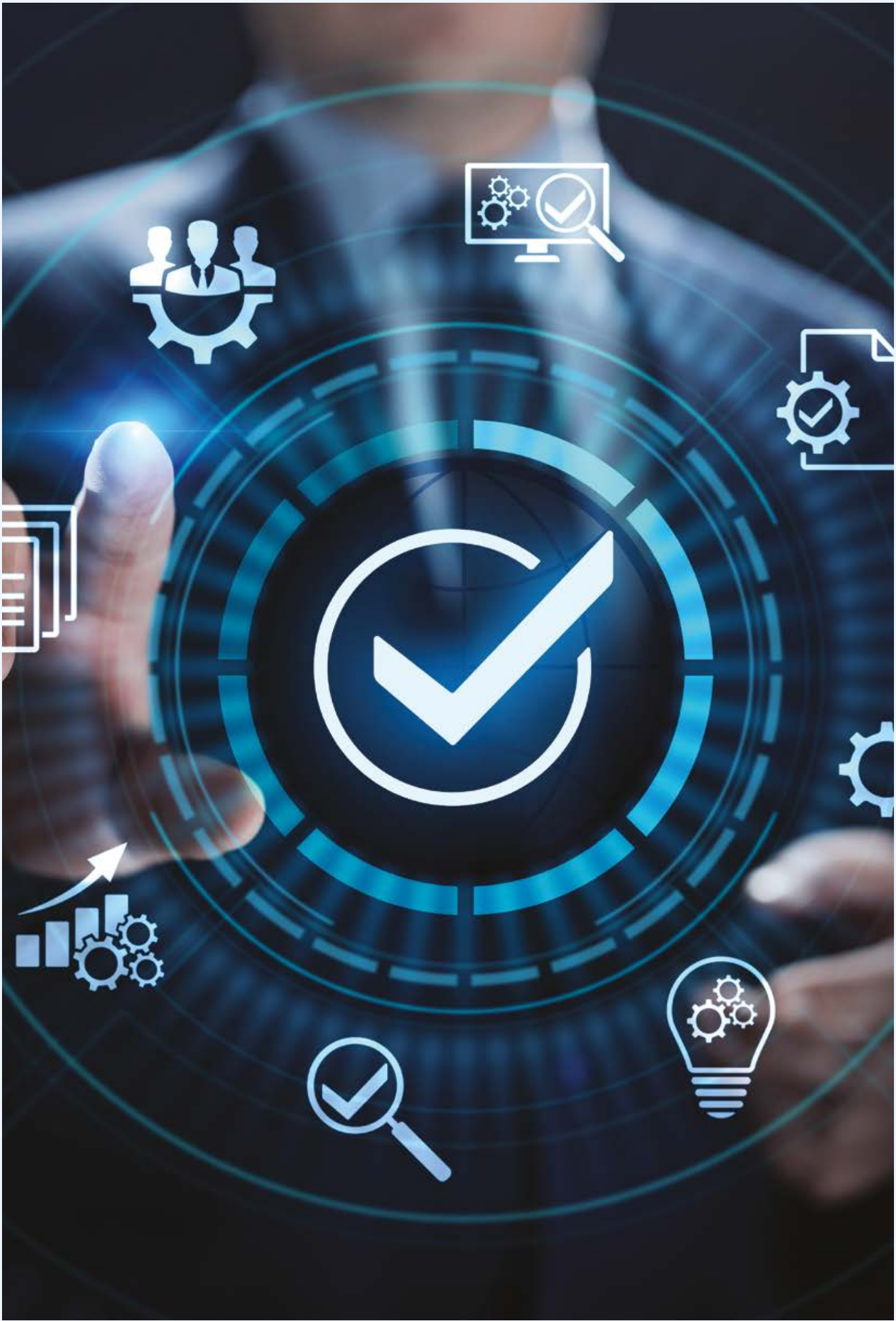
- Thị trường tài chính phát triển với nhiều sản phẩm tài chính đa dạng: trái phiếu doanh nghiệp phát triển, hấp dẫn nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Xu hướng phát triển công nghệ & số hóa, khai thác dữ liệu lớn (big data);
- Các lĩnh vực kinh doanh của DNP đều là những ngành thiết yếu trong xu hướng phát triển của xã hội (tỷ lệ đô thị hóa cao có lợi cho ngành nước, vật liệu xây dựng, gia dụng cao cấp) và có tiềm năng tăng trưởng bền vững;
- Ngành nước sạch và môi trường là ngành quan trọng được quan tâm từ phía Nhà nước, nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

Điểm cần cải tiến

- Xây dựng tầm nhìn của hệ sinh thái, tên gọi & văn hóa chung cho các ngành kinh doanh trong nhóm DNP
- Hoàn thiện hạ tầng, chuyển đổi số, tự động hóa
- Tỷ trọng nợ cao

Thách thức

- Thị trường vẫn có những “điểm yếu” và các chính sách chưa hoàn thiện
- Tính bất ổn trước tình hình dịch bệnh
- Tỷ lệ nợ vay cao
- Thị trường nhựa gia dụng có độ cạnh tranh ngày càng cao



Các nhân tố rủi ro



Rủi ro kinh tế do ảnh hưởng bởi dịch bệnh

Năm 2021, đại dịch Covid-19 đã khiến mức tăng trưởng của nhiều nền kinh tế trên toàn cầu bị suy giảm mạnh chưa từng thấy trong nhiều thập kỷ qua. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định, tăng trưởng toàn cầu năm 2021 tăng 5,9%, và có thể giảm tốc chỉ tăng 4,4% trong năm 2022. Tăng trưởng nhóm các nền kinh tế phát triển ước đạt 5,0% năm 2021, và chỉ đạt 3,9% trong năm 2022. Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng được dự báo ở mức 6,5% năm 2021 và giảm xuống mức 4,8% năm 2022. Sự hồi phục của nền kinh tế vẫn đang ở mức chậm và được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2022, tốc độ hồi phục sẽ phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh.

Ở Việt Nam, dù dịch bệnh được kiểm soát khá tốt năm 2021, kinh tế và doanh nghiệp các ngành vẫn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành du lịch và dịch vụ. Số khách quốc tế đến Việt Nam năm 2021 chỉ là 157.300 người, giảm 95,9% so với năm trước; khách trong nước là 40 triệu người, giảm 28,6%. Theo Savills Việt Nam, thị trường bán lẻ tại Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu suy yếu dần kể từ đầu tháng 2 khi dịch bệnh Covid-19 bắt đầu bùng phát, và sau đó là hai đợt bùng dịch tiếp theo vào đầu tháng 4 và cuối tháng 7. Tính chung cả năm 2021, doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm 4,6% so với cùng kỳ, mức thấp nhất so với nhiều năm gần đây. Mặc dù tăng trưởng tích cực trong hai quý đầu năm, doanh thu ngành giảm 37,5% trong quý III do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến doanh thu cả năm giảm nhẹ. Cùng với đó, ngành dịch vụ F&B trong ba quý đầu năm cũng giảm 29% so với cùng kỳ.

Tình hình hoạt động của các ngành du lịch, dịch vụ, bán lẻ, tiêu dùng... có tác động lớn đến kết quả kinh doanh ngành nước sạch, bao bì cứng, sản phẩm gia dụng... của Công ty. Song song với đó là yêu cầu vừa chống dịch, đảm bảo hoạt động liên tục của các nhà máy, văn phòng và vừa đạt được các mục tiêu kinh doanh. Ban lãnh đạo công ty đã liên tục họp cập nhật diễn biến dịch bệnh, điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp, lập ban chỉ đạo phòng chống dịch để áp dụng nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch tại các nhà máy, văn phòng, cố gắng tối đa đảm bảo sức khỏe cho cán bộ nhân viên và vẫn triển khai các mục tiêu kinh doanh.



Rủi ro pháp lý

Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty có thể kể đến Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28.8.2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.

Rủi ro lãi suất

Năm 2021, lãi suất huy động duy trì ở mức thấp hơn thời điểm cuối 2019 từ 1,5-2% và đang ở vào vùng thấp lịch sử, lãi suất cho vay cũng theo chiều hướng giảm 1,7% so với thời điểm trước dịch Covid-19. Tuy nhiên, vì điều kiện khắt khe, số lượng doanh nghiệp vay được vốn với lãi suất thấp như trên không nhiều. Tính đến ngày 28.12.2021, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tăng 14% so với cuối năm 2020 (số liệu của NHNN). Tăng trưởng tín dụng 2021 cao hơn so với cùng kỳ 2020 nhờ việc các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai đầu tư trong các tháng cuối năm, tiêu biểu như dự án cao tốc Bắc Nam. Năm 2022, dự báo mặt bằng lãi suất cho vay có xu hướng tăng. Trong bối cảnh chung, DNP đã tích cực đàm phán huy động vốn vay với lãi suất thấp hơn, đặc biệt trong bối cảnh kinh doanh, dòng tiền khó khăn hơn bởi dịch bệnh.

Ngoài những rủi ro chung của công ty, các đơn vị thành viên của DNP còn chịu tác động của những rủi ro đặc thù liên quan đến ngành.

Các nhân tố rủi ro



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu nhựa khiến ngành nhựa Việt Nam nói chung và công ty nói riêng khá nhạy cảm với biến động giá nguyên liệu nhựa trên thế giới và khu vực. Giá nguyên vật liệu đầu vào lại chiếm tới 70 - 80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng lớn khi chi phí đầu vào tăng lên. Giá nguyên liệu nhựa biến động phụ thuộc vào diễn biến giá dầu. Trong năm 2021, giá dầu Brent đã liên tục thiết lập các mức đỉnh cao mới và đạt mức cao nhất trong vòng bảy năm vào đầu tháng 10.2021. Theo đó, giá hạt nhựa PVC biến động trong khoảng 1.200 USD/tấn đến 1.620 USD/tấn. Ngoài yếu tố giá dầu, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tác động tiêu cực đến giá nguyên liệu, đặc biệt là các tháng giữa năm. Trong bối cảnh cung lớn hơn cầu tiếp diễn khiến doanh nghiệp nhựa khó tăng giá bán thì lợi nhuận phụ thuộc nhiều vào lượng hàng tồn kho nguyên vật liệu tích trữ trong vùng giá thấp.

Để kiểm soát rủi ro liên quan đến giá nguyên vật liệu, DNP thường xuyên theo dõi, cập nhật giá cả trên thị trường; làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo có được mức giá tốt, có phương án mua và tích trữ nguyên vật liệu đầu vào; cũng như nâng cao tinh thần tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và có các biện pháp cải tiến quy trình sản xuất. Trong dài hạn, công ty dịch chuyển sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm sự phụ thuộc vào nguyên vật liệu như sản phẩm gia dụng chất lượng cao, cạnh tranh về mẫu mã, tiện ích, chất lượng dịch vụ khách hàng.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay Việt Nam có khoảng 2.000 doanh nghiệp ngành nhựa đang hoạt động, với quy mô doanh thu khoảng 15 tỷ USD, trong đó hơn 85% là doanh nghiệp nội địa. Tuy số lượng doanh nghiệp nước ngoài trong ngành chiếm thiểu số, tổng mức đầu tư của nhóm này chiếm 40% tổng mức đầu tư ngành. Cùng với sự hội nhập nền kinh tế toàn cầu và các Hiệp định thương mại như EVFTA... các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất, quản trị mạnh đang đầu tư và thu hút các doanh nghiệp nhựa lớn của Việt Nam như nhựa Bình Minh, nhựa Duy Tân... Theo đó, cạnh tranh ngành nhựa đang rất gay gắt, thị trường phân hóa theo quy mô và năng lực hoạt động.

Để có thể đứng vững và phát triển trong bối cảnh cạnh tranh tăng cao cả về số lượng và yêu cầu, các đơn vị thành viên trong ngành nhựa của DNP đã chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh và cơ cấu sản phẩm theo hướng bền vững hơn, cải thiện hiệu quả hoạt động trên các lĩnh vực phát triển sản phẩm, thương hiệu, sản xuất và quản trị tài chính, vận hành.

Các nhân tố rủi ro

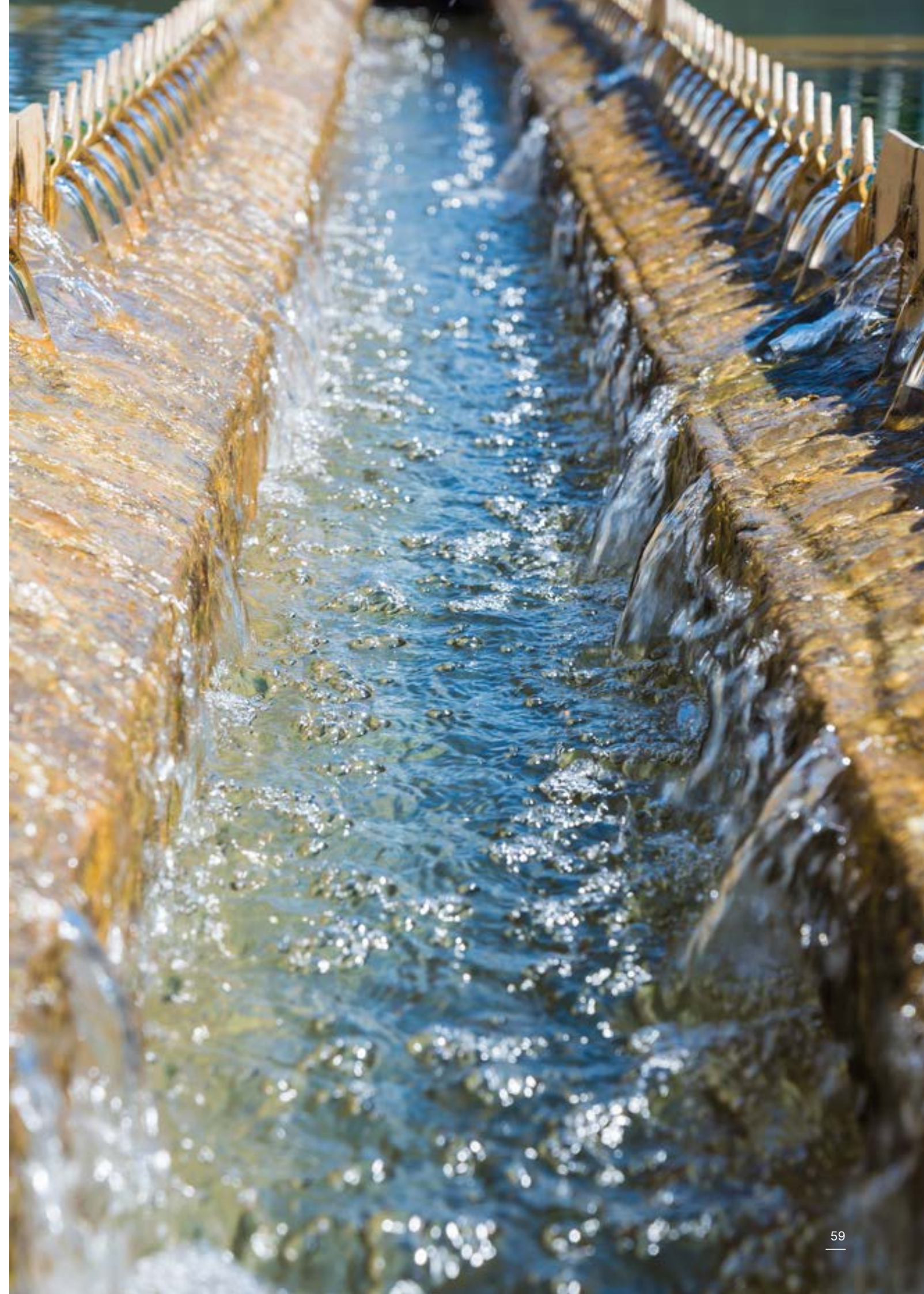
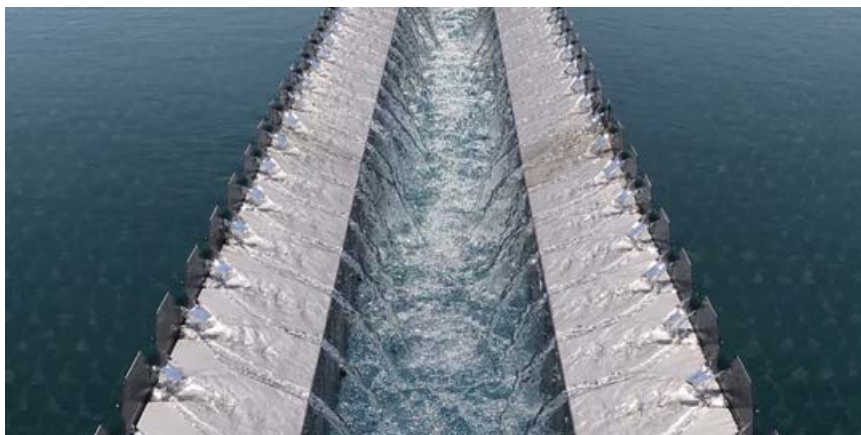
Rủi ro suy giảm nguồn nước

Đây là rủi ro lớn nhất trong ngành nước, vì dưới tác động của ô nhiễm nguồn nước và biến đổi khí hậu, các nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất đang bị sức ép suy giảm lớn cả về chất lượng và khối lượng. Theo Trung tâm Nghiên Cứu Môi trường Cộng đồng, khoảng 70% nước thải từ các khu công nghiệp không qua xử lý mà xả thẳng ra môi trường. Đặc biệt là các đoạn sông chảy qua khu vực đô thị, khu công nghiệp và làng nghề, nhiều nơi ô nhiễm tới mức nghiêm trọng như lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, lưu vực sông Cầu, lưu vực sông Đông Nai... trong bối cảnh tỷ lệ nước thải được xử lý còn khá thấp. Theo UNICEF, tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam đang đứng ở top 5 thế giới, chỉ sau Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Thái Lan.

Xâm nhập mặn ngày một gia tăng ở các cửa sông tại vùng Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung làm cho chất lượng nguồn nước ngọt ở những nơi này suy giảm mạnh. Tác động của biến đổi khí hậu đã và đang gây nên hạn hán, lũ lụt, bão, nước biển dâng ngày càng gia tăng về cường độ rất khó lường và đều tác động đến tài nguyên nước. Nước biển dâng, xâm nhập mặn làm cho nguồn cung cấp nước bị nhiễm mặn. Tác động do bão, lũ nên các vùng trũng thấp bị ngập lụt gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm. Hạn mặn dẫn đến cạn kiệt nguồn nước và ô nhiễm nước sông, suối, kênh, rạch như ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia được thực hiện 5 năm một lần do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện cho thấy, giai đoạn 2016 - 2020, ô nhiễm môi trường không khí tại một số thành phố và khu vực vẫn tiếp tục diễn ra, tại một số thời điểm, một số khu vực ở mức xấu, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như làm phát sinh những chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua những vấn đề liên quan đến sức khỏe lao động, chi phí ngoại ứng đối với nguồn nguyên, vật liệu và làm tăng giá thành sản phẩm từ đó làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong đó có DNP. Ngoài ra, chất lượng môi trường không bảo đảm cũng ảnh hưởng tới tính bền vững trong hoạt động kinh doanh. Những bất ổn này có thể là sự bất ổn về nguồn cung cho sản xuất kinh doanh, những bất ổn phát sinh từ thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra cho các chủ thể kinh doanh.

Điều này được thể hiện rõ nhất trong ngành nước của DNP, vì dưới tác động của ô nhiễm nguồn nước và biến đổi khí hậu, các nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất đang bị sức ép suy giảm lớn cả về chất lượng và khối lượng. Báo cáo của Cục Quản lý Tài nguyên nước đầu năm 2020 đã chỉ ra rằng, chất lượng nước mặt ở thượng nguồn các lưu vực sông của Việt Nam còn tương đối tốt. Tuy vậy, ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước tiếp tục xảy ra ở nhiều đoạn, tập trung ở vùng trung lưu và hạ lưu.



Các nhân tố rủi ro

Từ các rủi ro trên, các công trình cấp nước và cơ sở hạ tầng phải đối diện với rủi ro về thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu và ô nhiễm nguồn nước gây ra. Chất lượng nước thô xấu làm tăng chi phí xử lý nước và đòi hỏi công nghệ xử lý hiện đại hơn. Suất đầu tư nhà máy, công trình cấp nước có thể cao hơn tại các vùng cấp nước an toàn do yêu cầu kéo ống dài hơn, đầu tư thêm về giải pháp... Khi giá trị đầu tư cho các công trình cấp nước còn cao và mất thời gian dài để hoàn vốn, trong khi giá nước được quyết định bởi chính quyền địa phương, rủi ro trữ lượng và chất lượng nguồn nước suy giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả và hoạt động liên tục của các nhà máy nước là rất lớn.

Ứng phó với các rủi ro suy giảm nguồn nước, DNP luôn thận trọng nghiên cứu kỹ phương án cấp nước an toàn và bền vững trước khi đầu tư các dự án mới hoặc cải tạo nâng công suất hiện hữu, nghiên cứu đầu tư các giải pháp công nghệ hiện đại và đảm bảo quy trình vận hành kiểm soát chất lượng nước đầu ra nghiêm ngặt. Song song với đó, công ty tích cực phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị, tổ chức liên quan vận động nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, và đang nghiên cứu khả năng đầu tư xử lý nước thải trong dài hạn.





03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2021 và dự báo kinh tế vĩ mô 2022	64
Kết quả hoạt động kinh doanh 2021	66
Kết quả hoạt động từng mảng sản xuất kinh doanh	68
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	76
Tình hình tài chính	82
Những cải tiến về cơ cấu quản lý, chính sách	88
Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022	90
Các giải pháp thực hiện	92

Tổng quan tình hình kinh tế 2021 và dự báo 2022

KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG

/ **2,6%**

CPI TĂNG

/ **1,8%**

TỔNG KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU TĂNG

/ **22,6%**

Năm 2021, kinh tế Việt Nam đã cán đích với mức tăng trưởng GDP 2,6%. Con số này thấp hơn so với mức tăng 2,9% năm 2020, cũng so với mục tiêu đặt ra là 6,5%. Đây cũng là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tuy nhiên, Tổng cục Thống kê đánh giá mức tăng 2,6% là một thành công lớn trong bối cảnh COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III năm 2021.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2021 đạt mức 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm ước đạt 336,3 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước. Như vậy tính chung năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4 tỷ USD (năm trước xuất siêu 19,94 tỷ USD).

Tính đến ngày 20.12.2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 31,2 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Đầu tư nước ngoài vẫn được thu hút tập trung tại Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. CPI tăng 1,8% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Trong khi, lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,8% - thấp hơn nhiều so với mục tiêu dưới 4%. Tuy nhiên theo dự báo, áp lực lạm phát năm 2022 là rất lớn.

Dự báo năm 2022, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6 - 6,5%; GDP bình quân đầu người đạt 3.900 USD, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cho nền kinh tế Việt Nam như là tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường với những biến thể mới có nguy cơ lây lan nhanh trong cộng đồng; thương mại cũng phải chịu ảnh hưởng do chi phí vận tải tăng cao...

Ngành gia dụng tại thị trường Việt Nam được đánh giá là cực tiềm năng. Theo số liệu từ Bộ Công Thương, hiện nay hàng tiêu dùng gia dụng đang chiếm 9% tổng gói tiêu dùng cá nhân. Quy mô thị trường ngành hàng gia dụng trong nước ước khoảng 12,5 - 13 tỷ USD, tăng trưởng hơn 10%/năm. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, xã hội của Việt Nam như dân số trẻ dẫn đến nhu cầu hàng gia dụng lớn. Cụ thể, tiêu dùng cho đồ gia dụng độ tuổi từ 18 - 45 chiếm 57 - 60% chi tiêu toàn thị trường. Đồng thời, thu nhập người dân hiện đang tăng lên (trên 2.000 USD/người/năm), dẫn đến thay đổi nhu cầu về chất lượng, mẫu mã nhiều hơn. Đây chính là những điều kiện thuận lợi về sự phát triển của ngành hàng này.

KINH TẾ VIỆT NAM DỰ KIẾN TĂNG TRƯỞNG

/ **6% - 6,5%**

CPI TĂNG TRONG NĂM 2022

/ **4%**

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG NGÀNH HÀNG GIA DỤNG TRONG NƯỚC

/ **12,5 - 13** tỷ USD

Riêng quy mô ngành nhựa gia dụng Việt Nam ước tính khoảng 7,1 tỷ USD. Trong những năm gần đây, các sản phẩm nhựa gia dụng Việt Nam chiếm tới 90% thị phần nội địa và tập trung ở phân khúc bình dân. Trong khi đó, phân khúc cao cấp đang bị chiếm lĩnh bởi doanh nghiệp nước ngoài do chưa có nhiều doanh nghiệp trong nước chú trọng phân khúc này. Đây là phân khúc mà INOCHI hướng tới với sự đầu tư bài bản về năng lực sản xuất cũng như hệ thống phân phối hiện đại.

Nhu cầu nước sạch đang gia tăng trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa nhanh. Theo dữ liệu của Hiệp hội cấp thoát nước Việt Nam (VWSA), tổng công suất thiết kế cấp nước đạt khoảng 10,6-10,9 triệu m³/ngày đêm, tỷ lệ người dân đô thị được cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 89 - 90%, tỷ lệ thất thoát nước sạch đạt khoảng 18 - 19%. Theo quy hoạch ngành nước đến 2030, tiêu thụ nước sẽ đạt 105-110 lít/người/ngày trong 2021 lên 120 lít/người/ngày đến 2030. Tỷ lệ người dân tại khu vực nông thôn được cấp nước sạch qua hệ thống ước tính tăng từ 43,5% hiện tại lên 47% đến 2030. Đây là những cơ hội cũng như dư địa cho việc tăng trưởng của các doanh nghiệp ngành cấp nước.

Vốn kế hoạch đầu tư công năm 2020 và 2021 cao tới 457 nghìn tỷ đồng và 423 nghìn tỷ đồng và được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong 2022 khi các vướng mắc trong vấn đề giải ngân vốn đầu tư công đang được giải quyết. Theo đó, ngành vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi trực tiếp.

Mảng ống nhựa và gạch ốp lát có triển vọng khá tích cực khi nhiều dự án bất động sản được triển khai và hoàn thiện trong năm 2022. Ngoài ra, việc sản phẩm gạch ốp lát Trung Quốc bị áp thuế mức cao tại thị trường Mỹ trong năm 2020 (>350%) cũng tạo thuận lợi tích cực cho các nước khác tranh thủ chiếm thị phần từ thị trường Trung Quốc (xuất khẩu sản phẩm gốm sứ Việt Nam vào Mỹ tính đến tháng 10.2021 đã tăng 40% yoy).

Kết quả hoạt động kinh doanh 2021

DOANH THU HỢP NHẤT

/ **6.237** tỷ đồng

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ

/ **43** tỷ đồng

Kết quả kinh doanh năm 2021 của DNP duy trì tăng trưởng so với năm 2020 và đạt được kế hoạch đặt ra nhờ sự nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 và một số yếu tố khách quan.

Doanh thu hợp nhất đạt 6.237 tỷ đồng, tăng 89,6% so với năm 2020 và vượt 5,4% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 43 tỷ đồng, tăng 30,3% so với năm 2020 và cao hơn so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2021 là 172,0%.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2021 so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành kế hoạch năm
1.	Doanh thu hợp nhất	5.919	6.237	105,4%
2.	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	25	43	172,0%
3.	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	-	8	-

Kết quả hoạt động kinh doanh 2021 so với cùng kỳ

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	% thay đổi 2021 so với 2020
1.	Doanh thu hợp nhất	6.237	3.289	89,6%
2.	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	43	33	30,3%
3.	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	23	27	-14,8%
4.	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	8	13	-38,5%
5.	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	76	132	-42,4%



DOANH THU HỢP NHẤT TĂNG TRƯỞNG

/ **89,6%**

Doanh thu hợp nhất năm 2021 của Công ty tăng trưởng 89,6% so với năm 2020 nhờ gia tăng các đơn vị thành viên ngành vật liệu xây dựng (CMC) và ngành nước trong cấu trúc hợp nhất và sự đóng góp cao hơn của các mảng kinh doanh phát triển tốt như vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng... Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2021 tăng 30,3%, lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức 23 tỷ đồng thấp hơn năm 2020, do tình hình hoạt động sản xuất của công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của dịch Covid-19 nên chưa đạt mức lợi nhuận cao.

Trong ngành nước, DNP Water đã đạt được những bước phát triển về quy mô và chất lượng vận hành.

Liên quan đến hoạt động phát triển dự án, các dự án nhà máy nước sạch công ty đầu tư xây dựng những năm gần đây hoạt động ổn định, công suất tăng đúng lộ trình: nhà máy nước DNP Bắc Giang và Nhị Thành đi vào hoạt động năm thứ 2-3 đã đạt công suất 30.000 - 45.000 m³/ngày đêm vào cuối năm 2021 và triển khai đầu tư giai đoạn 2 lên công suất 60.000 m³/ngày đêm, với chất lượng nước đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch, bổ sung kịp thời nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ trong vùng cấp nước. Về công tác quản lý vận hành các đơn vị thành viên, công ty đã áp dụng phần mềm ghi thu và thu tiền trực tuyến tại gần hết các đơn vị thành viên, tăng hiệu suất, giảm thất thoát và nâng công suất, lắp đặt phần mềm tự động hóa tại các nhà máy lớn và tiếp tục mở rộng các chương trình cải thiện vận hành, chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị.

Trong các lĩnh vực kinh doanh khác, tiếp nối chương trình tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững hơn từ những năm trước, Nhựa Đồng Nai đã định vị là nhà cung cấp giải pháp, vật tư số 1 cho ngành cấp thoát nước với dây sản phẩm hoàn thiện gồm ống, vật tư, thiết bị bơm, van và cả giải pháp phần mềm chất lượng cao, thị phần và doanh thu tăng trưởng tốt trên cả thị trường hạ tầng và dân dụng. Tân Phú Việt Nam tăng hiệu quả hoạt động mảng bao bì cứng và phát triển kinh doanh mạnh mẽ với thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI, thâm nhập tốt vào các kênh phân phối với dây sản phẩm đa dạng, được người tiêu dùng yêu thích vì thiết kế và chất lượng. Công ty cũng nỗ lực thành công trong thương vụ sáp nhập công ty gạch ốp lát CMC vào tháng 3.2021.



*Nhà máy DNP Water Bắc Giang

NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG

Doanh thu nước sạch của công ty năm 2021 là 1.012 tỷ đồng, chỉ đạt 92,6% kế hoạch năm, dù có tăng trưởng 50,1% so với năm 2020.

Nguyên nhân chủ yếu là do phần lớn các đơn vị ngành nước của DNP đều bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 hơn so với kế hoạch đề ra. Nhiều đơn vị thương mại, dịch vụ, du lịch trong khu vực đóng cửa, hoạt động sản xuất bị đình trệ tại các khu công nghiệp...kéo theo lượng nước tiêu thụ sụt giảm, đặc biệt là ở các tỉnh thành như Hà Nội, Long An, Bắc Giang... Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp ngành nước chậm lại, cùng với các quy định chặt chẽ hơn về quản lý vận hành, giám sát trong ngành nước cũng khiến hoạt động đầu tư mở rộng quy mô của công ty bị ảnh hưởng.

DOANH THU NƯỚC SẠCH NĂM 2021

/ 1.012 tỷ đồng

Trước các thách thức trên, công ty tập trung cải thiện quản trị vận hành và tăng hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên bằng cách áp dụng cơ chế giám sát, báo cáo thường xuyên, kiểm soát tối ưu chi phí, xét nghiệm nội kiểm nghiêm ngặt đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, giảm thất thoát và đầu tư tăng hiệu suất, công suất ở các địa phương có nhu cầu. Song song với đó, công ty tích cực triển khai chuyển đổi số và nâng cao dịch vụ khách hàng qua phần mềm ghi thu và thanh toán trực tuyến, tiến đến triển khai các tổng đài dịch vụ khách hàng tại tất cả các đơn vị. Công ty cũng đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở các địa bàn, ngay cả tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu như ở Đồng Tâm, Long An... vào thời điểm hạn mặn.



VẬT LIỆU XÂY DỰNG

DOANH THU NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

/ **3.641** tỷ đồng

Doanh thu ngành vật liệu xây dựng đạt 3.641 tỷ đồng, tăng 117,5% so với 2020

Màng ống nhựa & vật tư phụ kiện

Đạt doanh số 1.990 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định thị phần số 1 màng ống nhựa hạ tầng. Gia tăng nhanh chóng thị phần mảng toà nhà, xây dựng dân dụng.

Màng vật tư thiết bị ngành nước

Doanh thu 2021 đạt 470 tỷ đồng, tăng 87,5% so với 2020. Đặt nền tảng vững chắc cho kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước năm 2022 trong việc mở rộng địa bàn toàn quốc, bổ sung chuỗi sản phẩm, mở rộng ngành thoát nước, thủy lợi.

DOANH THU MÀNG ỐNG NHỰA HẠ TẦNG

/ **1.990** tỷ đồng

DOANH THU MÀNG THIẾT BỊ NGÀNH NƯỚC

/ **470** tỷ đồng

DOANH THU MÀNG GẠCH ỐP LÁT

/ **1.181** tỷ đồng

Màng gạch ốp lát và ngói tráng men

Mặc dù năm 2021 tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp, doanh thu mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 1.443 tỷ đồng, tăng 10,5% so với năm 2020, và đóng góp doanh thu ấn tượng 1.181 tỷ đồng trong 9 tháng năm 2021. Bên cạnh duy trì phát triển các sản phẩm gạch, năm 2021 chúng kiến lượng tăng đột biến tại nhóm ngói, do mở rộng thị trường thêm nhiều đại lý, chất lượng ngói ổn định cũng như phát triển phụ kiện ngói đồng bộ.



*Cửa hàng INOCHI

SẢN PHẨM GIA DỤNG CAO CẤP

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2021 phát triển nhanh, đạt 329 tỷ đồng, gấp gần ba lần doanh thu năm 2020 và tương ứng 109,7% kế hoạch 2021. Tỷ trọng doanh thu INOCHI trên tổng doanh thu TPP tăng từ 4% năm 2020 lên 36% năm 2021 và còn tăng những năm tiếp theo.

Doanh thu đạt được tăng trưởng vượt bậc nhờ dãy sản phẩm đạt đủ độ lớn và sự đa dạng sau ba năm tập trung đầu tư phát triển và việc thâm nhập sâu rộng vào hệ thống phân phối đa kênh gồm các siêu thị hiện đại, nhà phân phối truyền thống, các kênh phân phối mới như siêu thị mẹ và bé, thương mại điện tử, shop thương hiệu INOCHI, kênh doanh nghiệp với nhóm sản phẩm khuyến mãi... nhờ đẩy mạnh mở rộng các kênh bán hàng hiện đại và truyền thống.

DOANH THU SẢN PHẨM GIA DỤNG

/ **329** tỷ đồng

Đến cuối năm 2021, thương hiệu gia dụng INOCHI đã có trên 300 sản phẩm chất lượng cao, thiết kế đẹp gồm các nhóm hàng kệ giỏ, thùng rác, thau rửa, tiện ích mẹ và bé... có mặt tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành, có tới 20 shop chuyên bán hàng INOCHI trên cả nước.



BAO BÌ

Ngành bao bì đạt doanh số 1.255 tỷ đồng. Sản lượng tăng 4,0% so với 2020.

Bao bì mềm

Năm 2021, mảng sản xuất kinh doanh bao bì duy trì ở mức tương đương năm 2020, doanh thu đạt 649 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành dự án và đưa nhà máy bao bì 5 vào hoạt động với công suất 120 tấn/tháng, sản xuất các sản phẩm mới ra mắt với chất lượng và giá trị gia tăng tốt hơn như túi ziploc, túi slider đựng thực phẩm. Dù công tác phát triển thị trường và sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do sự hạn chế di chuyển vì dịch bệnh và vận chuyển quốc tế bị chậm lại, công ty vẫn đảm bảo được đơn hàng đủ tận dụng công suất các nhà máy, duy trì sản xuất, đáp ứng đơn hàng và xuất được một đơn hàng túi thực phẩm đi Úc ngay sau khi nhà máy bao bì 5 đi vào hoạt động cuối 2020.

DOANH THU NGÀNH BAO BÌ

/ **1.255** tỷ đồng

CÔNG SUẤT NHÀ MÁY BAO BÌ 5

/ **120** tấn/tháng

DOANH THU NGÀNH BAO BÌ CỨNG

/ **606** tỷ đồng

Bao bì cứng

Đạt doanh thu 606 tỷ đồng năm 2021, tăng nhẹ 7,5% so với năm 2020. Doanh thu không tăng trưởng nhiều một phần nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng trong giai đoạn quý III năm 2021 khi dịch Covid-19 tại TP. Hồ Chí Minh bùng phát và nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội trên diện rộng. Thêm vào đó công ty cũng đang tập trung nguồn lực đầu tư cho sản phẩm gia dụng INOCHI nên mảng này chỉ duy trì và tăng trưởng ổn định qua các năm. Tuy nhiên, tình hình tốt hơn vào quý IV năm 2021, và cùng với việc áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động..., mảng bao bì cứng đã cải thiện lợi nhuận hơn trong năm 2021.

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

1 Các dự án đầu tư nâng công suất và hiệu quả hoạt động ngành nước

Lý do thực hiện

Thực hiện chiến lược 5 năm của DNP về nâng công suất và tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên ngành nước, năm 2021 và trước đó là năm 2020 DNP Water đã tích cực triển khai các dự án nâng công suất, tự động hóa và giảm thất thoát tại các đơn vị thành viên theo định hướng tối ưu hóa chi phí, thời gian thực hiện, đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa bàn cấp nước và tình hình của từng đơn vị. Cụ thể, công ty đã xây dựng chương trình giảm thất thoát nước với mục tiêu cụ thể giao cho từng đơn vị, nâng công suất và tự động hóa ở nhà máy nước Tây Ninh, Bình Thuận, Bình Phước...

Bên cạnh đó, DNP Water cũng tích cực thực hiện các dự án mở rộng vùng cấp nước đến các khu vực có nhu cầu, vừa tăng sản lượng nước cấp của các đơn vị, vừa đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân/doanh nghiệp.

Hầu hết các đơn vị của công ty đều đã triển khai các dự án kéo ống mở mạng ở các địa phương như huyện Lạng Giang - Bắc Giang (DBG), huyện Cần Giuộc - Long An (DLA), thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, Phú Riềng (BPW)...

Kết quả thực hiện

TỶ LỆ THOÁT NƯỚC TRUNG BÌNH GIẢM
/ 11,2 % (năm 2021)

Tỷ lệ thất thoát nước trung bình của các đơn vị ngành nước của DNP liên tục giảm từ 11,7% (năm 2019) xuống 11,4% (năm 2020) và 11,2% (năm 2021), con số này thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thất thoát trung bình của ngành nước tại Việt Nam là 21 - 22%. Trong đó, có những công ty nước giảm thất thoát rất tốt như Nước sạch 3 Hà Nội giảm từ 17,7% xuống 15,3%; Cấp thoát nước Tây Ninh giảm từ 19,9% xuống 16,4%; BTW từ 19,2% xuống 13%; Châu Thành từ 43,0% xuống 15,5%...

Về nâng công suất, phạm vi và hiệu quả hoạt động, các công ty cấp nước Bình Hiệp, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Thuận đã hoàn thành dự án cải tạo nâng công suất ở các nhà máy lớn, hoạt động ổn định trong 2021, đáp ứng khả năng sản xuất, điều tiết cho nhu cầu nước tăng hơn ở khu vực. Các dự án tự động hóa SCADA đã được hoàn thành tại các đơn vị như TNW, BPW, BTW, BHW trong 2021 giúp cho việc tự động hóa, giám sát các khâu sản xuất, chất lượng sản xuất nước và tối ưu hóa công tác quản lý, vận hành. Dự án mở mạng cấp nước huyện Lạng Giang đã hoàn thành thi công, đấu nối gần hết 21 xã của huyện Lạng Giang, cấp nước sạch đạt chuẩn cho hàng chục nghìn hộ dân, bước đầu chứng tỏ tính khả thi và hiệu quả của mô hình cấp nước cận đô thị.

Bên cạnh các dự án nâng công suất, tự động hóa, giảm thất thoát tại các công ty nước hiện hữu, DNP Water cũng tích cực nghiên cứu khả thi các dự án mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và giải pháp thực tế để cấp nước sạch bền vững cho các địa phương có nhu cầu sử dụng nước cao, có tiềm năng phát triển lớn về dân cư, du lịch như các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Bình, Sapa...

2 Đầu tư cải tạo nâng công suất nhà máy gạch ốp lát CMC số 2

Lý do thực hiện

Thực hiện chủ trương đầu tư để CMC trở thành top 3 nhà sản xuất gạch ngói của Việt Nam, với danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thị trường, cần đầu tư cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có, cũng như các dây chuyền/nhà máy sản xuất mới.

Năm 2021 triển khai dự án cải tạo dây chuyền số 1 và số 2 của nhà máy gạch số 2, nâng công suất của nhà máy số 2 lên 16 triệu m²/năm

Kết quả thực hiện

CÔNG SUẤT GẠCH ỐP LÁT TĂNG TRƯỞNG
/ 26 triệu m²/năm

Dự án đã hoàn thiện và đi vào sản xuất ổn định từ cuối quý III năm 2021, nâng tổng công suất của mảng gạch ốp lát và ngói phụ kiện lên 26 triệu m²/năm.





③ Đầu tư phát triển thương hiệu gia dụng INOCHI

Lý do thực hiện

Từ năm 2017, DNP đã nghiên cứu và xác định đầu tư phát triển các sản phẩm gia dụng chất lượng cao và xây dựng thương hiệu gia dụng Việt Nam cao cấp vì các lý do (i) nhu cầu thị trường nội địa đối với phân khúc này cao, chưa được đáp ứng đủ và có xu hướng tăng trưởng dài hạn, (ii) Tân Phú Việt Nam có khả năng nâng cao năng lực sản xuất với sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản, và (iii) sản phẩm chất lượng cao cùng thương hiệu sẽ tạo nên chiến lược kinh doanh khác biệt và giá trị gia tăng lâu dài, vượt trội cho Tân Phú Việt Nam so với gia công bao bì cứng.

Các hạng mục đầu tư cho INOCHI năm 2021 tiếp tục thực hiện theo định hướng trên, đặc biệt chú trọng về việc phát triển sản phẩm mới và thiết kế để gia tăng nhanh chóng dãy sản phẩm về số lượng và chất lượng, khẳng định vị thế INOCHI là thương hiệu gia dụng cao cấp phong cách và tiêu chuẩn Nhật, đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng của các gia đình.

Kết quả thực hiện

INOCHI ĐÃ CÓ HƠN

/ **500** SKU

TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

/ **100** sản phẩm mới/năm

Từ hơn 50 mã hàng (SKU) cuối 2018 chủ yếu là mắc áo, kệ, thùng rác...đến cuối 2020, INOCHI đã có tới hơn 500 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng gồm các thau rửa, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh... Trong đó, các nhóm sản phẩm đều có đủ kích thước, kiểu dáng để đáp ứng nhu cầu sử dụng và thị hiếu đa dạng.

Ngoài tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng với hơn 100 sản phẩm mới/năm, INOCHI còn ngày càng được yêu thích bởi phong cách thiết kế trang nhã, tiện dụng đậm phong cách Nhật Bản, phù hợp với xu hướng và không gian sống hiện đại. Với chất liệu nhựa nguyên sinh an toàn với sức khỏe, quy cách đóng gói tối ưu và các sản phẩm thân thiện với môi trường như thùng rác 3 ngăn phân loại rác, các hộp thủy tinh, hộp thực phẩm thay thế cho các sản phẩm dùng một lần..., INOCHI sẽ tiếp tục phát triển thành thương hiệu gia dụng cao cấp đồng hành với các xu hướng tiêu dùng bền vững tại Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư chiếm 65% trong tổng giá trị đầu tư năm 2021 của toàn TPP.

④ Đầu tư nhà máy bao bì 5

Lý do thực hiện

DNP bắt đầu phát triển mảng bao bì túi nhựa từ năm 2007. Từ đó đến nay, mảng bao bì vẫn tập trung mở rộng sản lượng và nâng cao chất lượng của túi rác, túi siêu thị thông thường mà chưa có sự đột phá về giá trị gia tăng trong sản phẩm và cải thiện môi trường sản xuất.

Năm 2020, Nhà máy bao bì 5 ra đời để hướng tới chiến lược sản phẩm cao cấp hơn, đó là dòng sản phẩm cho túi đựng thực phẩm ziplock và slider. Dòng sản phẩm chất lượng cao này không những giúp cho Công ty tiếp cận phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà còn thay đổi môi trường sản xuất sạch sẽ, mát mẻ và an toàn cho công nhân.

Kết quả thực hiện

CÔNG SUẤT THIẾT KẾ
/ **120** tấn/tháng

Trong quá trình thực hiện DNP đã gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 làm chậm tiến độ giao hàng, chuyên gia không thể sang hướng dẫn trực tiếp; sản phẩm, công nghệ, kỹ thuật quy trình sản xuất mới. Công ty đã nỗ lực để hoàn thành vào cuối năm 2020, khai trương nhà máy vào tháng 01.2021 và ngay lập tức đã có đơn hàng xuất khẩu các sản phẩm mới trong cùng tháng. Với công suất thiết kế là 120 tấn/tháng, sau thời gian nỗ lực, nhà máy bao bì 5 đã đạt được 100% công suất thiết kế từ tháng 12.2021

⑤ Đầu tư nâng công suất – tự động hóa sản xuất bao bì cứng

Lý do thực hiện

Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trên các khoản đầu tư khuôn mẫu, máy móc ban đầu bằng cách đầu tư tự động hóa các khâu có thể, tăng năng suất và chất lượng giảm thiểu lỗi sản phẩm và hàng trả lại.

Song song với đó, Tân Phú cũng đầu tư thêm một số khuôn mẫu để đáp ứng nhu cầu đặt sản xuất của khách hàng với phương châm đầu tư chọn lọc, ưu tiên các dự án có nhu cầu lớn và khả năng khai thác lâu dài với chi phí và thời gian tối ưu.

Kết quả thực hiện

GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
/ **15 - 17** tỷ đồng

Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác một số khuôn mẫu mới, tự động hóa tăng năng suất dây chuyền sản xuất bao bì cứng, tăng chất lượng ở các nhà máy Bắc Ninh, Long An và TP.Hồ Chí Minh. Giá trị thực hiện đầu tư 15 tỷ / 17 tỷ đồng kế hoạch, chiếm 88,2% so với kế hoạch đề ra.



*Cửa hàng INOCHI



Tổng quan tình hình tài chính Công ty

Tình hình tài chính năm 2021 so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31.12.2021	31.12.2020	
1	Tổng tài sản	14.040	9.732	44,3%
2	Vốn chủ sở hữu	3.916	2.755	42,1%
3	Doanh thu thuần	6.237	3.289	89,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	43	33	30,3%
5	EBITDA	1.187	695	70,8%
6	Lợi nhuận trước thuế (loại trừ ảnh hưởng bút toán hợp nhất phân bổ LTSM và giá trị tài sản tăng thêm sau M&A)	228	145	57,2%

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của công ty đạt 14.040 tỷ tăng 44,3% so với cùng kỳ, vốn chủ sở hữu đạt 3.916 tỷ tăng 42,1% so với cùng kỳ. Mặc dù năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của Covid, nhưng doanh thu thuần của công ty vẫn đạt 6.237 tỷ, tăng 89,6% so với năm 2020. Nếu tính lợi nhuận sau khi loại trừ ảnh hưởng bút toán hợp nhất phân bổ lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A thì công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 228 tỷ.

Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31.12.2021	31.12.2020	
1	NỢ PHẢI TRẢ	10.124	6.977	45,1%
2	Nợ ngắn hạn	3.662	2.574	42,3%
3	Phải trả người bán ngắn hạn	715	291	145,7%
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	49	135	-63,7%
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48	25	92,0%
6	Phải trả người lao động	90	58	55,2%
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	152	96	58,3%
8	Phải trả ngắn hạn khác	229	257	-10,9%
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.359	1.695	39,2%
10	Nợ dài hạn	6.462	4.403	46,8%
11	VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.916	2.755	42,1%
12	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.381	1.415	68,3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.040	9.732	44,3%



Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31.12.2021	31.12.2020	
TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.760	3.129	52,1%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	451	195	131,3%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	939	-70%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.675	1.313	103,7%
4	Hàng tồn kho	1.252	593	111,1%
5	Tài sản ngắn hạn khác	100	89	12,4%
TÀI SẢN DÀI HẠN		9.280	6.603	40,5%
6	Các khoản phải thu dài hạn	377	138	173,2%
7	Tài sản cố định	7.436	5.361	38,7%
8	Tài sản dở dang dài hạn	428	173	147,4%
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	609	528	15,3%
10	Lợi thế thương mại	330	289	14,2%
11	Chi phí trả trước dài hạn	100	113	-11,5%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.040	9.732	44,3%

Các chỉ tiêu tài chính quan trọng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		31.12.2021	31.12.2020	31.12.2019
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,30	1,22	1,12
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,20	0,56	0,47
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN				
3	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,72	0,72	0,73
4	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,59	2,53	2,67
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
5	Vòng quay hàng tồn kho	5,69	4,85	5,01
6	Vòng quay các khoản phải thu	3,13	3,63	3,56
7	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,44	0,34	0,37
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
8	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	0,4%	1%	1,0%
9	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	0,2%	0%	1,0%
10	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	0,2%	0,3%	0,4%
11	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0%	1%	2,0%
12	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	76	132	196

Phân tích tình hình tài chính

Năm 2021, DNP có tổng tài sản tăng, chủ yếu do việc gia tăng đơn vị thành viên Công ty CP CMC – trong ngành vật liệu xây dựng và thực hiện đầu tư, mua sắm thêm các nhà máy, tài sản.

Việc huy động nguồn lực cho đầu tư dẫn đến việc tổng nợ phải trả tăng. Mặc dù vậy, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của công ty giảm nhẹ vì công ty đã chủ động phương án tăng vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

Chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh, lần lượt ở mức 1,3 và 0,2, tương đương so với năm 2020. Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 tăng lên 5,7 vòng và vòng quay các khoản phải thu giảm xuống 3,1 vòng, do ảnh hưởng số liệu của thành viên mới hợp nhất trong năm. Các chỉ số về khả năng sinh lời không khả quan do công ty chỉ lãi nhẹ trong năm 2021.

CHỈ SỐ THANH TOÁN NGẮN HẠN

/ 1,3

VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO

/ 5,7 vòng

CHỈ SỐ THANH TOÁN NHANH

/ 0,2

VÒNG QUAY CÁC KHOẢN PHẢI THU

/ 3,1 vòng



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Các chính sách cải tiến dưới đây áp dụng cho toàn bộ các đơn vị của DNP Holdings

Chính sách quản trị theo mục tiêu

Các công ty tại DNP thực hiện quản trị theo mục tiêu OKR (Objective – Key Results) nhằm tăng cường sự tập trung của toàn bộ hệ thống vào những ưu tiên chiến lược đã được xác định.

Chính sách kiểm soát giao dịch nội bộ

Kiểm soát nội bộ được hiểu là kiểm soát tất cả các hoạt động, quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, kiểm soát xung đột lợi ích, phát hiện và xử lý các vi phạm tạo môi trường kinh doanh trong sạch, minh bạch.

Kiểm soát nội bộ được Công ty thực hiện theo các hình thức sau:

- Xây dựng hệ thống quy định, quy trình nhằm kiểm soát toàn bộ các hoạt động, giao dịch của Công ty, đảm bảo sự phân quyền rõ ràng, minh bạch và có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận/phòng ban/đơn vị để đảm bảo tính minh bạch.
- Triển khai thực hiện kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ hàng năm.

Ngoài ra, một số đơn vị có các chính sách phù hợp với tình hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức riêng, ví dụ:

Công ty cổ phần CMC

- Năm 2021 Công ty CP CMC đã hoàn tất quá trình tái cấu trúc bộ máy với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và hướng tới khách hàng.
- Công ty cũng đã hoàn thành xây dựng hệ thống lương KPIs giúp thúc đẩy, nâng cao năng suất và thời gian làm việc của người lao động, tăng cường sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp.
- Chúng tôi cũng thực hiện lộ trình số hoá với các dự án cụ thể từ không sử dụng giấy (paperless) đến tự động hóa (automation) quy trình và quản trị dữ liệu tập trung nhằm tối ưu hoá hiệu suất công việc.
- Các dự án liên phòng ban cũng được chủ động thực hiện nhằm tăng cường tính đoàn kết, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.

Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam

- Chuyển nội dung khoán quỹ tiền lương các chi nhánh từ doanh thu sang khoán theo nguyên liệu sản xuất.
- Chuyển cách tính lương của nhân viên B2B theo hình thức lương 3P, thu nhập theo hiệu quả công việc.
- Điều chỉnh cách tính lương của các bộ phận B2C nhằm tạo động lực cho nhân viên theo từng giai đoạn.
- Công ty và cán bộ nhân viên (CBNV) ủng hộ vào quỹ của tập đoàn 3 lần, với tổng số tiền 643 triệu đồng & ủng hộ các cơ quan ban ngành 680 triệu trong công tác phòng chống Covid 19.
- Hỗ trợ CBNV và người thân bị Covid-19 (từ tháng 09.2021 đến tháng 02.2022) với tổng tiền hỗ trợ là: 745 triệu đồng.



*Showroom CMC cơ sở quận Tân Bình

Kế hoạch kinh doanh năm 2022



Nước sạch và môi trường

DNP đặt mục tiêu đạt **1.031 tỷ** doanh thu nước sạch năm 2022, tăng 1,9% so với năm 2021.

Tăng trưởng sẽ đến từ các yếu tố (i) tăng trưởng tự nhiên của thị trường hiện hữu, (ii) bắt đầu ghi nhận doanh thu từ các dự án mở rộng vùng cấp nước, tăng sản lượng, tăng công suất và hiệu quả hoạt động đã thực hiện, và (iii) việc hợp nhất/thoái vốn gây ảnh hưởng đến doanh thu và các chỉ tiêu khác.

Vật liệu xây dựng

Tổng doanh thu đạt **4.360 tỷ đồng**, tăng 20% so với năm 2021. Trong đó hơn 822 tỷ đến từ mảng gạch ốp lát.

Ống nhựa, phụ kiện và vật tư thiết bị ngành nước vẫn duy trì tăng trưởng nhờ tối ưu hóa tập khách hàng và các công trình hiện hữu và tìm kiếm các dự án, đơn hàng mới cùng với triển vọng hồi phục và tăng trưởng của đầu tư công và thị trường bất động sản trong năm.

Sản phẩm gia dụng

Trên cơ sở dãy sản phẩm đa dạng, thương hiệu và hệ thống phân phối đa kênh bước đầu được hoàn thiện và khẳng định cuối năm 2021, mục tiêu của INOCHI là tiếp tục tăng trưởng đột phá năm 2022, đạt **650 tỷ** doanh thu, tăng hơn gấp đôi so với năm trước.

Đây là mục tiêu khả thi đối với thương hiệu mới sau giai đoạn thâm nhập thành công vào thị trường và đang được đánh giá và đón nhận tốt ở phân khúc mục tiêu nhờ kết hợp hợp lý các tiêu chí thiết kế, chất lượng và giá cả phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam.



Bao bì

Năm 2022 DNP tái cấu trúc mảng bao bì, theo đó sẽ dịch chuyển mảng bao bì mềm thuộc Công ty mẹ sang Công ty CP Tân Phú Việt Nam (Công ty con trực tiếp) nhằm hợp nhất mảng bao bì mềm và bao bì cứng dưới cùng một pháp nhân.

Bao bì mềm tiếp tục tăng trưởng ổn định và khai thác các khách hàng, sản phẩm mới giá trị cao hơn với mục tiêu doanh thu 853 tỷ, tăng 31,4%.

Bao bì cứng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định nhờ tình hình kinh tế và tiêu dùng trở lại bình thường. Chỉ tiêu doanh thu 2022 là 630 tỷ, tỷ lệ tăng trưởng 4%.

Lợi nhuận chung

Với việc tiếp tục tăng quy mô và phát triển kinh doanh các mảng và phát triển mạnh kinh doanh vật liệu xây dựng khâu hoàn thiện các công trình hạ tầng và dân dụng, doanh thu hợp nhất năm 2022 của DNP dự kiến sẽ tăng hơn 20% so với 2021. Lợi nhuận trước thuế, nếu không bị ảnh hưởng bởi các bút toán phân bổ lợi thế thương mại và khấu hao sau M&A được đặt mục tiêu là 295 tỷ, tăng 29,4% so với 2021.

Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2022 đạt 100 tỷ, tăng 133% so với năm 2021.

Các giải pháp thực hiện



Nhóm giải pháp chung

- Tăng cường rà soát các dự án đã đầu tư và quản lý hoạt động tại các đơn vị, quản lý tối ưu chi phí, hoàn thiện quy trình chuẩn và áp dụng các chương trình cải tiến sản xuất, phát triển kinh doanh;
- Chuyển đổi số toàn diện, tinh gọn bộ máy nâng cao tính hiệu quả chung;
- Tăng cường khai thác yếu tố cộng hưởng trong hệ sinh thái;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

Nước sạch và môi trường

Tiếp tục tăng quy mô thông qua việc đầu tư vào các công ty nước mới, sắp xếp lại các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và phát triển dự án tại các khu vực tiềm năng trong đó tập trung các dự án liên vùng góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm, biến đổi khí hậu và hậu quả khai thác nước ngầm quá mức.

Tiếp tục hoàn thiện quy trình chuyển đổi số tại các đơn vị thành viên để nâng cao năng suất lao động, cải thiện hiệu quả hoạt động, tăng cường chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng và chuyên nghiệp hóa quản trị, vận hành. Mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển mạng lưới khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đầu nổi hiện hữu thông qua việc nâng công suất nhà máy nước, gia tăng số lượng đồng hồ, tiếp quản các vùng cấp nước theo quy hoạch...

Tăng cường quản lý chất lượng nước đầu vào và đầu ra nhằm đảm bảo nguồn nước đạt yêu cầu thông qua việc giám sát chặt chẽ, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước thô, đầu tư công nghệ máy móc, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước, báo cáo thường xuyên về chất lượng nước và các vấn đề liên quan đến vận hành.

Đầu tư nghiên cứu ứng dụng các công nghệ, giải pháp mới ngoài các hoạt động thường xuyên, nhằm nâng cao năng lực phát triển, thực hiện dự án, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.



Vật liệu xây dựng

Mảng Ống nhựa, phụ kiện và vật tư thiết bị ngành nước duy trì hoạt động ổn định kinh doanh hạ tầng, giữ vững vị thế số 1 thị trường hạ tầng cấp thoát nước khu vực phía Nam, đồng thời mở rộng ra thị trường miền Bắc. Tập trung nguồn lực phát triển kinh doanh trên thị trường xây dựng dân dụng, trở thành lựa chọn số một cho dịch vụ MEP (cơ điện – điện – thoát nước) cho các tòa nhà.

Vật liệu xây dựng - Ngói và gạch men

Tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm; cho ra đời ít nhất 02 dòng sản phẩm gạch ngói thể hệ mới.

Đầu tư mạnh mẽ vào hoạt động Marketing và truyền thông thương hiệu với mục tiêu Top 3 TOM trong ngành gạch ốp lát và ngói tráng men.

Thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, tăng cường độ phủ sản phẩm và hình ảnh thương hiệu trong các kênh bán hàng. Triển khai các hoạt động Marketing hướng tới các đối tượng trung gian như Kiến trúc sư, Thầu thợ thi công... nhằm thúc đẩy hoạt động giới thiệu và tư vấn sản phẩm.

Triển khai các kênh bán hàng mới có nhiều tiềm năng như Kênh Dự án và Kênh Bán hàng Quốc tế. Vận hành xuất sắc hệ thống sản xuất với sản lượng đạt 23 triệu m² với chất lượng sản phẩm loại 1 đạt trên 92% và tỷ lệ hao hụt trong quá trình sản xuất giảm còn 2,5%. Đầu tư vào nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển văn hoá doanh nghiệp; thực hiện lộ trình số hoá hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn & linh hoạt.

Sản phẩm gia dụng

Trên cơ sở dãy sản phẩm đa dạng và thương hiệu INOCHI đã được đón nhận, tiếp tục phát triển quy mô và độ phủ trên các kênh phân phối hiện đại và truyền thống: tăng số lượng sản phẩm được bày bán, số lượng điểm bán và doanh thu bán ra. Tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm và mở các shop INOCHI trên các tỉnh thành để quảng bá thương hiệu và sản phẩm gia dụng cao cấp. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ bán hàng đa kênh để thương hiệu INOCHI được người tiêu dùng biết đến và sử dụng rộng rãi.



Bao bì

Đối với bao bì mềm, đẩy mạnh khai thác các sản phẩm mới giá trị cao của nhà máy bao bì 5 vừa đầu tư, tối ưu hóa đơn hàng và sản lượng các nhà máy đã có, cải thiện hiệu quả sản xuất và chất lượng khách hàng.

Đối với bao bì cứng, khai thác hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh trên nền tảng hiện hữu, ưu tiên nguồn lực cho các khu vực sản phẩm có biên lợi nhuận cao, mang tính thiết yếu trong mọi điều kiện nền kinh tế để duy trì doanh thu ổn định. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm sang các nguyên vật liệu giá cả ổn định hơn, tận dụng ít nhất 70% công suất các máy sản xuất nhựa HDPE và các khuôn công ty đã đầu tư. Tập trung phát triển quan hệ hợp tác và quy mô đơn hàng với các tệp khách hàng chiến lược chiếm phần lớn tỷ trọng doanh thu công ty.

Tài chính – Quản trị

Tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác công nghệ - kỹ thuật để cải thiện hiệu quả vận hành; phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các cơ hội huy động nguồn lực đầu tư và phát triển công ty.

Hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình đảm bảo mọi hoạt động trong công ty được diễn ra xuyên suốt, mạch lạc và đạt hiệu quả cao.

Tăng cường công tác giám sát, quản lý tại công ty mẹ và các công ty con, đảm bảo mọi công tác đều được triển khai theo đúng định hướng phát triển của công ty và luôn hỗ trợ các đơn vị kịp thời.

Chuẩn hóa và thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ nhân viên, đảm bảo phúc lợi cho người lao động và áp dụng các cơ chế khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, phát triển sự nghiệp và gắn bó với công ty.

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tăng tính hiệu quả tại từng đơn vị.



04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị chung của DNP	98
Báo cáo của HĐQT về hoạt động công ty năm 2021	98
Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022	101
Thành viên và cơ cấu HĐQT	102
Các tiểu ban thuộc HĐQT	103
Hoạt động của HĐQT	103
Hoạt động của HĐQT độc lập	104
Đào tạo về quản trị công ty	104
Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	106
Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ	106
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT năm 2021	106
Cơ cấu cổ đông	107
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	107
Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	108
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	109
Thông tin cổ phiếu	110
Quan hệ cổ đông	111

Mô hình quản trị chung của DNP

Hội đồng Quản trị

Hoạch định chiến lược phát triển, tầm nhìn của Công ty

Ban điều hành

Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt

Ban kiểm toán nội bộ

Vai trò giúp việc HĐQT trong việc giám sát, quản trị rủi ro

Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2021

Trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch covid-19, nhờ sự nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, DNP vẫn tiếp tục phát triển về quy mô và cải thiện chất lượng hoạt động, cụ thể:

(i) Các công ty thành viên ngành nước của DNP đã tiên phong trong việc chuyển đổi số ngành nước và thực hiện thành công việc chuyển đổi số tại một số đơn vị, gồm ghi thu trực tuyến, ghi thu không tiền mặt, tổng đài hỗ trợ khách hàng call center, phần mềm quản lý mạng lưới GIS..., tiếp tục triển khai mở rộng chương trình chuyển đổi số, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động qua các dự án cải tạo nâng công suất và tự động hóa, giám thất thoát. Bên cạnh đó, DNP Water mặc dù do dịch bệnh vẫn tiến hành khởi công và thi công các dự án tại Quảng Châu (Quảng Bình) và Sapa (Lào Cai) để đạt mục tiêu phát nước cấp cho người dân vào mùa khô năm 2022. Công ty vẫn tích cực triển khai dự án nước Vùng 1, Vùng 2 (khu vực miền Tây) và dự án Sơn Thành (Nha Trang, Khánh Hòa) để chuẩn bị công tác được phê duyệt chủ trương đầu tư và khởi công năm 2022.

(ii) Nhựa Đồng Nai đã định vị là nhà cung cấp giải pháp, vật tư số 1 cho ngành cấp thoát nước với dây sản phẩm hoàn thiện gồm ống, vật tư, thiết bị bơm, van và cả giải pháp phần mềm chất lượng cao, thị phần và doanh thu tăng trưởng tốt trên cả thị trường hạ tầng. Từ nửa cuối năm 2021 đã thực hiện các giải pháp với sự tập trung cao độ về nguồn lực để đạt mục tiêu nhà cung cấp số 1 về MEP (cơ điện – điện – thoát nước) cho mảng xây dựng dân dụng cao tầng. Đối với mảng bao bì mềm, thực hiện tái cấu trúc để đưa về Tân Phú Việt Nam năm 2022 nhằm gia tăng quy mô nhóm bao bì cứng và bao bì mềm, gia tăng hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng, gia tăng khả năng đàm phán với đối tác.

(iii) Tân Phú Việt Nam tăng hiệu quả hoạt động mảng bao bì cứng cho khách hàng công nghiệp và phát triển kinh doanh mạnh mẽ với thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI, thâm nhập tốt vào các kênh phân phối với dây sản phẩm đa dạng, hiện đã có mặt tại các hệ thống siêu thị, các được người tiêu dùng yêu thích vì thiết kế và chất lượng.

(iv) CMC, thành viên mới của DNP cũng đã hoàn thiện tái cấu trúc bộ máy với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và hướng tới khách hàng và nâng cao năng suất. Đồng thời CMC cũng thực hiện các chương trình căn bản liên quan đến marketing kéo, xây dựng các showroom lớn, các hệ thống showroom mini... tạo tiền đề tăng trưởng đột phá năm 2022.

Báo cáo của HĐQT

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên Báo cáo tài chính năm 2021.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	6.237	5.919	105,4%
i	Nước sạch và môi trường	Tỷ đồng	1.012	1.093	92,6%
ii	Vật liệu xây dựng	Tỷ đồng	3.641	3.100	117,5%
iii	Bao bì	Tỷ đồng	1.255	1.426	88,0%
iv	Sản phẩm gia dụng	Tỷ đồng	329	300	109,7%
2	EBITDA	Tỷ đồng	1.187	1.109	107,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43	25	172,0%
	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau M&A)	Tỷ đồng	228	183	124,6%
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.189	1.092	108,9%

DOANH THU HỢP NHẤT NĂM 2021 ĐẠT

/ 105,4% so với kế hoạch

Doanh thu hợp nhất năm 2021 của Công ty đạt 105,4% kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu ngành nước đạt 92,6% kế hoạch do chủ yếu do sụt giảm sản lượng tiêu thụ của các khách hàng kinh doanh, sản xuất, khu công nghiệp do ảnh hưởng của dịch bệnh cùng với hoạt động hỗ trợ miễn giảm giá nước sinh hoạt góp phần phòng chống dịch bệnh.

DOANH THU VẬT LIỆU XÂY DỰNG VƯỢT

/ 17,5% so với kế hoạch

Các mảng kinh doanh vật liệu xây dựng vượt 17,5% kế hoạch doanh thu nhờ gạch, ống, phụ kiện và vật tư thiết bị ngành nước tăng trưởng tốt.

SẢN PHẨM GIA DỤNG TĂNG TRƯỞNG

/ 9,7% so với kế hoạch

Bao bì mềm xuất khẩu không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch bệnh và cạnh tranh giá trong khi bao bì cứng đạt kế hoạch. Sản phẩm gia dụng tăng trưởng 9,7% so với kế hoạch do tốc độ phát triển sản phẩm và thâm nhập các kênh phân phối nhanh nhờ lợi thế chất lượng, thiết kế cạnh tranh ở phân khúc sản phẩm tiêu dùng trung-cao cấp.

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 tốt hơn so với kế hoạch đặt ra chủ yếu do quản trị tốt các chi phí và đẩy mạnh tiêu thụ của tất cả các mảng.

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, cùng với Ban Tổng Giám đốc thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển và chiến lược của DNP.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19, HĐQT đã đề ra những kế hoạch ứng phó với dịch bệnh đồng thời duy trì sản xuất kinh doanh như 3 tại chỗ, nỗ lực tiêm vaccine nhanh chóng, hoàn thiện và khai thác nhà máy bao bì 5, phát triển các sản phẩm gia dụng INOCHI với tốc độ nhanh và chi phí tối ưu... Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các giải pháp để tăng hiệu quả đầu tư và giám sát công tác thực hiện của ban điều hành, quản trị rủi ro do nhằm đảm bảo tiến độ, kết quả mục tiêu của các hoạt động và dự án.

Trong năm 2021, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyển nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh...

Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành thông qua việc triển khai, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch trong năm đã cam kết qua các cuộc họp định kỳ và bổ sung của Hội đồng quản trị; qua trao đổi, thảo luận tại các chương trình làm việc nhằm đảm bảo tính chính xác, phù hợp, kịp thời và hiệu quả; thực hiện đúng các quy định về báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo thường niên; phối hợp với Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên, từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và Hội đồng quản trị giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện khá tốt nhiệm vụ được giao năm 2021.

Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã quyết liệt trong việc điều hành Công ty cũng như chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống: chủ động và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin bán hàng, đặt hàng, hỗ trợ giải phóng hàng tồn; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng và dịch vụ; chủ động đàm phán với ngân hàng để được hưởng lãi suất thấp, tập trung việc quản trị nguồn vốn, dòng tiền, điểm hòa vốn, tiết kiệm chi phí, khả năng xoay vòng vốn để chủ động tránh áp lực thanh toán; chú trọng thu hồi công nợ, cổ tức và lợi nhuận; tiếp tục kiện toàn bộ máy, mô hình tổ chức, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa; tiến hành các hoạt động truyền thông, văn hóa nội bộ tạo gắn kết với bản sắc riêng và đậm tính nhân văn; nghiên cứu, tìm kiếm ngành nghề dịch vụ mới, đổi mới chiến lược mới; từng bước áp dụng công nghệ nhằm số hóa dữ liệu, quản lý tập trung, nâng cao hiệu suất làm việc; tận dụng mọi cơ hội thị trường để gia tăng hiệu quả.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022

Nửa cuối năm 2021, HĐQT nhận định đại dịch Covid-19 đã tác động thay đổi lớn đến môi trường kinh doanh của thế giới và Việt Nam, HĐQT đã chủ động bàn giải pháp và thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ để tận dụng cơ hội phục hồi sau đại dịch và chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2022.

Năm 2022 cũng là một năm đặc biệt, đánh dấu mốc 10 năm tái cấu trúc toàn diện và thành công của Công ty. Sau 10 năm tái cấu trúc, hệ sinh thái của DNP đã được hình thành rõ ràng và có tính cộng hưởng. Năm 2022 HĐQT đưa ra định hướng chuyển đổi để tăng trưởng và cải thiện hiệu quả mạnh mẽ trong đó tập trung khai thác tối đa và tạo sự cộng hưởng trong hệ sinh thái, chuyển đổi số; tập trung khai thác tối ưu các tài sản/dự án đã đầu tư; tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động tại tất cả các đơn vị thành viên; tích cực và sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu.

HĐQT thống nhất thay đổi tên gọi của Công ty từ “Công ty CP Nhựa Đồng Nai” thành “Công ty Cổ phần DNP” để trình ĐHCĐ thường niên năm 2022, phù hợp hơn với hoạt động Công ty hiện tại và định hướng trong tương lai.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	% so với thực hiện 2021
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	7.524	6.237	120,6%
i	Nước sạch và môi trường	Tỷ đồng	1.031	1.012	101,9%
ii	Vật liệu xây dựng	Tỷ đồng	4.360	3.641	119,7%
iii	Bao bì	Tỷ đồng	1.483	1.255	118,2%
iv	Sản phẩm gia dụng	Tỷ đồng	650	329	197,6%
2	EBITDA	Tỷ đồng	1.421	1.187	119,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	43	232,6%
	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau M&A)	Tỷ đồng	295	228	129,4%
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.189	1.189	100,0%

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đồng thời nắm giữ tại các Công ty khác
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	08.04.2017	01
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	08.04.2017	05
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	08.04.2017	04
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	17.07.2021	0
Ông Akhil Jain	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	17.07.2021	0
Ông Lê Văn Minh	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	05.05.2019	01
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	05.05.2019	03

Sở hữu của thành viên HĐQT	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	12.780.770	10,75%	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	121.036	0,10%	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	485.376	0,41%	Thành viên HĐQT/TGĐ
Bà Phan Thùy Giang	80.797	0,07%	Thành viên HĐQT/PTGĐ
TỔNG	13.467.979	11,33%	

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty không có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Theo đó, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua một số công việc cụ thể như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp khắc phục và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- Cập nhật tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19 và ảnh hưởng của dịch bệnh tới hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các quy định của Pháp luật.

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện 09 cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, theo đó ban hành 09 Nghị quyết, quyết định.

Chi tiết xem tại website DNP mục Công bố thông tin & Sự kiện/Hội đồng quản trị



Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

Năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn duy trì 07 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập là ông Lê Văn Minh, ông Hồ Anh Dũng và ông Akhil Jain. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Xem xét, đánh giá độc lập báo cáo của Tổng giám đốc và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, đầu tư chiến lược mới của Công ty.

Các thành viên đều tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, đóng góp những phản biện tốt cho các đề xuất định hướng chiến lược, cũng như các giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Ban TGD vượt qua thách thức trong quá trình vận hành, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật và tuân thủ Điều lệ công ty.

Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty do Công ty tự tổ chức để cập nhật các thay đổi của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp luật hướng dẫn và các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp.



Ban Kiểm toán nội bộ

STT	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Văn Minh	Trưởng Ban	05.05.2019	Cử nhân - Luật Kinh Tế & QTKD Ngoại Thương & Kế Toán
2	Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	05.05.2019	Thạc sỹ - Tài chính doanh nghiệp
3	Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	18.11.2020	Thạc sỹ Tài chính Kế toán

Hoạt động của
Ban Kiểm toán
nội bộ

- Trong năm 2021, Ban Kiểm toán nội bộ đã tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm toán nội bộ. Theo đó, các nhiệm vụ chính trong năm 2021 của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:
- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
 - Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
 - Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, các dịch vụ phi kiểm toán khác;
 - Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Thù lao và các
khoản lợi ích của
Hội đồng Quản trị
năm 2021

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua, các thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT kiêm nhiệm không nhận thù lao. Thù lao trong năm 2021 được chi trả cho các thành viên HĐQT không làm việc chuyên trách tại Công ty, từ tháng 5/2021 đến tháng 04/2022, với tổng thù lao HĐQT thực chi năm 2021 là **120.000.000 đồng**.

Cơ cấu cổ đông

VỐN ĐIỀU LỆ TỚI NGÀY 31.12.2021
/ **1.189.099.130.000** đồng

Danh sách cổ đông tại ngày kết thúc đợt phát hành tăng vốn:

Tình hình thay đổi
vốn của chủ sở hữu

Cổ phiếu của CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP.

Đến ngày 31.12.2021, vốn điều lệ của DNP là 1.189.099.130.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm tám mươi chín tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) được chia thành 118.909.913 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

	31.12.2021	31.12.2020
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.901.103	109.145.683
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	118.909.913	109.154.493

	Số lượng CP năm giữ	% sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0,00%
1. Trong nước	118.620.243	99,76%
a. Cá nhân	81.055.287	68,17%
b. Tổ chức	37.564.956	31,59%
2. Nước ngoài	289.670	0,24%
a. Cá nhân	208.935	0,18%
b. Tổ chức	80.735	0,07%
3. Cổ phiếu quỹ	8.810	0,01%
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	118.909.913	100%

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17.07.2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Theo đó vốn điều lệ của Công ty đã được điều chỉnh tăng từ 1.091.544.930.000 đồng lên thành 1.189.099.130.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	12.780.770	10,75%	
2	Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT	121.036	0,10%	
3	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	485.376	0,41%	
4	Trần Thị Thiện		8.922	0,01%	Vợ của ông Nguyễn Văn Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
5	Phan Thùy Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	80.797	0,07%	
6	Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	682.004	0,57%	
7	Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	93.404	0,08%	
8	Trịnh Trung		6.640	0,006%	Em trai Ông Trịnh Kiên – Phó Tổng Giám đốc
9	Trần Thái Sơn	Kế toán trưởng	24.918	0,02%	
10	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Người được ủy quyền Công bố thông tin	4.000	0,004%	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ngô Đức Vũ	Người nội bộ	641.036	0,587%	121.036	0,11% (tỷ lệ sở hữu trước đợt chào bán tăng vốn)	Bán
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Người có liên quan của người nội bộ là Ông Hoàng Anh Dũng – Thành viên HĐQT	1.667.160	1,53%	6.167.160 (Số CP sở hữu trước kết quả đợt chào bán tăng vốn)	5,65% (tỷ lệ sở hữu trước kết quả đợt chào bán tăng vốn)	Mua
3	Phan Thị Thanh Bình	Người có liên quan của người nội bộ là Ông Trịnh Kiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty	33.500	0,0028%	0	0	Bán

Thông tin cổ phiếu

TÊN GIAO DỊCH
CTCP Nhựa Đồng Nai

MÃ CHỨNG KHOÁN
DNP

MỆNH GIÁ
10.000 đồng/cổ phiếu

TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH TẠI 31.12.2021
118.901.103 cổ phần

Trong đó:

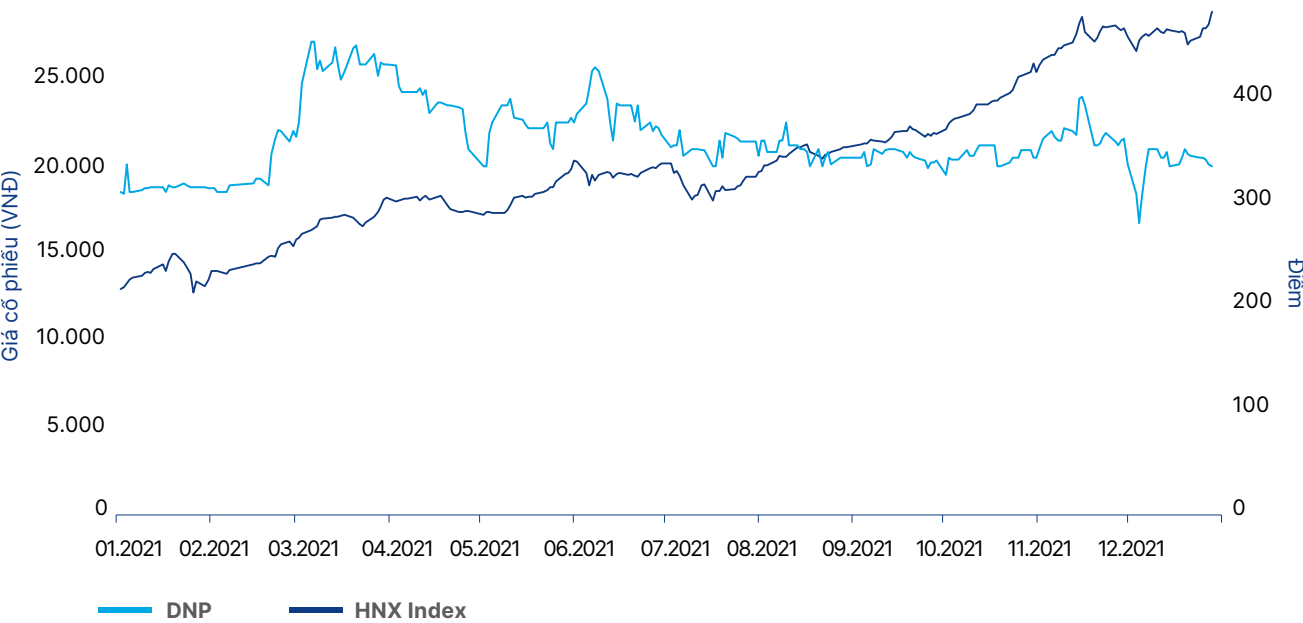
STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	118.901.103 cổ phần
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

Phân tích diễn biến giá cổ phiếu:

Mức giá cổ phiếu giao dịch	Ngày	Giá (đồng/cổ phiếu)
Đóng cửa	31.12.2021	19.500
Cao	09.03.2021	26.700
Thấp	12.07.2021	16.200

Khối lượng cổ phiếu giao dịch	Ngày	Khối lượng (cổ phiếu)
Đóng cửa	31.12.2021	21.500
Cao	08.12.2021	14.289.030
Thấp	22.10.2021	0

Diễn biến giá cổ phiếu DNP và HNX Index 2021



Hoạt động Quan hệ cổ đông

Năm 2021 đã chứng kiến sự nỗ lực vượt bậc của Công ty trong hoạt động quan hệ cổ đông.

Công ty đã xây dựng lại website mục Quan hệ cổ đông nhằm cung cấp các thông tin, giải đáp câu hỏi cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan. Qua đó công ty luôn đảm bảo tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong thông tin đến nhà đầu tư, bảo đảm các cổ đông được đối xử bình đẳng (cổ đông lớn, nhỏ; cổ đông cá nhân, tổ chức; cổ đông trong nước, nước ngoài).

Năm 2022, bên cạnh các hoạt động như ĐHCĐ thường niên, CTCP Nhựa Đồng Nai dự kiến cải thiện chất lượng tài liệu công bố thông tin như Báo cáo thường niên, đăng tải Tài liệu thuyết trình nhà đầu tư trên website mục Quan hệ cổ đông nhằm tạo kênh thông tin kịp thời, cập nhật với cộng đồng cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Phòng Quan hệ Cổ đông và Nhà Đầu tư của CTCP Nhựa Đồng Nai sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai, tích cực phản hồi những yêu cầu, câu hỏi của nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích một cách nhanh chóng nhất.

Quý vị vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: ir@dnpcorp.vn

Lịch tài chính

Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2021	
Ngày 29 tháng 04 năm 2021	Công bố Báo cáo Tài chính Quý I năm 2021
Ngày 17 tháng 07 năm 2021	ĐHĐCĐ thường niên 2021
Ngày 30 tháng 07 năm 2021	Công bố Báo cáo Tài chính Quý II năm 2021
Ngày 27 tháng 10 năm 2021	Công bố Báo cáo Tài chính Quý III năm 2021
Ngày 28 tháng 01 năm 2022	Công bố Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2021

Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022	
Tháng 4 năm 2022	Dự kiến công bố Báo cáo Tài chính Quý I năm 2022
Tháng 7 năm 2022	Dự kiến công bố Báo cáo Tài chính Quý II năm 2022
Tháng 10 năm 2022	Dự kiến công bố Báo cáo Tài chính Quý III năm 2022
Tháng 1 năm 2023	Dự kiến công bố Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2022



05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững	114
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	116
Chính sách liên quan đến người lao động, chiến lược phát triển nguồn nhân lực	134

Chiến lược phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng)

Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (PTBV), được tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua vào năm 2015, kêu gọi sự chung tay hành động xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo đến năm 2030 tất cả cư dân toàn cầu đều được hưởng hòa bình và thịnh vượng.

Chương trình đưa ra 17 mục tiêu PTBV, 169 mục tiêu cụ thể, định hướng phương thức thực hiện, các quan hệ đối tác toàn cầu và các hành động triển khai. Để đạt được các mục tiêu này đòi hỏi các quốc gia cũng như mỗi thực thể trong quốc gia đó bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân cùng chung tay vào mục tiêu chung của quốc gia đó cũng như của Liên Hợp Quốc.

Ý thức được trách nhiệm này, ngay từ những bước phát triển ban đầu, cũng như đối với các công ty mới được M&A, DNP đã định hướng và nghiêm túc thực hiện các hoạt động của mình theo hướng Phát triển bền vững phù hợp với Mục tiêu quốc gia và Chương trình nghị sự của Liên Hợp Quốc cũng như các Chiến lược phát triển trung và dài hạn của DNP theo các mục tiêu như bảng bên.



Mục tiêu của Liên Hợp Quốc, Quốc gia

Mục tiêu của DNP

Giá trị cốt lõi của DNP

Tầm nhìn: DNP sẽ phát triển thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nước sạch và môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp, vật liệu xây dựng cho hoàn thiện công trình. DNP luôn khát vọng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt.

Mục tiêu 3:

Sức khỏe và có cuộc sống tốt

Mục tiêu 6:

Nước sạch và vệ sinh

Mục tiêu 15:

Tài nguyên và môi trường trên đất liền

- Đảm bảo 100% các chỉ tiêu nước sạch cấp ra mạng đều đạt quy chuẩn của QCVN 01-1:2018/BYT Bộ Y tế;
- Giải quyết các bài toán khó của ngành nước như:
 - Giải quyết vấn đề hạn mặn cho vùng ĐBSCL bằng dự án cấp nước thô, nước sạch;
 - Giải quyết bài toán thiếu nước sinh hoạt cho vùng núi và hải đảo;
 - Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước sông ở hạ nguồn phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc sử dụng nguồn nước tốt từ thượng nguồn cung cấp cho các hộ tiêu thụ.
- An toàn, sức khỏe, tính mạng người lao động là trên hết;
- Cuộc sống tốt hơn cho người lao động.

Nhìn xa nghĩ lớn (See ahead)

DNP luôn nhạy bén và tinh tường khi đưa ra các giải pháp mang tính đột phá nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội đồng thời giải quyết những thách thức về nguồn nước và môi trường nhờ có tầm nhìn chiến lược và khả năng dự đoán xu hướng phát triển của tương lai – **“Vì một Việt Nam phát triển bền vững”**.

Mục tiêu 1:

Xóa nghèo

Mục tiêu 2:

Không còn nạn đói

Mục tiêu 11:

Các thành phố và cộng đồng bền vững

Mục tiêu 17:

Quan hệ đối tác vì các mục tiêu

- Phát triển mạnh mẽ tại các nơi có sự hiện diện của DNP thông qua:
- Tạo việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống cho người dân;
- Phát triển kinh tế, hạ tầng mạnh mẽ;
- Thường xuyên đóng góp và ủng hộ Quỹ vì Người nghèo cũng như trực tiếp đến các hộ gia đình và cộng đồng;
- Tạo sự công bằng, văn minh thông qua các dự án, chương trình xã hội như Trại uống nước sạch tại vôi...

Gia tăng giá trị (Add value)

DNP luôn tạo ra giá trị gia tăng vượt trội cho khách hàng và đối tác thông qua các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhờ vào sự am hiểu thị trường và khả năng nhạy bén nắm bắt nhu cầu của khách hàng – **“Khi giá trị gia tăng là cốt lõi của mỗi sản phẩm DNP”**.

Mục tiêu 5:

Bình đẳng giới

Mục tiêu 10:

Giảm bất bình đẳng

Mục tiêu 12:

Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm

Mục tiêu 13:

Hành động về khí hậu

- Luôn tuân thủ các quy định về môi trường, trách nhiệm với con người, phát triển cộng đồng, xã hội thông qua tuân thủ đầy đủ các quy định trong nước và quốc tế như Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement);
- Nâng cao hiệu suất đồng thời giảm tối đa lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào cho mỗi đơn vị sản phẩm thông qua các chương trình như Kaizen, 6S, cải tiến không ngừng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tối đa hóa sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời...;
- Giảm thiểu tối đa các sản phẩm phải thải bỏ và áp dụng triệt để nguyên tắc của Kinh tế tuần hoàn (biến chất thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hoặc cho chính nội tại của mình) thông qua các hoạt động tái chế và tái sử dụng...

Kiến tạo tương lai (Build future)

DNP luôn nỗ lực góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt và nâng tầm thương hiệu Việt nhờ lợi thế cạnh tranh vượt trội về nguồn nhân lực và công nghệ tiên tiến, không ngừng đổi mới, sáng tạo – **“Vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng”**.

Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các hoạt động sản xuất của DNP năm 2021 trong 3 lĩnh vực chính gồm Nhựa, Nước sạch và Gạch ngói có mức tiêu thụ nguyên, nhiên liệu như sau:

Nội dung	Sản lượng	Tổng điện tiêu thụ (kWh)	Tổng nước tiêu thụ (m³)	Điện tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (kWh)	Nước tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (m³)
2021					
Nhựa (tấn)	47.000	53.000.000	143.000	1.130	3
Nước sạch (m³)	104.000.000	32.000.000		0,30	-
Gạch ngói (m²)	16.000.000	52.000.000	193.000	3	0,012
2020					
Nhựa (tấn)	28.000	55.000.000	88.000	2.000	3
Nước sạch (m³)	98.000.000	34.000.000		0,35	-
Gạch ngói (m²)	13.000.000	49.000.000	217.000	4	0,017

SỬ DỤNG VÀ SẢN XUẤT NHỰA

/ 47.000 tấn

Lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa

2 đơn vị sản xuất nhựa thuộc DNP là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam là các đơn vị hàng đầu trong sản xuất ống nhựa hạ tầng và gia dụng tại Việt Nam với các sản phẩm đa dạng như ống nhựa cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải hàng; sản xuất và xuất khẩu Châu Âu các sản phẩm bao bì mềm, bao bì công nghiệp... Trong năm 2021, đã sử dụng và sản xuất được gần 47 nghìn tấn sản phẩm nhựa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập cho hàng nghìn người lao động trong bối cảnh bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trong quá trình sản xuất, tỷ lệ sản phẩm lỗi của toàn ngành chiếm khoảng 9%, tương đương với khoảng 4 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm này được tái chế 100% để đảm bảo tiết kiệm chi phí cho đơn vị và góp phần vào bảo vệ môi trường.

CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

/ 104 triệu m³

Lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch

Việc cung cấp nước sạch đến người dân là một sứ mệnh của DNP để đảm bảo cung cấp 100% nước sạch cho người tiêu dùng. Trong năm 2021, DNP Water (một công ty con của DNP) đã cung cấp khoảng 104 triệu m³ nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn đến các hộ tiêu thụ.

ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG GẠCH NGÓI

/ 16 triệu m²

Lĩnh vực sản xuất gạch ngói

Trong năm 2021, CMC (một công ty con của DNP) đã đưa ra thị trường khoảng 16 triệu m² gạch ngói giúp góp phần vào việc bổ sung nguyên vật liệu xây dựng cho thị trường bị thiếu hụt do dịch bệnh.



Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng chủ yếu sử dụng trong các đơn vị sản xuất là năng lượng điện, phục vụ cho các hoạt động của các thiết bị máy móc sản xuất và cho các hoạt động sinh hoạt khác. Trong đó, lượng điện tiêu thụ trong năm 2021 cho ngành nhựa, nước và gạch ngói lần lượt là 53, 36 và 52 triệu kWh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của quốc gia cũng như của Liên Hợp Quốc đề ra cũng đồng nghĩa giúp doanh nghiệp giảm thiểu tiêu thụ các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chi phí sản xuất... Trong đó, theo bảng thống kê tiêu thụ điện, nước nêu trên có thể thấy, so với năm 2020 ngành nhựa đã có giảm thiểu lớn trong tiêu thụ điện khoảng 50%; ngành nước và gạch ngói cũng góp phần giảm lần lượt khoảng 14% và 25%, nếu so sánh với sản lượng năm trong năm 2021 các ngành tiết kiệm được:

Ngành	Điện tiết kiệm (kWh)	Giảm tiêu thụ điện so với 2020 (%)
Nhựa	26.500.000	50
Nước sạch	4.480.000	14
Gạch ngói	13.000.000	25



Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Để đạt được kết quả trên là tất cả nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong các đơn vị để triển khai mạnh mẽ chương trình Kaizen đến từng cá nhân, phân xưởng, nhằm tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến không ngừng để:

- Giảm thiểu các nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cả tiêu thụ năng lượng trong các khâu, công đoạn, thiết bị sản xuất;
- Giảm thiểu các sản phẩm lỗi, các phế phẩm;
- Tăng năng suất và tăng hiệu quả công việc.



Các hoạt động Kaizen đã giúp DNP tiết kiệm khoảng gần 10 tỷ đồng trong năm 2021 với hàng chục các cải tiến lớn nhỏ.

Đóng góp đáng kể nhất trong các hoạt động này là:

- Cải tiến quy trình vận hành bơm công suất lớn trong các nhà máy nước, tăng số lượng bơm chạy với tần số thấp thay vì chạy ít bơm với tần số cao, vượt tải vừa gây tổn thất do sinh nhiệt cao vừa giảm tuổi thọ của bơm;
- Lắp các biến tần cho các mô tơ công suất lớn như hệ thống bơm trong nhà máy nước, các mô tơ động cơ nghiền... giúp điều chỉnh liên tục việc vận hành phù hợp với sản xuất, giảm điện năng tiêu thụ;
- Cải tiến các thiết bị máy móc nhà xưởng để tăng công suất, đặc biệt đối với các hệ thống máy đun của nhà máy nhựa (một trong những thiết bị tiêu tốn điện năng nhiều nhất trong nhà máy nhựa) giúp tăng năng suất, đồng nghĩa với việc giảm điện năng tiêu thụ so với trước kia;
- Ngoài ra, thông qua hệ thống điều khiển, giám sát tự động như SCADA tại các nhà máy đã giúp can thiệp, tối ưu công tác vận hành, giảm thiểu tối đa tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất.
- DNP cũng đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch mà cụ thể là năng lượng mặt trời trong quá trình sản xuất của mình với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số nhà máy và định hướng tiếp tục nhân rộng ra các nhà máy còn lại. Năm 2021, các nhà máy đã tiêu thụ khoảng 3 GWh điện mặt trời, tương ứng với việc giảm thiểu được khoảng 2,5 nghìn tấn CO₂ quy đổi (theo hệ số phát thải quốc gia năm 2029).

TIÊU THỤ ĐIỆN MẶT TRỜI

/ 3 Gwh (năm 2021)

GIẢM THIỂU CO₂

/ 2.500 tấn

Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Ngoài các nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông, suối, hồ làm nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào thì đối với các ngành nhựa và gạch ngói sử dụng 100% nước máy. Trong năm 2021, lượng nước sử dụng trong ngành nhựa và gạch ngói tương ứng là 143 và 193 nghìn m³. Riêng ngành nước sản xuất được 104 triệu m³ nước thương phẩm.

NGÀNH NHỰA SỬ DỤNG

/ **143** nghìn m³

NGÀNH GẠCH NGÓI SỬ DỤNG

/ **2,5** nghìn tấn CO₂

NGÀNH GẠCH SẢN XUẤT

/ **104** triệu m³



Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP trong quá trình sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào và sản xuất có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường. Nước từ quá trình sản xuất không bị thải bỏ ra ngoài môi trường mà được tái sử dụng, trong đó:

- Lượng nước dùng để làm mát các thiết bị sản xuất, ngoài lượng bốc hơi tự nhiên thì phần còn lại cũng được quay vòng và tái sử dụng 100% cho các mục đích khác nhau của nhà máy;
- Với nước có lẫn các thành phần tạp chất sẽ được lắng lọc trước khi được tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất;
- Nước rửa lọc chiếm khoảng 1 - 4% lượng nước sản xuất, trong các nhà máy nước thông thường nước này sẽ được thải bỏ ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, tại các nhà máy của DNP lượng nước này được đưa quay trở lại quá trình xử lý để tái xử lý thành nước sạch. Do vậy, nếu tính theo sản lượng năm 2021 lượng nước tiết kiệm được của DNP khoảng 1 - 4 triệu m³;
- Ngoài ra, qua bảng tổng hợp trên, thông qua công tác Kaizen cũng giúp việc giảm tiêu thụ nước của ngành gạch ngói trong năm 2021 so với năm 2020 khoảng 58 nghìn m³.



Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) cho toàn hệ thống, DNP đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS), Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS cho ngành nước, nhựa) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 chuyên gia chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên.

Do vậy, công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.



Tại DNP, chúng tôi góp phần bảo vệ môi trường bằng việc hướng tới sản xuất các sản phẩm “xanh”, an toàn và thân thiện với môi trường. Năm 2021, Nhựa Đồng Nai là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng nhận **“Nhãn xanh” - Green Building Product từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC)** cho nhóm sản phẩm ống nhựa và phụ kiện PP-R.

- 100% các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 – 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương;
- 100% các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải rắn. Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định. Ký hợp đồng thu gom, xử lý rác với các đơn vị chức năng;
- 100% phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);
- Không thải nước sản xuất ra môi trường - quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước);
- 100% các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường.

Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng xanh bằng việc sử dụng tối đa nguồn điện từ năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Bình Hiệp, Bình Thuận và nhà máy nhựa Tân Phú - Long An, định hướng mở rộng ra các đơn vị khác của DNP.

Nhờ các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng.

Do đó, tại DNP, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn xác định trách nhiệm của mình với cộng đồng, nỗ lực đóng góp tối đa cho sự phát triển chung của xã hội theo đúng tinh thần **“See Ahead - Nhìn xa Nghĩ lớn”**, cùng chung tay kiến tạo **“Vì một Việt Nam hùng cường và thịnh vượng”**.

Tại DNP, Công ty quan niệm rằng mỗi cá nhân tốt hơn, mỗi đội nhóm tốt hơn, mỗi doanh nghiệp tốt hơn thì đất nước cũng sẽ tốt hơn.

Với tinh thần đó, vượt lên trên những khó khăn, ảnh hưởng bởi dịch bệnh và thiên tai, năm 2021 tiếp tục ghi đậm những dấu ấn của người DNP với nhiều hoạt động thiện nguyện và các dự án vì cộng đồng ý nghĩa, đặc biệt là những nỗ lực không ngừng trong công tác hỗ trợ các địa phương và đội ngũ y bác sĩ trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh covid.

Sau 4 trụ nước uống sạch miễn phí dành tặng thành phố Hà Nội vào đầu năm 2019 đã cho thấy hiệu quả thiết thực, được đông đảo người dân và chính quyền ủng hộ, cho đến nay, dự án đã được DNP tiếp tục nhân rộng ra 8 tỉnh thành trên cả nước với tổng số 27 trụ nước - trị giá 3 tỷ đồng, tính tới tháng 12/2021.

Trong đó, 8 trụ nước được xây dựng quanh khu vực trung tâm quận Hoàn Kiếm - Hà Nội, 4 trụ nước tại Long An, 4 trụ nước tại Phan Thiết, 2 trụ nước tại Bắc Giang, 2 trụ nước tại Bình Phước, 2 trụ nước tại Tây Ninh, 2 trụ nước tại Khánh Hòa và 3 trụ nước tại Đắk Lắk giúp mang đến nguồn nước uống sạch cho hàng triệu người dân mỗi ngày.



Các trụ nước đều được đầu tư hệ thống máy lọc được nhập khẩu nguyên chiếc từ nước ngoài với quy trình lọc hiện đại, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo quy định của bộ Y tế để phục vụ cho người dân và du khách. Định kỳ hàng tháng, các mẫu thử đều được gửi đi kiểm tra tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật nhằm đảm bảo chất lượng nước luôn an toàn và tinh khiết nhất.

Tuy chỉ chiếm diện tích khiêm tốn tại những vỉa hè khu phố, tại các khu du lịch hay trước cổng các bệnh viện nhưng những trụ nước sạch tại vòi đã và đang thể hiện rõ sự hữu ích và đáp ứng nhu cầu cần thiết cho người dân và du khách.

Việc xây dựng các trụ nước sạch tại các tỉnh thành trong cả nước nằm trong chiến lược lâu dài của DNP với mục đích tạo ra nét văn minh mới cho người dân đô thị, phục vụ nước uống sạch cho người dân trên địa bàn và du khách tham quan đồng thời quảng bá hình ảnh DNP, cải thiện hình ảnh du lịch Việt Nam trong mắt của bạn bè quốc tế.

Dự án sẽ tiếp tục được thực hiện tại các tỉnh Cần Thơ, Lào Cai... và tiến tới mục tiêu mang những trụ nước uống sạch miễn phí đến khắp 63 tỉnh thành trên cả nước.



Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương



Đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Với phương châm đó, trong suốt nhiều năm qua, DNP đã luôn đặc biệt ưu ái, dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực tài trợ cho các dự án giáo dục.

Một trong những dự án được DNP chú trọng, cùng đồng hành trong nhiều năm qua là chương trình “Chắp cánh ước mơ” tại tỉnh Bắc Giang. Thông qua chương trình, hàng trăm kệ sách, tủ sách, hiện vật có giá trị đã được trao tặng đến các trường tiểu học, mầm non trong địa bàn tỉnh nhằm giúp các em có thêm tình yêu, đam mê với tri thức. Đặc biệt, trong năm 2021, DNP cũng đã trao tặng 18 suất học bổng trị giá 18 triệu đồng nhằm khích lệ, động viên đến các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập của huyện Lạng Giang.

Vươn xa hơn một chút, tình yêu của người DNP đã đến với những em bé của trường mầm non Nà Mèo, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình đang ngày ngày nhọc nhằn gánh con chữ lên non qua chương trình thiện nguyện “Trao yêu thương - Nhận nụ cười”. Tại đây, 94 phần quà và học bổng đã được trao tận tay đến các em nhỏ, góp phần giúp các em học sinh nơi đây khắc phục hoàn cảnh có thêm niềm vui và động lực để an tâm tới trường.

Dự án Miền Cổ Tích sau hơn 3 năm triển khai đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ với hơn 150.000 lượt subscribe, chính thức đạt nút bạc từ Youtube. Phát triển đề tài dựa trên những câu chuyện đạo đức và những bài học lịch sử, kênh đã thực sự trở thành một địa chỉ giáo dục - giải trí tin cậy, thu hút được một lượng lớn fan trung thành từ nhiều lứa tuổi.

Với những giá trị nhân văn, ý nghĩa đằng sau mỗi câu chuyện, chúng tôi tin rằng Miền Cổ Tích chính là vườn ươm tâm hồn, góp phần vào công tác giáo dục cả về nhân cách và tâm hồn cho thế hệ trẻ - lứa “măng non” kiến tạo nên tương lai của đất nước.

Đặc biệt, từ năm 2020, DNP Holding và đại học Thủy Lợi đã cùng nhau ký thỏa thuận hợp tác (MOU) trong nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nâng cao năng lực. Theo đó, DNP sẽ tài trợ cho các dự án và hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo; tài trợ 5 suất học bổng với 100% học phí toàn khóa học cho các sinh viên và hệ đào tạo sau đại học. Đây là dự án lớn, có ý nghĩa lâu dài góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bền vững đối với ngành nước nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung.

Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương



Đồng hành cùng những hoàn cảnh khó khăn

HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN MIỀN TRUNG

/ **825** triệu đồng

TẶNG QUÀ CHO CÁC EM NHỎ MẮC BỆNH VỀ MÁU

/ **300** nghìn đồng/suất

CỨU LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN

/ **800** nghìn m³



Không chỉ đầu tư cho nước sạch và giáo dục, DNP Holding cũng đã có nhiều đóng góp thiết thực về tài chính và các biện pháp thực tế để hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn trong cả nước.

Trận bão lũ lớn nhất lịch sử vào tháng 10/2020 đã khiến người dân miền Trung phải gánh chịu hậu quả nặng nề, nhiều người rơi vào cảnh màn trời chiếu đất, bị cuốn trôi hết nhà cửa, hoa màu, thậm chí bị thiếu đói, cô lập trong nhiều ngày. Ngay lập tức, với tinh thần tương thân tương ái, toàn thể CBCNV của DNP Holding đã cùng quyên góp, ủng hộ với tổng số tiền lên tới 825 triệu đồng, kịp thời hỗ trợ nhu yếu phẩm và một phần tiền mặt cho hơn 1.500 hộ dân tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Hà Tĩnh.

Trong những năm qua, DNP luôn đồng hành cùng chương trình “Cả nước chung tay Vì Người Nghèo”, đóng góp hàng tỷ đồng mỗi năm, góp phần cùng Đảng và

Nhà nước tạo thêm nguồn lực để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội và lan tỏa rộng rãi sự quan tâm, nhân văn, nhân ái trong cộng đồng.

Vào dịp giáng sinh hàng năm, công ty cũng đã phối hợp cùng phòng Công tác xã hội viện Huyết học và Truyền máu trung ương tổ chức chương trình “Giáng sinh trao yêu thương”, tặng quà cho 250 em nhỏ mắc các bệnh về máu đang điều trị tại đây. Mỗi suất quà trị giá 300.000 đồng, được các CBCNV hóa trang thành ông già Noel, trao tận tay các em với mong muốn mang đến cho các bé một ngày lễ an lành, ấm áp.

Với những người dân bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ đất nông nghiệp phục vụ dự án nhà máy nước Bắc Giang và nhà máy nước Nhị Thành, DNP Water tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ tài chính và triển khai kế hoạch Phục hồi sinh kế giúp bà con 2 địa bàn trên sớm ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Tổng ngân sách thực hiện dự án lên tới gần 400 triệu đồng. Tại chương trình này, DNP đã thực hiện các biện pháp: cung cấp vốn cho các

hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp đồng thời hỗ trợ giới thiệu việc làm, ưu tiên tuyển dụng người địa phương vào các vị trí phù hợp. Ngoài ra, để hỗ trợ các hộ dân, DNP còn thực hiện trợ giá nước sạch, áp dụng mức giá ưu đãi cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong 5 năm sau khi hoàn tất dự án. Dự án Phục hồi sinh kế đã hoàn tất trong năm 2021 và phát triển thêm các hạng mục hỗ trợ khác trong thời gian tới.

Còn với người dân Đồng bằng sông Cửu Long, xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020 được đánh giá ở mức nghiêm trọng nhất trong lịch sử không chỉ ảnh hưởng nặng nề đến công tác sản xuất nông nghiệp mà còn khiến hàng ngàn hộ dân nơi đây bị thiếu nước sinh hoạt trầm trọng.

Để giải cứu hàng ngàn hecta hoa màu, nhà máy nước Nhị Thành (Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước - DNP) đã phối hợp cùng UBND tỉnh Long An đã phối hợp công tác bơm cứu lúa vụ Đông Xuân cho 2 huyện Thủ Thừa và Tân Trụ với khoảng 800.000 m³, kịp thời cứu nguy cho

hàng ngàn hecta lúa và vườn cây ăn trái, giúp tránh thiệt hại hàng chục tỷ đồng cho người dân.

Bên cạnh đó, nhựa Đồng Nai đã phối hợp cùng UBND các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre triển khai lắp đặt 3 máy khử mặn RO tại 3 điểm thiếu nước ngọt trầm trọng nhất là thị trấn Gò Công và Tân Phú Đông - Tiền Giang và tại tỉnh Bến Tre giúp nhanh chóng giải quyết tình trạng thiếu nước ngọt sinh hoạt cho hàng trăm nghìn hộ dân tại địa phương.

Xuất phát từ ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần tương thân tương ái, DNP Holding luôn nỗ lực làm tốt hơn, làm nhiều hơn những hoạt động xã hội và công tác thiện nguyện để tiếp tục được đồng hành, và hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương



“Góp lửa” cùng đồng bào và lực lượng y tế trong cuộc chiến chống Covid-19

Trong những thời khắc gian khó ấy, người DNP đã có nhiều hoạt động thiết thực, kịp thời góp một phần nhỏ bé vào cuộc chiến cam go ấy. Ngay từ khi dịch bệnh bùng phát tại một số địa phương, DNP Water và các đơn vị thành viên đã sớm đưa ra chính sách hỗ trợ, miễn giảm tiền nước sạch cho các bệnh viện, khu cách ly và nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị tác động trực tiếp bởi dịch Covid-19.

Quỹ Covid “Góp lửa DNP – Cùng chiến thắng Covid” cũng nhanh chóng được thành lập, kêu gọi tập thể CBCNV trong công ty cùng nhau quyên góp nhằm hỗ trợ đồng bào, các lực lượng phòng chống dịch tại nhiều địa phương và những cá nhân, đơn vị trong công ty bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Chỉ sau 1 tuần phát động, quỹ Covid đã nhận được số tiền ủng hộ lớn nhất từ trước tới nay, lên tới 4 tỷ đồng.

Tấm lòng thơm thảo của người DNP đã nhanh chóng đong đầy những chuyến xe yêu thương, chuyên chở 2.000 xuất quà gồm các nhu yếu phẩm cần thiết: gạo, trứng, nước mắm, dầu ăn, bột canh... đã được cán bộ nhân viên công ty gấp rút chuẩn bị ngày đêm để trao tặng cho các địa bàn trọng yếu đang gặp khó khăn tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Long An trước khi các địa phương này siết chặt hơn các biện pháp phòng chống dịch.

Cùng với đó, quỹ cũng đã trích 700 triệu đồng để ủng hộ chương trình “Người Việt thương nhau” của ca sĩ Thái Thùy Linh và các tình nguyện viên, dành tặng 7.000 suất quà cho người nghèo, các gia đình gặp khó khăn vì Covid tại 22 quận/ huyện tại TP. Hồ Chí Minh.

DNP Holding cũng là một trong những đơn vị đi đầu trong các phong trào ủng hộ quỹ Vắc xin và quỹ Covid tại nhiều địa phương trong cả nước: Ủng hộ 500 triệu đồng vào quỹ Vắc xin tỉnh Long An, ủng hộ 500 triệu đồng vào quỹ Vắc xin tỉnh Tiền Giang, ủng hộ 84 triệu đồng cho quỹ Covid huyện Thuận Thành (Bắc Ninh), hỗ trợ 570 triệu đồng cho các hoạt động chống dịch tại Bắc Giang...

Thấu hiểu nỗi vất vả, khó khăn của các y bác sĩ trên tuyến đầu chống dịch, ban lãnh đạo DNP đã sớm gửi lời động viên, thăm hỏi, kịp thời hỗ trợ nhu yếu phẩm, đồ bảo hộ và trang thiết bị máy móc (máy trợ thở, bình oxy) cho các cán bộ y tế tại Bắc Giang, Khoa A9 – Bệnh viện Bạch Mai; bệnh viện dã chiến tại Phú Thọ... với tổng giá trị ủng hộ lên tới hàng tỷ đồng.



Báo cáo tác động liên quan đến tác động môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương



Chia sẻ với chính những cán bộ nhân viên trong công ty

Sau hơn 3 năm đi vào hoạt động, quỹ thiện nguyện “Vì ta cần nhau” như một bông hoa thơm thảo, ngày càng lớn mạnh và tỏa ngát hương khi được vun đắp bởi chính những tấm lòng đáng quý của người DNP.

Cứ thành thông lệ, đến ngày 15 hàng tháng, mỗi CBCNV có trách nhiệm ủng hộ số tiền tương đương 1 bữa ăn sáng (từ 10.000 - 30.000 đồng, tùy điều kiện), công ty sẽ đóng góp gấp đôi số tiền cán bộ nhân viên quyên góp được để xung quỹ. Đồng thời, tại các đơn vị cũng tổ chức rất nhiều các hoạt động quyên góp quần áo, đồ dùng học tập, đồ gia dụng để phân loại và mở gian hàng thiện nguyện.

Đã rồi từ những tấm lòng nhỏ bé ấy mỗi năm đã hỗ trợ cho hàng trăm trường hợp các anh, chị, em là cán bộ, nhân viên của DNP trên khắp ba miền có hoàn cảnh khó khăn, hoặc tai biến, bệnh tật, thiếu may mắn...

Trong giai đoạn khó khăn bởi dịch bệnh Covid-19, thời gian giãn cách kéo dài, nhiều anh chị em công nhân bị mắc kẹt tại các khu nhà trọ mà không có người thân, gia đình hỗ trợ.

Với tinh thần “tương thân tương ái”, “để không ai bị bỏ lại phía sau”, từng thùng mì tôm, quả trứng, chai dầu ăn... cho đến đồ dùng thiết yếu, thuốc men đều được đội thanh niên xung phong bất chấp mọi khó khăn, mang đến từng khu trọ, trao tận tay từng đồng nghiệp của mình, động viên nhau cùng đồng lòng vượt qua gian khó.

Với gần 1.000 cán bộ nhân viên trong công ty không may bị mắc Covid-19 hoặc có người thân nhiễm bệnh cũng đã được công ty hết lòng quan tâm, hỗ trợ về điều kiện vật chất và tinh thần, hướng dẫn, tạo điều kiện chữa trị để sớm bình phục và quay trở lại công tác.

“Vì mỗi cá thể luôn không thể tách rời khỏi cộng đồng nên chúng ta thực sự cần nhau”.

Với những hiệu quả thiết thực từ quỹ “Vì ta cần nhau” và các phong trào thiện nguyện của DNP Holding đã giúp lan tỏa và khơi gợi lòng nhân ái, khuyến khích mọi người cùng quan tâm, sẻ chia, trao yêu thương, hướng tới cộng đồng.

Dù nhỏ bé nhưng chúng tôi tin rằng “tích tiểu thành đại”. Tình người, những tấm lòng đáng quý của người DNP chính là những hạt mầm hạnh phúc để xây dựng nên một tập thể sẻ chia, một cộng đồng hạnh phúc.

Chính sách liên quan đến người lao động, chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Số lượng
cán bộ nhân viên

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021

/ **4.219** người



Chính sách với người lao động

DNP xác định nhân sự là động lực của tăng trưởng và phát triển, tạo nên sự khác biệt và sức cạnh tranh, nền tảng xây dựng doanh nghiệp trường tồn.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của công ty cụ thể như sau:



Lương thưởng cạnh tranh: Mức lương, thưởng tương đương với doanh nghiệp ở Singapore cùng quy mô. Bên cạnh đó còn có ESOP (Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn) để ghi nhận và khuyến khích sự cống hiến, dẫn thân, gắn bó bền vững với DNP.



Chú trọng đào tạo: Dành ngân sách đáng kể hằng năm cho công tác đào tạo phát triển nhân lực bao gồm cả công tác đào tạo nội bộ cũng như tham gia các khóa đào tạo an toàn lao động và sức khỏe nhân viên bên ngoài, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển năng lực chuyên môn, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty.



Phúc lợi ổn định: Nhằm mục đích bảo vệ an toàn, sức khỏe của cán bộ nhân viên, không chỉ chăm lo cho người lao động mà còn mở rộng, chia sẻ đến gia đình họ.

Công ty tuân thủ các quy định về an toàn lao động, mua bổ sung bảo hiểm thân thể cho cán bộ công nhân viên ngoài các bảo hiểm bắt buộc, có chương trình bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên theo phân cấp chức vụ, tổ chức định kỳ các hoạt động văn hóa, thể thao, nghỉ mát..., trợ cấp cho cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn...



Cơ hội thăng tiến: Chính sách thăng tiến cởi mở, ưu tiên cán bộ nhân viên nội bộ công ty nếu cán bộ nhân viên có năng lực và đủ trình độ, dựa trên nguyên tắc đánh giá khách quan, bình đẳng để cán bộ nhân viên có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng quản lý, lãnh đạo của bản thân tại các vị trí phù hợp.



Văn hóa doanh nghiệp: Môi trường làm việc hiện đại, thân thiện, khuyến khích sự cởi mở giao lưu, trao đổi giữa các đơn vị, cá nhân, gắn kết, hỗ trợ các thành viên và tạo thành một tập thể đoàn kết, năng động, tôn trọng mỗi cá nhân và hướng đến mục tiêu chung. Các chương trình giao lưu nội bộ thường xuyên được tổ chức gồm Thứ Sáu vui vẻ, DNP monthly talk, DNP Day...

Năm 2021, công ty đã triển khai dự án xây dựng thương hiệu Nhà tuyển dụng để thu hút được nhiều hơn nhân sự tốt, phù hợp với văn hóa tham gia phát triển cùng tập thể DNP.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	138
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	140
Báo cáo kiểm toán độc lập	141
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	142
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	146
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	148

Thông tin chung về công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

3600662561

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và các GCNĐKDN điều chỉnh, với GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 22 ngày 14 tháng 1 năm 2022.

Mã chứng khoán

DNP

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”) với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét; hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Trụ sở đăng ký

Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên (không điều hành)	
Ông Akhil Jain	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2021
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2021
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2021
Ông Brandon Marc Courban	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ		
Ông Lê Văn Minh	Trưởng ban	
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	
Ông Brandon Marc Courban	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 9 tháng 2 năm 2022
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT		
Ông Nguyễn Văn Hiếu		
KIỂM TOÁN VIÊN		
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam		

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm

đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 9 tháng 4 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022


Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.760.222.547.773	3.129.321.210.460
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	450.998.668.270	195.259.657.019
111	1. Tiền		321.511.970.430	88.159.679.583
112	2. Các khoản tương đương tiền		129.486.697.840	107.099.977.436
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		282.186.955.139	939.216.275.175
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	37.591.090.000	48.257.760.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	244.595.865.139	890.958.515.175
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.675.134.308.174	1.312.864.769.263
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.135.008.017.821	812.842.825.543
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	187.197.445.095	198.848.982.542
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	20.670.000.000	3.810.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	1.420.843.326.708	365.867.391.469
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7,8,9,10	(88.584.481.450)	(68.504.430.291)
140	IV. Hàng tồn kho		1.251.787.320.381	593.256.385.880
141	1. Hàng tồn kho	11	1.269.101.519.087	598.131.514.504
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11	(17.314.198.706)	(4.875.128.624)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		100.115.295.809	88.724.123.123
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	17.397.487.865	13.126.548.771
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		80.806.637.425	73.487.569.644
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	1.911.170.519	2.110.004.708

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.279.785.255.739	6.602.436.414.126
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		377.030.014.224	138.321.050.669
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	377.030.014.224	138.321.050.669
220	II. Tài sản cố định		7.435.634.423.283	5.360.698.300.638
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.360.395.964.236	4.686.309.351.838
222	Nguyên giá		9.106.024.763.892	7.018.397.329.782
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.745.628.799.656)	(2.332.087.977.944)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	244.442.236.218	303.300.753.048
225	Nguyên giá		339.389.026.561	400.241.355.595
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(94.946.790.343)	(96.940.602.547)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	1.830.796.222.829	371.088.195.752
228	Nguyên giá		1.889.164.047.494	386.958.276.224
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.367.824.665)	(15.870.080.472)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		427.990.700.595	172.932.930.937
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	427.990.700.595	172.932.930.937
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		608.856.378.194	527.974.285.478
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	574.969.557.934	508.587.465.218
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.856.420.260	3.856.420.260
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.2	30.030.400.000	15.530.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		430.273.739.443	402.509.846.404
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	100.359.762.906	113.270.299.941
269	2. Lợi thế thương mại	18	329.913.976.537	289.239.546.463
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.040.007.803.512	9.731.757.624.586

Mẫu B01-DN/HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.123.836.091.077	6.976.901.688.410
310	I. Nợ ngắn hạn		3.661.747.861.544	2.574.316.418.170
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	715.346.028.016	291.454.746.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	49.211.108.254	135.119.160.282
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	47.620.569.131	25.056.554.724
314	4. Phải trả người lao động		89.886.377.279	57.872.446.873
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	152.001.649.421	95.815.502.826
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	228.694.919.438	257.255.852.066
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	2.359.143.790.385	1.694.854.951.146
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8.021.701.542	8.445.191.990
322	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		11.821.718.078	8.442.011.353
330	II. Nợ dài hạn		6.462.088.229.533	4.402.585.270.240
331	1. Phải trả dài hạn người bán	19	61.103.815.235	26.655.630.356
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	20	22.917.666.487	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		407.674.193	640.630.883
337	4. Phải trả dài hạn khác	23	976.889.040.962	372.029.274.329
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	4.917.490.686.955	3.802.391.270.977
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	483.279.345.701	200.868.463.695

Đơn vị: VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.916.171.712.435	2.754.855.936.176
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	3.916.171.712.435	2.754.855.936.176
411	1. Vốn cổ phần		1.189.099.130.000	1.091.544.930.000
411a	• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.189.099.130.000	1.091.544.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		270.786.128.816	166.561.745.656
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		45.780.003.942	44.244.629.968
415	4. Cổ phiếu quỹ		(28.342.000)	(28.342.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		25.546.900.231	16.597.100.265
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.595.714.832	21.143.590.833
421a	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3.252.657.454	8.822.378.207
421b	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		343.057.378	12.321.212.626
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.381.392.176.614	1.414.792.281.454
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.040.007.803.512	9.731.757.624.586


Phạm Thị Ngọc Huệ
Người lập


Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hiếu
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02-DN/HN

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	6.315.325.559.458	3.295.388.684.623
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(77.905.568.771)	(6.734.249.905)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	6.237.419.990.687	3.288.654.434.718
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(5.249.928.107.677)	(2.714.354.790.486)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		987.491.883.010	574.299.644.232
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	274.991.181.493	228.528.493.796
22	7. Chi phí tài chính	28	(547.246.261.865)	(322.987.999.545)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(522.479.865.588)	(312.945.226.602)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	17.1	11.595.637.695	21.584.714.541
25	9. Chi phí bán hàng	29	(336.077.185.387)	(205.203.833.489)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(390.963.935.281)	(262.846.538.239)
30	11. (Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(208.680.335)	33.374.481.296

Mẫu B02-DN/HN

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	12. Thu nhập khác	30	54.712.848.572	5.998.221.931
32	13. Chi phí khác	30	(11.029.042.919)	(6.407.929.579)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	30	43.683.805.653	(409.707.648)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.475.125.318	32.964.773.648
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(40.802.723.528)	(15.303.019.690)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.1	20.073.795.105	9.423.451.518
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		22.746.196.895	27.085.205.476
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		8.343.057.378	13.332.664.479
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.403.139.517	13.752.540.997
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.4	76	132
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.4	76	132


Phạm Thị Ngọc Huệ
Người lập


Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hiếu
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B03-DN/HN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.475.125.318	32.964.773.648
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	31	608.649.524.468	338.317.863.177
03	Các khoản dự phòng		32.095.630.793	7.816.114.358
04	(Lỗ) lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(76.270.425)	444.332.604
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(278.338.466.514)	(219.087.823.080)
06	Chi phí lãi vay	28	522.479.865.588	312.945.226.602
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		928.285.409.228	473.400.487.309
09	Tăng các khoản phải thu		(305.772.149.653)	(186.547.275.224)
10	Tăng hàng tồn kho		(223.460.965.625)	(40.092.433.900)
11	Tăng các khoản phải trả		227.354.062.030	225.724.706.741
12	Tăng chi phí trả trước		15.365.726.173	(3.651.538.558)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		10.666.670.000	52.651.330.000

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
14	Tiền lãi vay đã trả		(457.706.858.755)	(265.002.637.663)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(34.523.606.622)	(17.696.149.895)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.465.059.200	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.408.493.028)	(11.163.418.482)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		158.264.852.948	227.623.070.328
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ		(684.813.899.184)	(433.132.855.263)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		7.528.593.050	34.047.520.780
23	Tiền chi thuần cho vay và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(955.736.922.293)	(349.874.657.710)
25	Tiền chi thuần về đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(567.641.186.460)	(436.800.158.388)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		608.103.150.358	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		138.979.430.694	72.238.572.159
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.453.580.833.835)	(1.113.521.578.422)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu/vốn góp của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của cổ đông không kiểm soát)	25.1	263.140.153.160	342.812.297.320
33	Tiền thu từ đi vay		6.075.184.848.544	3.862.532.637.585
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.695.264.523.957)	(3.274.214.312.106)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(72.477.339.549)	(79.174.393.272)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.505.989.512)	(5.449.766.986)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.551.077.148.686	846.506.462.541
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		255.761.167.799	(39.392.045.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		195.259.657.019	234.654.430.136
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(22.156.548)	(2.727.564)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	450.998.668.270	195.259.657.019


Phạm Thị Ngọc Huệ
Người lập


Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hiếu
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và các giấy GCNĐKDN điều chỉnh, với GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 22 ngày 14 tháng 1 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”) với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét; hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội trụ sở tại Kho số 6, dãy bên trái, số 780 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.219 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.060 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY CON TRỰC TIẾP						
1.	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33	99,33	99,33
2.	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01	51,01	51,01
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Đầu tư vào các Công ty/dự án nước sạch	68,24	68,24	68,24	68,24
4.	Công ty Cổ phần CMC	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	-	51,14	-

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin Công ty

(tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

(tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai mươi mốt (21) công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY CON GIÁN TIẾP						
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	68,24	68,24	99,997	99,997
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	58,68	58,96	87,82	86,40
3.	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	58,94	58,94	86,36	86,36
4.	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	55,57	55,57	89,38	89,38
5.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	39,07	39,07	57,26	57,26
6.	Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	35,95	35,95	52,68	52,68
7.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	38,26	38,26	59,47	59,47
8.	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	65,56	65,56	96,06	96,06
9.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	68,22	68,22	99,97	99,97
10.	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,23	52,23	99,93	99,93
11.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	49,67	50,00	50,00

Mẫu B09-DN/HN

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY CON GIÁN TIẾP						
12.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	39,73	39,73	80,00	80,00
13.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	39,73	39,73	80,00	80,00
14.	Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	48,86	48,86	48,86	48,86
15.	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	35,15	35,15	51,51	51,51
16.	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	35,15	35,15	100,00	100,00
17.	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	35,15	35,15	100,00	100,00
18.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,45	57,45	84,19	84,19
19.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,43	-	84,15	-
20.	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	-	70,00	-
21.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	-	99,99	-

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin Công ty (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (1) công ty liên kết trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY LIÊN KẾT TRỰC TIẾP						
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,00	45,00	45,00	45,00

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có chín (9) công ty liên kết gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY LIÊN KẾT GIÁN TIẾP						
1.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,35	25,35	37,15	37,15
2.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	32,49	32,49	47,61	47,61
3.	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	16,56	16,56	24,27	24,27
4.	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	9,77	9,77	25,01	25,01
5.	Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	9,77	9,77	25,00	25,00
6.	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	17,06	17,06	25,00	25,00
7.	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	32,93	32,93	48,25	48,25
8.	Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Dịch vụ công ích	11,68	-	20,33	-
9.	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	22,15	22,15	43,42	43,42

2. Cơ sở trình bày

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (VND).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	<ul style="list-style-type: none">Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<ul style="list-style-type: none">Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời gian thuê
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí công cụ dụng cụ;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. Các sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

4.1 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Mua Công ty Cổ phần CMC

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc mua 51,14% cổ phần để nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần CMC (“CMC”) - mã chứng khoán: CVT. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong CMC là 51,14% dẫn đến CMC trở thành công ty con của Công ty từ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần CMC vào ngày hợp nhất kinh doanh tương ứng được trình bày như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Các sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm (tiếp theo)

4.2 Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Công ty Cổ phần CMC		Đơn vị: VND
Tài sản		2.844.106.993.640
Tiền và các khoản tương đương tiền		194.967.562.840
Các khoản phải thu ngắn hạn		60.901.275.275
Hàng tồn kho		435.171.608.213
Tài sản ngắn hạn khác		2.040.810.911
Tài sản cố định		2.027.974.841.826
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109.881.631.375
Tài sản dài hạn khác		13.169.263.200
Nợ phải trả		943.154.107.010
Phải trả người bán ngắn hạn		116.065.670.771
Vay và nợ thuê tài chính		404.357.794.225
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		302.484.677.111
Phải trả ngắn hạn khác		120.245.964.903
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý		1.900.952.886.630
Tổng tài sản thuần được hợp nhất (51,14%)		972.056.348.069
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 18)		92.110.883.655
Tổng chi phí hợp nhất sau đánh giá lại khoản đầu tư		1.064.167.231.724

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.610.528.500	5.632.297.393
Tiền gửi ngân hàng	317.901.441.930	81.485.266.610
Tiền đang chuyển	-	1.042.115.580
Tương đương tiền (*)	129.486.697.840	107.099.977.436
TỔNG CỘNG	450.998.668.270	195.259.657.019

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng từ 3% đến 9,5%/năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (i)	37.591.090.000	37.591.090.000	48.257.760.000	48.257.760.000

(i) Bao gồm 3.759.109 cổ phiếu (tại 31 tháng 12 năm 2020: 4.825.776 cổ phiếu) với mệnh giá 10.000 VND cho mỗi cổ phiếu.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND				
	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	162.055.609.836	162.055.609.836	81.243.985.722	81.243.985.722
Các khoản đầu tư khác (**)	82.540.255.303	82.540.255.303	809.714.529.453	809.714.529.453
TỔNG CỘNG	244.595.865.139	244.595.865.139	890.958.515.175	890.958.515.175

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 3,3%/năm đến 6,8%/năm.

(**) Là các khoản đầu tư theo hợp đồng với các đối tác là tổ chức, cá nhân có thời hạn thu hồi dưới 12 tháng với mục đích là đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, các dự án xây dựng nhà máy nước.

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	1.132.771.700.092	810.606.507.814
Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện	692.248.432.669	590.872.887.598
Phải thu khách hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	282.438.348.271	118.909.464.199
Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	37.630.203.509	48.485.983.775
Phải thu khách hàng kinh doanh nước sạch	48.002.007.190	35.941.740.782
Phải thu khách hàng kinh doanh gạch ốp lát	9.313.995.628	-
Khách hàng khác	63.138.712.825	16.396.431.460
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	2.236.317.729	2.236.317.729
TỔNG CỘNG	1.135.008.017.821	812.842.825.543
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(80.414.099.339)	(65.218.279.211)
GIÁ TRỊ THUẦN (*)	1.054.593.918.482	747.624.546.332

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu giá trị khoảng 547,4 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp khác	186.338.698.460	197.990.235.907
Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nhựa	46.342.839.388	114.396.349.185
Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	49.894.268.739	60.802.507.164
Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành gạch ốp lát	41.007.526.685	-
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát	27.422.890.084	-
Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	16.269.232.199	10.917.151.009
Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nước	1.318.269.134	1.352.343.528
Các khoản khác	4.083.672.231	10.521.885.021
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	858.746.635	858.746.635
TỔNG CỘNG	187.197.445.095	198.848.982.542
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.401.919.399)	(886.246.635)
GIÁ TRỊ THUẦN	182.795.525.696	197.962.735.907

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên khác (*)	20.060.000.000	3.200.000.000
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	610.000.000	610.000.000
TỔNG CỘNG	20.670.000.000	3.810.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(810.000.000)	(610.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	19.860.000.000	3.200.000.000

(*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay tín chấp thời hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng thỏa thuận từ 7% - 12%/năm.

10. Phải thu khác

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
NGẮN HẠN	1.420.843.326.708	365.867.391.469
Các bên khác	1.419.053.422.263	364.077.487.024
Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	1.322.114.161.370	309.200.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	30.505.825.049	13.086.941.897
Ký quỹ, ký cược	15.780.804.297	10.428.767.690
Các khoản tạm ứng	20.049.149.826	6.302.216.381
Phải thu khác	30.603.481.721	25.059.561.056
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.789.904.445	1.789.904.445
DÀI HẠN	377.030.014.224	138.321.050.669
Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	341.890.410.959	97.500.000.000
Ký quỹ, ký cược	13.806.982.142	17.241.943.844
Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính	10.649.231.823	11.626.797.201
Phải thu khác	10.683.389.300	11.952.309.624
TỔNG CỘNG	1.797.873.340.932	504.188.442.138
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.958.462.712)	(1.789.904.445)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.794.914.878.220	502.398.537.693

(*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp tỷ suất cơ hội từ 6% đến 11%/năm. Lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng các quyền phải thu và tài sản hình thành từ khoản hợp tác đầu tư.

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Hàng tồn kho

Đơn vị: VND				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	28.408.217.231	-	81.062.281.348	-
Nguyên liệu, vật liệu	519.310.108.642	(4.098.874.379)	201.104.910.249	(1.865.655.036)
Công cụ dụng cụ	81.594.999.024	-	77.361.309.474	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.278.554.193	-	20.717.008.976	-
Thành phẩm	452.078.728.136	(13.099.185.376)	101.045.430.374	(2.569.000.383)
Hàng hóa	139.017.454.933	(116.138.951)	81.114.267.411	(440.473.205)
Hàng gửi đi bán	19.413.456.928	-	35.726.306.672	-
TỔNG CỘNG	1.269.101.519.087	(17.314.198.706)	598.131.514.504	(4.875.128.624)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho giá trị khoảng 374 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.875.128.624)	(4.914.184.895)
Tăng do hợp nhất	(3.557.541.850)	-
(Trích)/hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.881.528.232)	39.056.271
Số cuối năm	(17.314.198.706)	(4.875.128.624)

12. Chi phí trả trước

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
NGẮN HẠN		
Công cụ, dụng cụ	6.165.798.024	4.210.737.654
Chi phí sửa chữa tài sản	417.442.951	1.045.421.134
Chi phí khác	10.814.246.890	7.870.389.983
TỔNG CỘNG	17.397.487.865	13.126.548.771
DÀI HẠN		
Công cụ, dụng cụ	37.197.038.830	40.157.846.881
Chi phí sửa chữa tài sản và thay thế đồng hồ định kỳ	35.354.670.233	35.868.279.394
Chi phí khác	27.808.053.843	37.244.173.666
TỔNG CỘNG	100.359.762.906	113.270.299.941

Mẫu B09-DN/HN

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. Tài sản cố định hữu hình

						Đơn vị: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.825.524.437.051	1.222.130.412.026	3.939.597.741.591	30.238.458.133	906.280.981	7.018.397.329.782
Mua mới trong năm	9.453.273.493	30.121.028.173	31.046.323.462	3.221.170.091	61.818.182	73.903.613.401
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	34.242.985.666	328.532.927.760	121.919.514.300	313.522.513	361.889.787	485.370.840.026
Tăng do hợp nhất	320.928.110.872	1.131.414.729.065	50.541.164.684	2.083.015.175	-	1.504.967.019.796
Mua lại tài sản thuê tài chính	2.401.026.000	101.481.291.150	2.927.173.342	231.148.580	-	107.040.639.072
Thanh lý, nhượng bán	-	(573.605.267)	(1.747.690.930)	-	-	(2.321.296.197)
Giảm do bán tái thuê tài sản cố định	-	(23.044.701.699)	(550.000.000)	-	-	(23.594.701.699)
Tăng (giảm) khác	10.986.256.865	(2.322.421.314)	(65.525.621.509)	(634.690.046)	(242.204.285)	(57.738.680.289)
Số cuối năm	2.203.536.089.947	2.787.739.659.894	4.078.208.604.940	35.452.624.446	1.087.784.665	9.106.024.763.892
Trong đó: Đã khấu hao hết	314.661.433.712	739.419.244.950	314.254.384.962	12.225.236.644	463.125.175	1.381.023.425.443
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ						
Số đầu năm	(600.319.353.352)	(695.635.187.513)	(1.019.612.196.872)	(15.951.269.648)	(569.970.559)	(2.332.087.977.944)
Khấu hao trong năm	(109.842.788.855)	(178.556.669.182)	(181.503.215.544)	(4.688.266.844)	(34.882.130)	(474.625.822.555)
Mua lại tài sản thuê tài chính	(980.418.950)	(39.531.915.740)	(1.339.085.025)	(192.623.801)	-	(42.044.043.516)
Tăng do hợp nhất	(186.042.267.561)	(684.467.527.908)	(28.091.465.969)	(1.614.525.389)	-	(900.215.786.827)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.749.391.808	1.488.715.472	-	-	3.238.107.280
(Tăng) giảm khác	432.101.124	(13.737.699)	(206.125.424)	(105.514.095)	-	106.723.906
Số cuối năm	(896.752.727.594)	(1.596.455.646.234)	(1.229.263.373.362)	(22.552.199.777)	(604.852.689)	(3.745.628.799.656)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	1.225.205.083.699	526.495.224.513	2.919.985.544.719	14.287.188.485	336.310.422	4.686.309.351.838
Số cuối năm	1.306.783.362.353	1.191.284.013.660	2.848.945.231.578	12.900.424.669	482.931.976	5.360.395.964.236

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định giá trị **3.229.822.751.039 VND** đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	2.401.026.000	384.392.581.108	13.216.599.907	231.148.580	400.241.355.595
Thuê mới trong năm	-	39.907.463.128	6.280.846.910	-	46.188.310.038
Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.401.026.000)	(101.481.291.150)	(2.927.173.342)	(231.148.580)	(107.040.639.072)
Số cuối năm	-	322.818.753.086	16.570.273.475	-	339.389.026.561
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	-	578.181.818	-	578.181.818
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số đầu năm	(760.324.900)	(91.169.990.737)	(4.860.040.345)	(150.246.565)	(96.940.602.547)
Khấu hao trong năm	(220.094.050)	(37.875.665.940)	(1.912.094.086)	(42.377.236)	(40.050.231.312)
Mua lại tài sản thuê tài chính	980.418.950	39.531.915.740	1.339.085.025	192.623.801	42.044.043.516
Số cuối năm	-	(89.513.740.937)	(5.433.049.406)	-	(94.946.790.343)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	1.640.701.100	293.222.590.371	8.356.559.562	80.902.015	303.300.753.048
Số cuối năm	-	233.305.012.149	11.137.224.069	-	244.442.236.218

Mẫu B09-DN/HN

15. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND					
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	341.183.082.426	138.000.000	5.651.103.202	39.986.090.596	386.958.276.224
Mua mới trong năm	-	-	1.050.000.000	2.125.000.000	3.175.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	-	6.592.372.315	-	6.592.372.315
Tặng do hợp nhất	1.424.824.672.827	-	-	-	1.424.824.672.827
Tặng khác	63.733.035.214	-	-	3.880.690.914	67.613.726.128
Số cuối năm	1.829.740.790.467	138.000.000	13.293.475.517	45.991.781.510	1.889.164.047.494
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	138.000.000	2.519.394.644	4.079.452.990	6.736.847.634
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số đầu năm	(6.762.432.236)	(102.774.202)	(2.180.698.389)	(6.824.175.645)	(15.870.080.472)
Khấu hao trong năm	(36.310.119.725)	(35.225.798)	(1.863.364.373)	(4.289.034.297)	(42.497.744.193)
(Tặng) giảm khác	-	-	(2.318.643.304)	2.318.643.304	-
Số cuối năm	(43.072.551.961)	(138.000.000)	(6.362.706.066)	(8.794.566.638)	(58.367.824.665)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	334.420.650.190	35.225.798	3.470.404.813	33.161.914.951	371.088.195.752
Số cuối năm	1.786.668.238.506	-	6.930.769.451	37.197.214.872	1.830.796.222.829

Mẫu B09-DN/HN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định giá trị **24.557.786.170 VND** đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	172.932.930.937	1.450.592.856.781
Mua trong năm	636.500.923.538	407.491.188.612
Tăng do hợp nhất kinh doanh	117.032.091.181	29.705.800.304
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(485.370.840.026)	(1.686.517.621.384)
Chuyển sang chi phí trả trước	(3.540.349.414)	(25.006.729.623)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.592.372.315)	(350.000.000)
Giảm khác	(2.971.683.306)	(2.982.563.753)
Số cuối năm	427.990.700.595	172.932.930.937

Trong đó:			Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Mua sắm tài sản cố định	34.483.919.374	56.394.339.315		
Máy móc thiết bị	34.483.919.374	56.394.339.315		
Xây dựng cơ bản	393.506.781.221	116.538.591.622		
Nhà máy nước tại Bắc Giang	168.652.947.578	45.409.066.253		
Nhà máy nước tại Quảng Bình	92.738.993.909	-		
Xây dựng cơ bản tại CMC	62.017.272.727	-		
Nhà máy nước tại Cần Thơ 2	19.871.018.509	15.460.919.578		
Nhà máy nước tại Bình Phước	15.629.558.684	12.269.339.537		
Nhà máy nước tại Long An	9.920.451.953	9.043.767.618		
Nhà máy nước tại Bình Thuận	1.295.660.625	26.156.936.157		
Các công trình khác	23.380.877.236	8.198.562.479		
TỔNG CỘNG	427.990.700.595	172.932.930.937		

17. Đầu tư tài chính dài hạn

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Đơn vị: VND	
	Giá trị
GIÁ GỐC ĐẦU TƯ	
Số đầu năm	473.420.425.718
Tăng trong năm	55.384.754.855
Giảm trong năm	(598.299.834)
Số cuối năm	528.206.880.739
PHẦN LÃI LŨY KẾ SAU KHI MUA CÔNG TY LIÊN KẾT	
Số đầu năm	35.167.039.500
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	11.595.637.695
Số cuối năm	46.762.677.195
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	508.587.465.218
Số cuối năm	574.969.557.934

17.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND				
	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	28.100.000.000	28.100.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000
Các khoản đầu tư khác	1.930.400.000	1.930.400.000	1.930.400.000	1.930.400.000
TỔNG CỘNG	30.030.400.000	30.030.400.000	15.530.400.000	15.530.400.000

(*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 5,9% đến 8,1% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 0,8% hoặc 0,9% đều đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. Lợi thế thương mại

Đơn vị: VND	
	Giá trị
SỐ DƯ ĐẦU NĂM	289.239.546.463
Tăng do hợp nhất kinh doanh	92.150.156.482
<ul style="list-style-type: none">Công ty Cổ phần CMC (Thuyết minh 4.2)	92.110.883.655
<ul style="list-style-type: none">Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	39.272.827
Phân bổ trong năm	(51.475.726.408)
Số dư cuối năm	329.913.976.537
NGUYÊN GIÁ	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	445.753.489.504
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	537.903.645.986
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(156.513.943.041)
Phân bổ trong năm	(51.475.726.408)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(207.989.669.449)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	289.239.546.463
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	329.913.976.537

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
NGẮN HẠN	715.346.028.016	291.454.746.910
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	609.291.451.324	243.499.384.290
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nhựa	405.325.327.757	219.700.716.852
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát	172.914.753.920	-
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	31.051.369.647	23.798.667.438
Phải trả cho người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định	56.724.956.261	34.323.195.685
Phải trả cho người bán – Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	54.712.050.470	31.891.982.195
Phải trả cho người bán – Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	2.012.905.791	2.431.213.490
Phải trả cho người bán khác	49.329.620.431	13.632.166.935
DÀI HẠN	61.103.815.235	26.655.630.356
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	61.103.815.235	26.655.630.356
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh và mua sắm TSCĐ ngành nước	61.103.815.235	26.655.630.356
TỔNG CỘNG	776.449.843.251	318.110.377.266

20. Người mua trả tiền trước

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
NGẮN HẠN	49.211.108.254	135.119.160.282
Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước	24.932.093.809	89.001.834.570
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	10.709.480.853	37.405.731.724
Ứng trước tiền mua gạch ốp lát	4.409.368.997	-
Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng	3.100.565.246	1.722.260.098
Ứng trước tiền khác	6.059.599.349	6.989.333.890
DÀI HẠN	22.917.666.487	-
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	22.917.666.487	-
TỔNG CỘNG	72.128.774.741	135.119.160.282

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu nhà nước

Đơn vị: VND					
Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Phải thu		Phải nộp		Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp		19.085.443	12.371.110.073	49.011.087.774	34.523.606.622
Thuế giá trị gia tăng		1.821.900.234	2.698.941.129	307.574.147.951	301.084.598.187
Thuế thu nhập cá nhân		68.020.770	1.937.268.856	14.263.768.881	13.692.376.937
Thuế khác		200.998.261	8.049.234.666	61.491.967.005	60.277.541.269
TỔNG CỘNG		2.110.004.708	25.056.554.724	432.340.971.611	409.578.123.015
				1.911.170.519	47.620.569.131

Mẫu B09-DN/HN

Mẫu B09-DN/HN

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	94.482.011.049	57.044.422.126
Trích trước lương	19.314.499.539	12.341.560.985
Chi phí hoa hồng môi giới	6.017.709.302	4.282.060.957
Cước vận chuyển	8.560.506.668	3.410.628.273
Các khoản phải trả khác	23.626.922.863	18.736.830.485
TỔNG CỘNG	152.001.649.421	95.815.502.826

23. Phải trả khác

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
NGẮN HẠN	228.694.919.438	257.255.852.066
Lãi vay phải trả	133.133.720.358	94.137.792.871
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	1.553.002.266	1.438.166.945
Kinh phí công đoàn	2.842.490.541	1.761.178.102
Phải trả cổ tức	14.296.251.014	975.381.125
Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	21.600.796.736	-
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	-	142.027.268.493
Phải trả khác	55.268.658.523	16.916.064.530
DÀI HẠN	976.889.040.962	372.029.274.329
Lãi vay phải trả	183.011.595.719	193.258.179.319
Nhận ký quỹ, ký cược	47.957.539.532	10.152.654.475
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	628.492.439.790	63.673.090.000
Phải trả khác	117.427.465.921	104.945.350.535
TỔNG CỘNG	1.205.583.960.400	629.285.126.395

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	2.359.143.790.385	1.694.854.951.146
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.1)	1.857.167.149.476	1.309.071.257.969
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)	206.203.811.080	169.184.352.582
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)	55.722.829.829	66.599.340.595
Nợ trái phiếu ngắn hạn (Thuyết minh số 24.4)	97.250.000.000	-
Nợ trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	142.800.000.000	150.000.000.000
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	4.917.490.686.955	3.802.391.270.977
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.2)	2.573.556.537.254	2.407.886.631.344
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 24.3)	70.662.782.809	94.991.378.079
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24.5)	2.273.271.366.892	1.299.513.261.554
TỔNG CỘNG	7.276.634.477.340	5.497.246.222.123

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.497.246.222.123	4.555.159.587.464
Vay trong năm	5.685.757.187.119	3.248.235.720.720
Phát hành trái phiếu dài hạn (trừ: Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu)	1.214.058.105.338	745.141.302.119
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4.2)	408.078.841.848	376.383.683.416
Trả nợ gốc vay	(5.527.883.988.044)	(3.427.674.071.596)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại gốc vay	(621.891.044)	-
Số cuối năm	7.276.634.477.340	5.497.246.222.123

Các khoản vay và trái phiếu này chịu lãi suất theo thỏa thuận, chủ yếu dao động từ 4% đến 11%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành LC, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	692.144.915.322	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, trái phiếu, hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	415.937.380.262	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	360.800.650.765	Theo từng kế ước nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, tài sản cố định, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	21.392.897.522	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	67.742.508.378	Theo từng kế ước nhận nợ	Hàng tồn kho
Ngân hàng SinoPac	33.655.361.057	Đến ngày 14 tháng 06 năm 2022	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	17.473.132.706	Đến ngày 8 tháng 6 năm 2022	Các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Quân đội	23.943.497.785	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hàng tồn kho, tài sản cố định, hợp đồng tiền gửi, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	80.089.684.968	Theo từng kế ước nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	68.136.490.392	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	45.979.186.713	Theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai
Khoản vay cá nhân và tổ chức khác	29.871.443.606	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.857.167.149.476		

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản đảm bảo
International Finance Corporation	562.161.900.000	60 tháng kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2017	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và công ty liên kết
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.382.567.271.199	24 tháng đến 162 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản cố định	Hợp đồng tiền gửi, trái phiếu, khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng, máy móc, thiết bị, cổ phiếu, tài sản hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	376.649.345.253	Từ 20 đến 25 năm	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	47.763.003.692	Từ 60 đến 120 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản cố định, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai, hàng hóa luân chuyển
Ngân hàng TMCP Quân đội	9.148.519.240	Từ 48 đến 84 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản	Hợp đồng tiền gửi
Bộ Tài chính	229.571.840.795	25 năm	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.438.200.043	36 tháng	Đầu tư tài sản cố định	Phương tiện vận tải được hình thành từ vốn vay
Các cá nhân, tổ chức khác	170.460.268.112	Từ 13 đến 240 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh	Tài sản cố định, tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	2.779.760.348.334			
Trong đó: Đến hạn trả	206.203.811.080			
Vay dài hạn	2.573.556.537.254			

Mẫu B09-DN/HN

Mẫu B09-DN/HN

24.3 Nợ thuê tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị, khuôn và các tài sản khác phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

		Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND	
		Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn							
Từ 1 năm trở xuống		63.124.636.706	7.401.806.877	55.722.829.829	77.465.019.488	10.865.678.893	66.599.340.595
Nợ thuê tài chính dài hạn							
Trên 1-5 năm		76.440.467.422	5.777.684.613	70.662.782.809	105.299.990.497	10.308.612.418	94.991.378.079
TỔNG CỘNG		139.565.104.128	13.179.491.490	126.385.612.638	182.765.009.985	21.174.291.311	161.590.718.674

24.4 Trái phiếu ngắn hạn

Tổ chức thu xếp phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất	Số cuối năm VND	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Tới ngày 11 tháng 8 năm 2022	9,5%	97.250.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và Công ty liên kết

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. Vay và nợ thuê tài chính

24.5 Trái phiếu dài hạn

Tổ chức thu xếp phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất	Số cuối năm (VND)	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Từ 1 đến 5 năm	Từ 9,5% đến 11%	1.116.351.222.222	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh – đầu tư	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và Công ty liên kết
AEP II HOLDINGS PTE. LTD.,	5 năm	5%	454.293.553.754	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần của một số cổ đông tại Công ty và cổ phần của Công ty tại công ty con
Ngân hàng TMCP Việt Á	3 năm	11%	299.306.590.916	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần tại các Công ty con
Ngân hàng TMCP Quân đội	5 năm	9,5%	297.120.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần tại một số Công ty con
Vietnam Debt Fund SPC	4 năm	11%	145.000.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh - đầu tư	Cổ phần tại một số Công ty con
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam	3 năm	9% hoặc Libor + 3,3%	100.000.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh – đầu tư	Cổ phần tại Công ty liên kết
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ AIA	3 năm	9%	4.000.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh – đầu tư	
TỔNG CỘNG			2.416.071.366.892		
Trong đó : Đến hạn trả			142.800.000.000		
Dài hạn			2.273.271.366.892		

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

25. Vốn chủ sở hữu

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND								
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của cổ đông	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC								
Số đầu năm	1.000.085.350.000	68.800.023.336	19.881.878.888	(28.342.000)	16.947.943.391	54.054.204.545	909.955.167.604	2.069.696.225.764
Tăng vốn trong năm	91.459.580.000	97.761.722.320	16.389.545.465	-	(11.389.545.465)	(5.000.000.000)	153.590.995.000	342.812.297.320
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	13.332.664.479	8.525.756.612	21.858.421.091
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(6.580.678.869)	(6.580.678.869)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	7.973.205.615	-	-	(7.973.205.615)	5.226.784.385	5.226.784.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác	-	-	-	-	-	(21.793.911)	(18.919.938)	(40.713.849)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	13.895.797.505	(13.895.797.505)	-	-
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	(2.857.095.166)	(19.314.543.116)	344.131.857.001	321.960.218.719
Khác	-	-	-	-	-	(37.938.044)	(38.680.341)	(76.618.385)
Số cuối năm	1.091.544.930.000	166.561.745.656	44.244.629.968	(28.342.000)	16.597.100.265	21.143.590.833	1.414.792.281.454	2.754.855.936.176
NĂM NAY								
Số đầu năm	1.091.544.930.000	166.561.745.656	44.244.629.968	(28.342.000)	16.597.100.265	21.143.590.833	1.414.792.281.454	2.754.855.936.176
Tăng vốn trong năm (*)	97.554.200.000	104.224.383.160	1.535.373.974	-	(1.535.373.974)	-	61.361.570.000	263.140.153.160
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	8.343.057.378	14.403.139.517	22.746.196.895
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(30.207.310.032)	(30.207.310.032)
Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.197.257.597)	(10.134.687.718)	(16.331.945.315)
Chia quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	10.485.173.940	(10.485.173.940)	-	-
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	(8.876.499.327)	932.193.413.628	923.316.914.301
Khác	-	-	-	-	-	(332.002.515)	(1.016.230.235)	(1.348.232.750)
Số cuối năm	1.189.099.130.000	270.786.128.816	45.780.003.942	(28.342.000)	25.546.900.231	3.595.714.832	2.381.392.176.614	3.916.171.712.435

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

25. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
VỐN CỔ PHẦN		
Số đầu năm	1.091.544.930.000	1.000.085.350.000
Phát hành cổ phần	97.554.200.000	91.459.580.000
Số cuối năm	1.189.099.130.000	1.091.544.930.000

25.3 Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	118.909.913	109.154.493
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	118.909.913	109.154.493
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) Cổ phiếu phổ thông	8.810	8.810
Cổ phần đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	118.901.103	109.145.683

25.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ (VND)	8.343.057.378	13.332.664.479
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(21.793.911)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.343.057.378	13.310.870.568
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh trong năm	109.235.788	101.092.159
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (VND)		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)	76	132
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)	76	132

Không có các giao dịch cổ phần phổ thông hoặc giao dịch cổ phần phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

26. Doanh thu

26.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	6.315.325.559.458	3.295.388.684.623
Trong đó:		
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	6.240.244.200.066	3.275.510.366.022
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.482.095.776	14.878.318.601
Doanh thu khác	16.599.263.616	5.000.000.000
Trừ:	(77.905.568.771)	(6.734.249.905)
Chiết khấu thương mại	(68.177.248.837)	(1.214.893.914)
Giảm giá hàng bán	(1.082.566.828)	(292.700.000)
Hàng bán trả lại	(8.645.753.106)	(5.226.655.991)
DOANH THU THUẦN	6.237.419.990.687	3.288.654.434.718

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	167.685.689.040	131.256.938.381
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.627.833.597	51.368.509.560
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh	2.532.417.515	27.704.927.351
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.159.522.659	14.883.597.962
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.985.718.682	3.314.520.542
TỔNG CỘNG	274.991.181.493	228.528.493.796

Mẫu B09-DN/HN

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	5.181.342.827.676	2.699.844.191.426
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.676.153.914	9.792.108.697
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.881.528.232	(154.439.825)
Giá vốn khác	15.027.597.855	4.872.930.188
TỔNG CỘNG	5.249.928.107.677	2.714.354.790.486

28. Chi phí tài chính

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	522.479.865.588	312.945.226.602
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.622.768.679	4.511.293.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.825.510.535	444.332.604
Chi phí tài chính khác	14.318.117.063	5.087.146.766
TỔNG CỘNG	547.246.261.865	322.987.999.545

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
CHI PHÍ BÁN HÀNG	336.077.185.387	205.203.833.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.845.597.639	98.583.299.744
Chi phí nhân viên	85.066.730.214	55.489.848.893
Chi phí khấu hao	26.262.674.335	23.621.509.016
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	34.529.079.647	14.739.541.075
Chi phí bảo hành	5.621.386.704	90.349.587
Chi phí khác	28.751.716.848	12.679.285.174
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	390.963.935.281	262.846.538.239
Chi phí nhân viên quản lý	185.354.600.988	122.680.349.931
Lợi thế thương mại phân bổ	51.475.726.408	43.436.074.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.607.261.290	43.404.093.318
Chi phí khấu hao	19.937.627.044	10.861.130.354
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.427.351.317	8.413.607.147
Chi phí dự phòng	19.561.645.414	7.505.941.491
Thuế, phí và lệ phí	6.522.774.101	4.396.735.197
Chi phí khác	24.076.948.719	22.148.606.655
TỔNG CỘNG	727.041.120.668	468.050.371.728

Mẫu B09-DN/HN

30. Thu nhập và các chi phí khác

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
THU NHẬP KHÁC	54.712.848.572	5.998.221.931
Thu nhập khác từ hợp đồng dịch vụ	45.769.408.403	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	492.648.270	582.314.471
Thu nhập khác	8.450.791.899	5.415.907.460
CHI PHÍ KHÁC	(11.029.042.919)	(6.407.929.579)
LỢI NHUẬN THUẦN (LỖ) KHÁC	43.683.805.653	(409.707.648)

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	4.026.457.675.968	1.968.265.303.345
Chi phí nhân công	696.902.255.761	446.005.159.171
Chi phí khấu hao và hao mòn	557.173.798.060	293.691.631.951
Lợi thế thương mại phân bổ	51.475.726.408	43.436.074.146
Chi phí dự phòng	29.655.301.049	7.816.114.358
Thuế, phí, lệ phí	10.409.263.093	6.270.246.802
Chi phí khác	604.895.208.006	416.920.632.441
TỔNG CỘNG	5.976.969.228.345	3.182.405.162.214

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“NS3”), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận (“Bình Thuận”), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An (“Long An”), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang (“Bắc Giang”), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (“Tây Ninh”), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa (“Ninh Hòa”) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (“Bình Phước”) được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;
- Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Bình Thuận được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2010-2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo (2014 đến 2022) đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn;
- Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo;

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được miễn thuế TNDN trong hai năm (2017-2018) và giảm 50% thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (từ 2019 – 2022) đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng tại khu công nghiệp;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô Thị Ninh Hòa – Công ty con của Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH kiểm định đo lường Ninh Hòa – Công ty con của Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.968.982.999	15.269.898.981
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	1.833.740.529	33.120.709
	40.802.723.528	15.303.019.690
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(20.073.795.105)	(9.423.451.518)
TỔNG CỘNG	20.728.928.423	5.879.568.172

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.475.125.318	32.964.773.648
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	8.695.025.064	6.592.954.730
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(14.528.404.600)	(11.436.914.672)
Chi phí không được khấu trừ	7.491.075.738	5.408.625.808
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất	(6.499.983.559)	(5.469.778.755)
Chênh lệch do ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất	16.884.505.596	(9.249.755.913)
Thuế thu nhập hoãn lại do các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	1.821.284.733	204.749.070
Tài sản thuế TNDN chưa được ghi nhận	11.611.237.206	25.932.906.879
Thuế TNDN được giảm (*)	(1.592.499.470)	(3.095.626.179)
Sử dụng lỗ thuế của các năm trước	(4.987.052.814)	(3.040.713.505)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	1.833.740.529	33.120.709
Chi phí thuế TNDN	20.728.928.423	5.879.568.172

(*) Trong năm 2020, căn cứ theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, Tập đoàn đã thực hiện giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Trong năm 2021, theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19 về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế TNDN đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị: VND				
Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	483.279.345.701	200.868.463.695	20.073.795.105	9.423.451.518
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	483.279.345.701	200.868.463.695		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			20.073.795.105	9.423.451.518

32.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Đơn vị: VND					
Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ Thuế	Lỗ đã sử dụng	Lỗ mang sang	Năm hết hạn
2016	Đã quyết toán	32.226.536.268	16.891.178.938	-	2021
2017	Chưa quyết toán	1.404.896.281	-	1.404.896.281	2022
2018	Chưa quyết toán	6.296.306.894	-	6.296.306.894	2023
2019	Chưa quyết toán	16.573.384.071	-	16.573.384.071	2024
2020	Chưa quyết toán	129.664.534.397	8.044.085.130	127.822.344.057	2025
2021	Chưa quyết toán	60.243.267.091	-	60.243.267.091	2026
TỔNG CỘNG		246.408.925.002	24.935.264.068	212.340.198.394	

Các công ty trong Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế phát sinh nêu trên do tại thời điểm này, các công ty trong Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

Mẫu B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.236.317.729	2.236.317.729
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	858.746.635	858.746.635
PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Cho vay	610.000.000	610.000.000
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Tạm ứng vốn	1.637.500.000	1.637.500.000
		Lãi cho vay	152.404.445	152.404.445

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	9.170.971.200	9.064.332.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	667.585.000	624.515.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.903.624.800	8.149.327.120
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.598.352.800	1.654.898.300
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	1.243.039.222
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	65.066.357	48.894.487
		Mua nước sạch	4.445.888.571	4.667.047.619

Mẫu B09-DN/HN

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị: VND

Thu nhập, thưởng		
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Tổng Giám đốc	804.181.062	1.378.303.865
Phó Tổng Giám đốc	1.031.297.287	1.080.271.342
Phó Tổng Giám đốc	973.117.256	1.208.899.438
Phó Tổng Giám đốc	941.510.796	883.899.755
Phó Tổng Giám đốc	411.896.970	897.108.333
Phó Tổng Giám đốc	150.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.432.003.371	5.568.482.733

34. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Tập đoàn hiện đang thuê hoạt động không được kết thúc trước hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	25.627.990.488	13.129.327.907
Từ 2 - 5 năm	31.953.080.000	21.873.689.666
Trên 5 năm	1.269.526.839	2.437.059.992
TỔNG CỘNG	58.850.597.327	37.440.077.565

Cam kết góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có khoản cam kết nào liên quan tới việc góp vốn vào Công ty con.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

35. Thông tin theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị: VND			
	Ngành vật liệu xây dựng	Ngành nước và môi trường	Tổng cộng
NĂM NAY			
Doanh thu thuần bán hàng	5.225.713.045.517	1.011.706.945.170	6.237.419.990.687
Giá vốn hàng bán	4.480.490.190.956	769.437.916.721	5.249.928.107.677
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	745.222.854.561	242.269.028.449	987.491.883.010
NĂM TRƯỚC			
Doanh thu thuần bán hàng	2.614.879.615.801	673.774.818.917	3.288.654.434.718
Giá vốn hàng bán	2.197.642.458.217	516.712.332.269	2.714.354.790.486
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	417.237.157.584	157.062.486.648	574.299.644.232

36. Phân loại lại dữ liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong số liệu so sánh đầu kỳ đã được phân loại lại cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị: VND			
	Đã báo cáo trước đây	Phân loại lại	Số liệu sau khi điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	1.200.158.515.175	(309.200.000.000)	890.958.515.175
Phải thu ngắn hạn khác	56.667.391.469	309.200.000.000	365.867.391.469
Phải thu dài hạn khác	40.821.050.669	97.500.000.000	138.321.050.669
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	113.030.400.000	(97.500.000.000)	15.530.400.000

37. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.


Phạm Thị Ngọc Huệ
Người lập


Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hiếu
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 31 tháng 3 năm 2022





Địa chỉ

Văn phòng Hà Nội:

Tầng 23, Tòa nhà Handico, đường Phạm Hùng,
Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 3, tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur,
phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website

www.dnpcorp.vn



Trụ sở chính:

Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang



Trụ sở chính:

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



Trụ sở chính:

Số 25 phố Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội



Trụ sở chính:

Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ



Trụ sở chính:

Trụ sở chính: 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh